



# CẨM NANG

## HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

THỜI GIAN BAN HÀNH  
11/2010

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN NHÀ TP. HCM (HDBANK)	Ký hiệu	
CẨM NANG HƯỚNG DẪN THANH TOÁN VIÊN THANH TOÁN QUỐC TẾ CỦA NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN NHÀ TPHCM	Ngày ban hành	

## TRANG KIỂM SOÁT

### I/ PHẦN XÉT – SỬA ĐỔI

Ngày	Lần xét/Sửa đổi	Nội dung xét/Sửa đổi	Trang số
	1	Ban hành lần đầu	

### II/ PHÊ DUYỆT

	PHỤ TRÁCH BIÊN SOẠN	KIỂM SOÁT NGHIỆP VỤ	PHÊ DUYỆT
Ngày	...../...../2010	...../...../2010	...../...../2010
Chữ ký			
Họ Tên	NGÔ THỊ MAI HÀ		
Chức vụ	Phó Giám Đốc Trung Tâm Thanh Toán		Tổng Giám Đốc

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN I: LC VÀ CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN LC .....</b>	<b>5</b>
<b>I. KHỞI TẠO LC .....</b>	<b>6</b>
<b>1. Khai báo thông tin LC .....</b>	<b>6</b>
1.1 Khai báo thông tin LC nhập khẩu .....	6
1.2 Khai báo thông tin LC xuất khẩu .....	20
<b>2. Kiểm soát LC .....</b>	<b>23</b>
2.1 LC nhập khẩu .....	23
2.2 LC xuất khẩu .....	24
<b>3. Duyệt LC .....</b>	<b>25</b>
3.1 LC nhập khẩu .....	25
3.2 LC xuất khẩu .....	26
<b>4. Một số lưu ý khi nhập, kiểm soát và duyệt giao dịch LC .....</b>	<b>26</b>
<b>II. UPLOAD ĐIỆN QUA SWIFT .....</b>	<b>27</b>
<b>III. KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ DUYỆT GIAO DỊCH TRÊN SWIFT .....</b>	<b>28</b>
<b>VI. CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN LC .....</b>	<b>29</b>
<b>1. Nhập giao dịch .....</b>	<b>29</b>
1.1 Giao dịch tu chỉnh LC .....	29
1.2 Giao dịch đáo hạn LC .....	33
1.3 Giao dịch hủy bỏ LC .....	35
1.4 Giao dịch phục hồi LC .....	36
<b>2. Duyệt giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi LC .....</b>	<b>37</b>
<b>3. Upload giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi LC .....</b>	<b>38</b>
<b>4. Kiểm tra, kiểm soát và duyệt giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi LC .....</b>	<b>38</b>
<b>V. BẢO LÃNH NHẬN HÀNG (SG) .....</b>	<b>38</b>
<b>1. Phát hành bảo lãnh nhận hàng (SG) .....</b>	<b>38</b>
<b>2. Kiểm soát giao dịch SG .....</b>	<b>41</b>
<b>3. Duyệt giao dịch SG .....</b>	<b>41</b>
<b>4. Các sự kiện của SG .....</b>	<b>41</b>
4.1 Thu hồi SG .....	41
4.2 Hủy bỏ SG .....	42
4.3 Hồi phục SG .....	43
4.4 Kiểm soát giao dịch thu hồi, hủy bỏ, phục hồi SG .....	44
<b>V. XỬ LÝ BỘ CHỨNG TỪ .....</b>	<b>44</b>
<b>1. Khởi tạo .....</b>	<b>44</b>
<b>2. Kiểm soát giao dịch thương lượng chứng từ .....</b>	<b>51</b>
<b>3. Duyệt giao dịch thương lượng chứng từ .....</b>	<b>51</b>
<b>4. Kiểm tra, kiểm soát và duyệt giao dịch thương lượng chứng từ trên SWIFT .....</b>	<b>51</b>
<b>5. Xử lý các sự kiện của bộ chứng từ .....</b>	<b>51</b>
5.1 Bộ chứng từ có sai biệt .....	51
5.2 Chấp nhận bộ chứng từ .....	53
5.3 Sửa đổi bộ chứng từ .....	55
5.4 Đáo hạn/hết hạn bộ chứng từ .....	57
5.5 Phục hồi bộ chứng từ .....	58
5.6 Hủy bỏ bộ chứng từ .....	60
5.7 Duyệt giao dịch chứng từ sai biệt .....	61
<b>VII. THANH TOÁN BỘ CHỨNG TỪ .....</b>	<b>62</b>
<b>1. Quy trình thu tiền của KH/Nhận tiền từ Ngân hàng nước ngoài .....</b>	<b>62</b>
1.1 Kiểm tra nguồn tiền thanh toán .....	62
1.2 Khai báo thông tin .....	62
1.3 Duyệt giao dịch nhận tiền .....	66
<b>2. Quy trình thanh toán tiền cho Ngân hàng nước ngoài/ trả tiền cho KH .....</b>	<b>66</b>

2.1 Nhập thông tin .....	66
2.2 Duyệt giao dịch trả tiền .....	69
<b>VIII. NGHIỆP VỤ NHỜ THU .....</b>	<b>70</b>
1. Nhờ thu nhập khẩu .....	70
2. Nhờ thu xuất khẩu .....	74
3. Kiểm soát giao dịch nhờ thu .....	76
4. Phát hành giao dịch nhờ thu .....	76
5. Xử lý các sự kiện nhờ thu .....	76
<b>IX. NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH (BG) .....</b>	<b>76</b>
1. Phát hành bảo lãnh thư (BG) .....	76
1.1 Nhập thông tin BG .....	77
1.2 Kiểm soát giao dịch BG .....	81
1.3 Phát hành giao dịch BG .....	81
2. Các sự kiện của giao dịch BG .....	81
2.1 Giao dịch sửa đổi BG .....	81
2.2 Giao dịch đáo hạn BG .....	83
2.3 Giao dịch hủy bỏ BG .....	83
2.4 Giao dịch phục hồi BG .....	84
2.5 Duyệt giao dịch sửa đổi, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi BG .....	85
<b>X. THU PHÍ VÀ THANH TOÁN PHÍ .....</b>	<b>85</b>
1. Nhập thông tin về phí .....	85
2. Thực hiện giao dịch thu phí/ thanh toán phí .....	87
3. Duyệt thu phí/ thanh toán phí .....	88
3. Một số lưu ý khi thu phí .....	89
<b>XI. XỬ LÝ ĐIỆN VÀ CÁC THÔNG BÁO .....</b>	<b>90</b>
1. Điện free format .....	90
2. Duyệt các thông tin điện free format .....	91
3. Điện và thông báo .....	91
3.1 Quản lý điện và các thông báo .....	91
3.2 Nhận điện từ SWIFT .....	93
4. Truy vấn điện .....	94
4.1 Truy vấn giao dịch nhập khẩu .....	94
4.1.1 LC nhập khẩu .....	94
4.1.2 Bill nhập khẩu .....	95
4.1.3 Nhờ thu nhập khẩu, bảo lãnh nhập khẩu, các giao dịch bảo lãnh thư .....	96
4.2 Truy vấn các giao dịch xuất khẩu .....	96
4.3 Truy vấn ký quỹ .....	96
5. In chứng từ .....	97
5.1 In LC .....	97
5.2 In chứng từ .....	97
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>99</b>
1. Mã sản phẩm.....	Error! Bookmark not defined.
2. Mã sản phẩm thứ cấp.....	99
3. Nhóm khách hàng.....	99
4. Mã sự kiện.....	100
5. Mã trị giá hạch toán .....	100
6. Ý nghĩa đặc tính các field: .....	100
<b>HƯỚNG DẪN CHỌN MESSAGE GROUP.....</b>	<b>101</b>

**LỜI NÓI ĐẦU**

Nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu và sử dụng chương trình của Thanh toán viên Thanh toán quốc tế của HDBank, ban soạn thảo biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng Symbols. Tài liệu này hướng dẫn thao tác nhập liệu và các tình huống hạch toán trên phần mềm Symbols.

Toàn bộ tài liệu được chia thành nhiều chương, sắp xếp theo các nghiệp vụ về Tài trợ thương mại như L/C nhập khẩu, L/C xuất khẩu, nhờ thu, bảo lãnh ... Trong tất cả các chương, Thanh toán viên Thanh toán quốc tế sẽ được giới thiệu giao diện làm việc, cách truy xuất các màn hình nhập liệu, xử lý thông tin và các hướng dẫn tra cứu hạch toán và truy vấn thông tin phục vụ hạch toán trong Symbols.

Cảm nang biên soạn lần đầu, do đó không tránh khỏi thiếu sót, trong quá trình sử dụng rất mong các anh chị góp ý, bổ sung để có thể ban hành sổ tay hướng dẫn ngày càng hoàn chỉnh hơn.

Ban soạn thảo chân thành cảm ơn các anh chị đã giúp đỡ để hoàn thành sổ tay hướng dẫn này.

Phần Tài trợ thương mại hiện nay chủ yếu là phần L/C, nhờ thu và bảo lãnh, tất cả các nghiệp vụ này sẽ được thực hiện tập trung tại Phòng Thanh toán quốc tế\_Hội sở (P.TTQT\_HO) của HDBank.

## PHẦN I: LC VÀ CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN LC

Thư tín dụng (L/C) là một phương thức thanh toán phổ biến trong thương mại quốc tế. Người mua (nhà Nhập Khẩu) và người bán (nhà Xuất Khẩu) ký kết hợp đồng ngoại thương. Dựa trên hợp đồng này Ngân Hàng của người mua sẽ phát hành một L/C mà theo đó Ngân Hàng này cam kết sẽ thanh toán toàn bộ hoặc một phần trị giá của L/C ngay khi người bán xuất trình bộ chứng từ được thể hiện trên bề mặt là chân thực và hợp lệ với các điều kiện và điều khoản của L/C.

Có rất nhiều các bên tham gia vào một giao dịch L/C, như:

- **Opening/Issuing Bank:** - Ngân hàng (NH) phát hành L/C theo yêu cầu của KH.
- **Applicant:** - Nhà Nhập khẩu (NK) - Người yêu cầu NH phát hành mở L/C theo hợp đồng ngoại thương đã ký kết với nhà XK.
- **Beneficiary:** - Nhà Xuất Khẩu (XK) – Người cung cấp hàng hóa cho nhà NK và là người hưởng lợi trên L/C.
- **Advising Bank:** - NH thông báo là đại lý của NH phát hành ở nước của người hưởng lợi. NH này có trách nhiệm thông báo chuyển tiếp L/C đến người hưởng lợi hoặc NH của người hưởng lợi.
- **Negotiating bank:** - NH thương lượng là NH mà nhà XK xuất trình chứng từ theo yêu cầu của L/C để thương lượng và đòi tiền thanh toán. NH thông báo sẽ tự động trở thành NH thương lượng nếu L/C bị hạn chế thương lượng tại NH thông báo
  - Trong giao dịch NK, HDBank là NH phát hành (Opening /Issuing Bank) và KH của HDBank là người yêu cầu mở LC (Applicant)
  - Trong giao dịch XK, HDBank là NH thông báo (Advising Bank) và/hoặc NH thương lượng (Negotiating Bank) và KH của HDBank là người hưởng lợi LC (Beneficiary)

Phân hệ Tài trợ thương mại trong SYMBOLS sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện giao dịch với tất cả các loại L/C như là: Irrevocable, Revocable, Confirmed, Transferable, Revolving, Standby L/C. Hệ thống cũng hỗ trợ đối với L/C trả ngay và trả chậm.

Hệ thống cho phép người sử dụng nhập và duyệt tất cả các chi tiết liên quan đến việc phát hành L/C cũng như các giao dịch khác có liên quan như là: Tu chỉnh (Amendment), Đáo hạn (Expiry), Hủy bỏ(Cancellation), Phục hồi (Reactivation) và Cập nhật (Update)

## I. KHỞI TẠO L/C

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Tiếp nhận, kiểm tra và nhập giao dịch] -- N --&gt; B[verification (n): su tham tra, su xac thuc]     B --&gt; C[Kiểm tra và kiểm soát giao dịch]     C -- Y --&gt; D[Kiểm tra và duyệt giao dịch]     D --&gt; E[Kết nối và xử lý điện trên SWIFT]     E -- N --&gt; F[Kiểm tra và kiểm soát]     F -- Y --&gt; G[Kiểm tra và duyệt]     G --&gt; H[In và lưu trữ chứng từ]           </pre>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ mở LC nhập khẩu đã được duyệt do các Đơn vị chuyển đến.</li> <li>2. Yêu cầu Đơn vị mở TK ký quỹ và/hoặc TK thanh toán, khai báo chức năng sử dụng Trade Finance và Fund Transfer cho mã CIF của KH (Nếu KH lần đầu giao dịch TTQT)</li> <li>3. Nhập giao dịch L/C: Trade Finance/ Transaction/ Imports / Transaction Capture/ Letters of Credit</li> <li>4. Thu ký quỹ và phí (nếu có)</li> </ol>
Kiểm soát viên		Kiểm tra và kiểm soát giao dịch. Trade Finance / Transaction/ Imports/ Input verification/ Letter of credit
Cấp quản lý P.TTQT		Kiểm tra và duyệt giao dịch. Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Transaction Issuance/Letter of Credit
Thanh toán viên		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kết nối các giao dịch đã được duyệt với hệ thống Swift.</li> <li>2. Kiểm tra giao dịch trên hệ thống Swift và accept trên Swift.</li> </ol>
Kiểm soát viên		Kiểm tra lại nội dung và kiểm soát trên Swift
Cấp quản lý P.TTQT		Kiểm tra lại nội dung và duyệt giao dịch trên Swift
Thanh toán viên		In và lưu trữ chứng từ theo qui định

### 1. Khai báo thông tin LC

Sau khi tiếp nhận hồ sơ mở L/C nhập khẩu đã được duyệt do các Đơn vị chuyển đến, TTV kiểm tra mã khóa (test) xem có trùng khớp với mã khóa của Đơn vị:

- Nếu sai: yêu cầu Đơn vị kiểm tra và tính lại.
- Nếu đúng: ký xác nhận mã khóa test và kiểm tra nội dung của Giấy đề nghị mở L/C, kiểm tra TK ký quỹ, TK thanh toán của KH đủ số dư đảm bảo thực hiện việc mở L/C. Nếu số dư không đủ yêu cầu Đơn vị thông báo cho KH. Sau khi hoàn tất các thủ tục trên TTV tiến hành mở L/C.

Để thực hiện nhập các thông tin cần thiết cho việc phát hành 1 LC nhập khẩu hay để thông báo đến KH với 1 LC xuất khẩu, người sử dụng vào đường dẫn :

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Transaction Capture/ Letters of Credit

**capture = hold**

Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Transaction Capture/ Letters of Credit

#### 1.1 Khai báo thông tin LC nhập khẩu

Sau khi người sử dụng vào đường dẫn nhập, hệ thống sẽ hiện ra màn hình khai báo thông tin LC

gồm 5 trang. Mỗi trang đều hiển thị số tham chiếu của giao dịch chính là số của LC, mã và tên của loại sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp đã được người sử dụng lựa chọn cho giao dịch.

Màn hình trang 1:

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHÀ

SYMBOLS\*TRADE FINANCE  
TF\_PHUONG\_EOC5

Hoi so  
Letters of Credit - Import

02/06/2007  
TF211

Reference: 0700411100279

Product: 111 / LC2 PHAT HANH LC HK TRA NGAY

Page 1 Page 2 Page 3 Page 4 Page 5

Entered  
Sight/Payment

Branch: 004 Hai Ba Trung

Doc Ref No: Doc Date: 102 Source Ind:

Applicant: 00014844

Id: 00014844

Applicant Bnk: 3T COMPANY A 15 TO 100,NGO 84 TRAN

Name: Contact: Edit

Expiry: 10/09/2007 Effect: 10/03/2007

Location: VIB

Amount: 1,000.00 S/U Amt: Edit

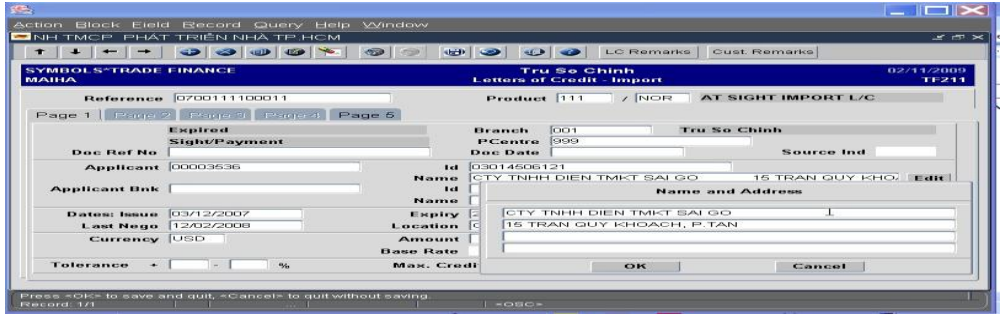
Base Rate: 15983.00000000 Rates: Edit

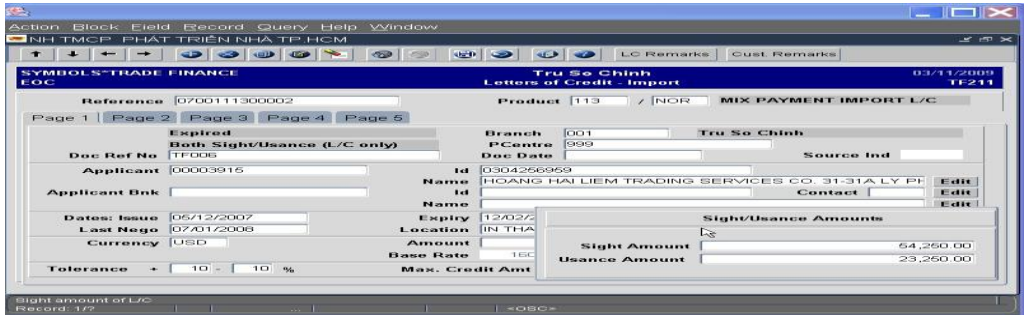
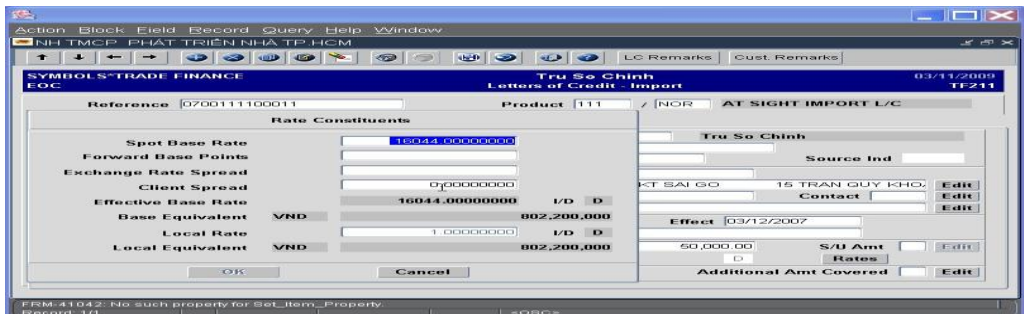
Tolerance: + - 5 % Max. Credit Amt: Additional Amt Covered: Edit

Client no. of bank or other party representing the applicant

<p><b>Reference No.</b> M, Q</p>	<p>Hệ thống sẽ tự động phát sinh. Số tham chiếu của giao dịch chính là số của LC. Số tham chiếu này dựa trên cơ sở các thông tin mà người sử dụng đã nhập và các thông số đã được cài đặt sẵn, do đó nó là số duy nhất cho mỗi giao dịch.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F20</b></p>
<p><b>Product (Type)/ Product Sub Type</b> M, Q</p>	<p>Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp gắn với LC. Nhấn F9 để chọn trong List of Value (LOV)</p>
<p><b>Status</b></p>	<p>Tình trạng hiện tại của LC. Hệ thống sẽ hiển thị các trạng thái khác nhau của LC tương ứng theo từng giai đoạn đã được thực hiện cho đến khi LC đáo hạn.</p> <p>Các trạng thái:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Entered: trạng thái khi nhập giao dịch và giao dịch đã được kiểm soát.</li> <li>. Active: trạng thái khi giao dịch đã được phát hành.</li> <li>. Expired: trạng thái khi giao dịch hết hạn.</li> </ul>
<p><b>Term</b></p>	<p>Kỳ hạn của LC. Tùy thuộc vào sản phẩm chính mà người sử dụng lựa chọn, hệ thống sẽ hiển thị kỳ hạn thích hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. Sight: Trả ngay</li> <li>. Usance: Trả chậm</li> <li>. Both sight/usance: cả trả ngay và trả chậm</li> </ul>
<p><b>Branch</b> M, Q</p>	<p>Mã của chi nhánh nhập giao dịch LC</p>
<p><b>PCentre</b> A, Q</p>	<p>Mã của bộ phận hưởng lợi từ giao dịch (chọn 201)</p>
<p><b>Doc. Ref. No.</b> C(16)A, Q</p>	<p>Số tham chiếu trên Giấy đề nghị mở LC của KH hoặc bất kỳ chứng từ liên quan nào khác .</p>



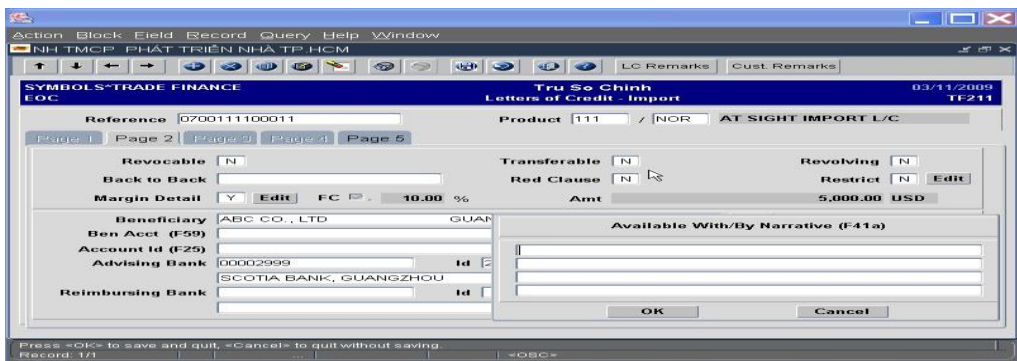
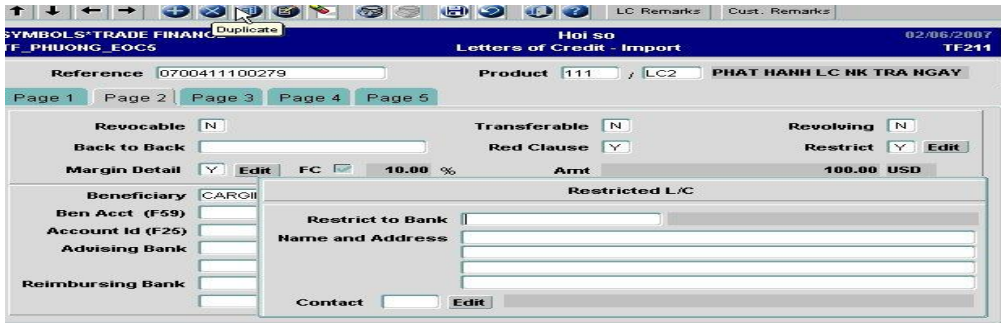
<b>Doc. Date</b> C(10), A, Q	Ngày của Giấy đề nghị mở LC của KH hoặc bất kỳ chứng từ liên quan nào khác đã nêu ở trên.
<b>Source Ind</b>	Nguồn tiếp nhận thông tin LC. Nguồn này được hệ thống tự động hiển thị.
<b>Applicant</b> M, Q	KH yêu cầu mở LC. Nhấn F9 để chọn trong LOV mã CIF của KH. Hiện nay trên hệ thống tên giao dịch của KH là tên tiếng Việt, người sử dụng vào EDIT để nhập tên tiếng Anh.
<b>ID</b>	Hệ thống sẽ hiển thị mã CIF (mã Khách hàng) của KH khi chọn Applicant
<b>Name</b> C(140), M, A, Q	<p>Tên và các thông tin về người yêu cầu mở LC như là địa chỉ, số điện thoại,... sẽ được hiển thị ngay khi người sử dụng lựa chọn thông tin thích hợp ở các trường <b>Applicant</b>, <b>ID</b>. Tuy nhiên nếu muốn thay đổi các thông tin về KH cho phù hợp với LC thì nhấn vào nút <b>Edit</b>. Màn hình sẽ hiện ra một cửa sổ nhỏ để người sử dụng chỉnh sửa các thông tin cần thay đổi.</p>  <p><b>Điện Swift: MT700 – F50</b></p>
<b>Applicant Bank</b> C(12), A, Q	Mã NH của người yêu cầu mở LC. HDBank hoặc một NH khác mà HDBank được ủy quyền để mở LC. Trong trường hợp như vậy thì Applicant là KH của NH kia. Nếu là HDBank thì có thể bỏ trống hoặc chọn trong LOV.
<b>ID</b>	Hệ thống sẽ hiển thị mã CIF (mã Khách hàng) khi chọn Applicant Bank
<b>Contact</b> C(3), A, Q	Hình thức liên hệ với NH của người yêu cầu mở LC: bằng điện thoại, địa chỉ thư tín, Swift.... chọn trong LOV. Thường thì đối với các NH, hệ thống sẽ mặc định loại liên lạc là SWIFT (nếu NH đó có SWF).
<b>Name</b> C(140), M, A, Q	<p>Tên và các thông tin về NH của người yêu cầu mở LC như là địa chỉ, số điện thoại, mã Swift,... sẽ được hiển thị ngay khi người sử dụng lựa chọn thông tin thích hợp ở các trường <b>Applicant Bank</b>, <b>ID</b>, <b>Contact</b>. Tuy nhiên nếu muốn thay đổi các thông tin về NH cho phù hợp với LC thì người sử dụng có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> và chỉnh sửa các thông tin cần thay đổi.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F51A</b></p>
<b>Dates: Issue</b> C(10), M, A, Q	Ngày nhập giao dịch LC. Hệ thống sẽ tự mặc định là ngày chạy hệ thống. Tuy nhiên có thể thay đổi.
<b>Dates: Expiry</b> C(10), M, A, Q	<p>Ngày đáo hạn của LC. Nhập dựa trên Giấy đề nghị mở LC của KH.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F31D</b></p>
<b>Dates: Effect</b> C(10), M, A, Q	<p>Ngày hiệu lực của LC hay có thể chính là ngày phát hành của LC. Hệ thống sẽ tự mặc định là ngày chạy hệ thống. Tuy nhiên có thể thay đổi.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F31C</b></p>

<b>Last Negotiation Date</b> C(10), M, A, Q	<p>Ngày thương lượng chứng từ muộn nhất. Nếu sau ngày này bộ chứng từ được lập theo LC mới xuất trình thì NH thương lượng sẽ không chấp nhận. Hệ thống sẽ tự động tính toán và hiển thị, thường là ngày đáo hạn của LC, tuy nhiên có thể thay đổi cho phù hợp.</p>
<b>Location</b> C(29), M, A, Q	<p>Nơi hết hạn hiệu lực của LC.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F31D</b></p>
<b>Currency</b> M, Q	<p>Loại tiền của giao dịch</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F32B</b></p>
<b>Amount</b> C(26), M, Q	<p>Trị giá của LC</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F32B</b></p>
<b>S/U Amt (Sight Usance Amount)</b>	<p>Trị giá phần trả ngay và trị giá phần trả chậm. Người sử dụng chỉ được phép sử dụng trường này nếu lựa chọn loại sản phẩm chính là <b>Mixed Payment</b>, nghĩa là việc thanh toán LC sẽ được thực hiện một phần là trả ngay và một phần là trả chậm. Khi đó người sử dụng sẽ phải nhập phần trị giá LC áp dụng kỳ hạn trả ngay và phần trị giá LC áp dụng kỳ hạn trả chậm (Lưu ý: tổng của 2 phần này phải bằng đúng trị giá của LC). Để nhập các thông tin cần thiết nhấn vào nút <b>Edit</b> để nhập thông tin. Sau khi nhập xong trường này sẽ xuất hiện chữ ‘Y’, chỉ định rằng các giá trị đã được nhập.</p>  <p>. M nếu sản phẩm là Mixed Payment. (113)</p>
<b>Rates</b>	<p>Tỷ giá quy đổi loại tiền của LC tương đương với đồng tiền cơ sở do hệ thống đã cài đặt sẵn. Khi nhập loại tiền giao dịch của LC, hệ thống sẽ tự động quy đổi trị giá LC theo tỷ giá hiện hành sang một giá trị tương đương dùng để thống kê báo cáo. Nếu muốn thay đổi tỷ giá cho phù hợp có thể nhấn vào nút <b>Rates</b>.</p> 
<b>Tolerance (+/-)</b> N(2), A, Q	<p>Dung sai cho phép đối với khối lượng hàng hóa và trị giá của hóa đơn thực tế so với khối lượng hàng hóa và trị giá đã được quy định trong LC. Nếu LC không cho phép có dung sai thì bỏ trống trường này.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 – F39A</b></p>

<b>Max. Amount (Maximum Amount)</b>	<b>Credit Credit</b>	Trị giá hóa đơn thương mại tối đa. Trong trường hợp LC không cho phép dung sai thì người sử dụng sẽ đánh dấu vào trường này còn nếu LC đã có quy định cho phép dung sai thì người sử dụng không được chọn trường này nữa
		<b>Điện Swift: MT700 – F39B</b>
<b>Additional Covered</b>	<b>Amt.</b>	Các số tiền cộng thêm. Nếu ngoài trị giá thực của LC (tổng giá hàng NK) còn có thêm một vài khoản khác như là: lãi suất cũng được tính vào trị giá của LC, người sử dụng có thể nhập thông tin về các khoản này bằng cách nhấn vào nút <b>Edit</b> để nhập thông tin. Sau khi nhập xong trường này sẽ xuất hiện chữ ‘Y’, thể hiện rằng các giá trị đã được nhập.
		<b>Điện Swift: MT700 – F39C</b>

Màn hình trang 2:

<b>Revocable</b> C(1), A, Q	LC có thể hủy ngang. Hệ thống mặc định là ‘N’: là LC không thể hủy ngang nhưng nếu LC được mở là loại có thể hủy ngang thì có thể thay đổi bằng chữ ‘Y’.
	<b>Điện Swift: MT700 – F40A</b>
<b>Transferable</b> C(1), A, Q	LC có thể chuyển nhượng. Hệ thống mặc định là ‘N’: là không thể chuyển nhượng. Tuy nhiên nếu LC cho phép được chuyển nhượng quyền hưởng trị giá LC đến người hưởng lợi thứ 2 thì có thể thay đổi bằng chữ ‘Y’.
	<b>Điện Swift: MT700 – F40A</b>
<b>Revolving</b> (Yes/No) C(1), A, Q	<p>LC tuần hoàn. Hệ thống mặc định là ‘N’: là không tuần hoàn. Tuy nhiên nếu LC được mở là loại LC tuần hoàn thì có thể thay đổi bằng chữ ‘Y’. Nhấn Tab màn hình sẽ hiện ra của sổ nhỏ như sau để người sử dụng nhập các chi tiết tuần hoàn của LC:</p> <p><b>Trong đó:</b></p> <p><b>No. of Revolution</b> : số lần tuần hoàn của LC</p> <p><b>Period</b> : thời hạn của mỗi lần tuần hoàn</p> <p><b>Cumulative</b> : có tính lũy kế cho các lần tuần hoàn không</p> <p>Các trường còn lại trong cửa sổ hệ thống sẽ tự động cập nhật thông tin để hiển thị mỗi khi có xảy ra sự tuần hoàn, tùy thuộc vào các thông số tuần hoàn.</p> <p>Nếu LC tuần hoàn n lần, 1000USD/lần, nghĩa là tổng trị giá LC là n x 1000 USD, giá trị nhập trong trường “No. of revolutions” sẽ là n – 1</p>
	<b>Điện Swift: MT700 – F40A</b>

<b>Back to Back</b> C(16), A, Q	LC giáp lưng. Trường này chỉ sử dụng với các giao dịch NK, trong trường hợp LC NK này được phát hành dựa trên 1 LC XK. Khi đó LC XK được gọi là LC Master và trong trường này người sử dụng nhập số tham chiếu của LC XK đó.
<b>Red Clause</b> C(1), A, Q	LC điều khoản đỏ. Hệ thống mặc định là ‘N’ nghĩa là không có điều khoản đỏ. Tuy nhiên nếu LC được mở là loại LC điều khoản đỏ thì người sử dụng có thể thay đổi bằng chữ ‘Y’, nhấn Tab màn hình sẽ hiện ra cửa sổ để người sử dụng nhập trị giá của khoản tín dụng mà NH phát hành ủy quyền cho NH thông báo:  <b>Điện Swift: MT700 – F40A</b>
<b>Restrict</b> C(1), A, Q	<p>Điều khoản hạn chế thương lượng LC. Nếu ngân hàng mở LC muốn hạn chế thương lượng LC tại một ngân hàng nào đó, họ sẽ chỉ định rõ tên của NH được ủy quyền thương lượng.</p> <p>- Nếu chọn N nhưng người sử dụng muốn bổ sung thêm đầy đủ cho F41 của MT700 thì nhấn vào <b>Edit</b>.</p> <p><u>Lưu ý:</u> ở trường này chỉ nhập thông tin liên quan tới “available with”, thông tin “by narrative” sẽ được nhập ở phần sau.</p>  <p>- Nếu người sử dụng chọn Y, hệ thống sẽ mở ra màn hình phụ để khai báo thông tin ngân hàng được ủy quyền</p>  <p>Trong đó:</p> <p><i>Restrict to Bank</i> : Mã ngân hàng được ủy quyền thanh toán/chiết khấu/chấp nhận thanh toán. (chọn trong LOV)</p> <p><i>Name and Address</i>: Tên và địa chỉ của ngân hàng được ủy quyền</p> <p><i>Contact</i>: phương thức liên hệ với NH được ủy quyền. Nhấn edit để thay đổi phương thức (nếu cần)</p> <p><b>Điện SWIFT: MT700- F41A</b></p>
<b>Margin Detail</b> M, A, Q	Khai báo thông tin về ký quỹ. Nhấn edit để nhập thông tin như sau:




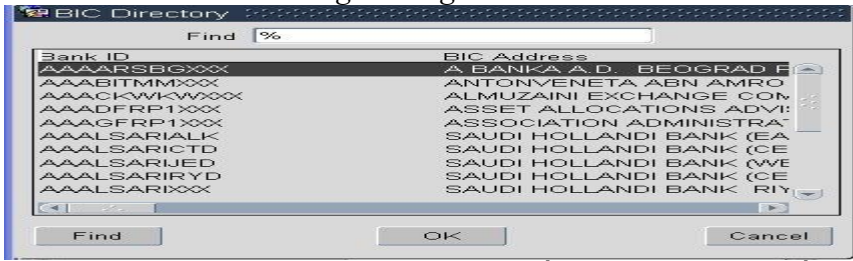
Margin code M,A,Q	Trong Symbols, ký quỹ được khai báo chung với mã của các khoản phí, mã ký quỹ là MAR
Forward Cover	Nếu loại tiền của ký quỹ không phải là đồng tiền cơ sở và số tiền ký quỹ được bán forward, thì click vào trường này.
Percentage C(6), A,Q	Tỷ lệ phần trăm giữa số tiền ký quỹ so với trị giá LC. Người sử dụng nhập tỷ lệ phần trăm mong muốn
Amount	Trị giá ký quỹ tính theo loại tiền LC. Trị giá này được hệ thống tự động tính dựa trên tỷ lệ phần trăm như trên và trị giá LC (Amount = Percentage x LC amount)
Margin CCY M,A,Q	Loại tiền ký quỹ. Chọn mã loại tiền tương ứng
Exchange rate C(15),A,Q	Tỷ giá quy đổi từ đồng tiền LC ra đồng tiền ký quỹ. Nếu đồng tiền LC và ký quỹ giống nhau, tỷ giá quy đổi là 1. Nếu khác nhau, hệ thống tự động tính ra tỷ giá dựa trên bảng tỷ giá được cài đặt trong hệ thống.
Margin amount	Trị giá ký quỹ tính theo đồng tiền ký quỹ. Hệ thống tự động tính trị giá này dựa trên tỷ giá quy đổi. $\text{Margin amount} = \text{Exchange rate} * \text{Amount}$
Base rate	Tỷ giá quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền cơ sở
Base equiv	Kết quả quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền cơ sở để báo cáo $\text{Base equiv} = \text{Base rate} * \text{Margin amount}$
Local rate	Tỷ giá quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền bản địa
Local equiv	Kết quả quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền bản địa để báo cáo $\text{Local equiv} = \text{Local rate} * \text{Margin amount}$
Collected	Hiện thị số tiền ký quỹ thực thu từ khách hàng
Uncollected	Hiện thị số tiền ký quỹ chưa thu được từ khách hàng $\text{Margin amount} = \text{Collected} + \text{Uncollected}$
Utilised	Hiện thị số tiền ký quỹ đã bị trích ra để thanh toán
Unutilised	Hiện thị số tiền ký quỹ còn lại $\text{Collected} = \text{Utilised} + \text{Unutilised}$


**Lưu ý:** Trước khi khai báo các thông tin ký quỹ, phải hoàn thành việc khai báo các trường bắt buộc để tạo một bản ghi LC và ghi nhận.

Thông tin khai báo ký quỹ chỉ có giá trị về mặt hồ sơ mà không có giá trị về mặt kế toán, tức là người sử dụng còn phải tiếp tục thu tiền từ tài khoản KH.

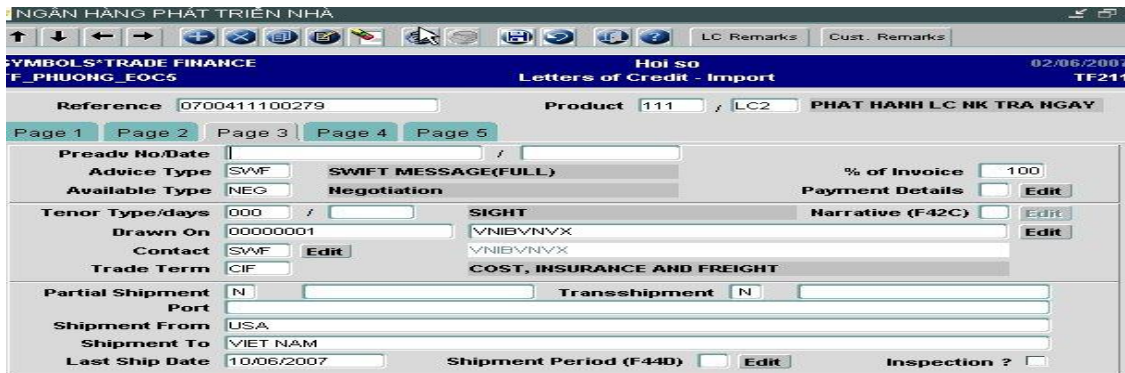
Phải khai báo thông tin ký quỹ trước khi thu tiền ký quỹ của khách hàng. Màn hình khai báo ký quỹ này chỉ có trong menu khởi tạo LC, vì vậy bắt buộc phải khai báo ký quỹ trước khi phê duyệt LC (nếu LC có ký quỹ).

Người sử dụng sẽ không nhập vào trường này nếu LC không có ký quỹ.

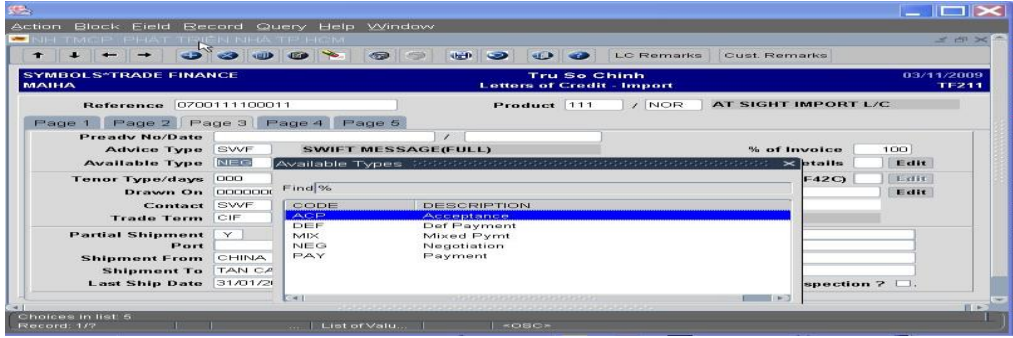
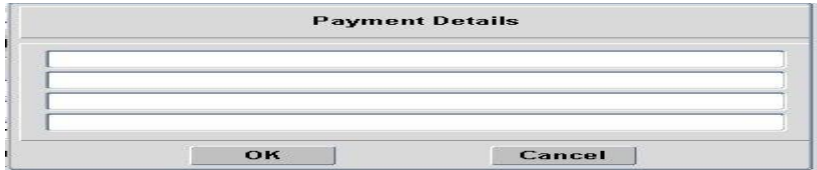
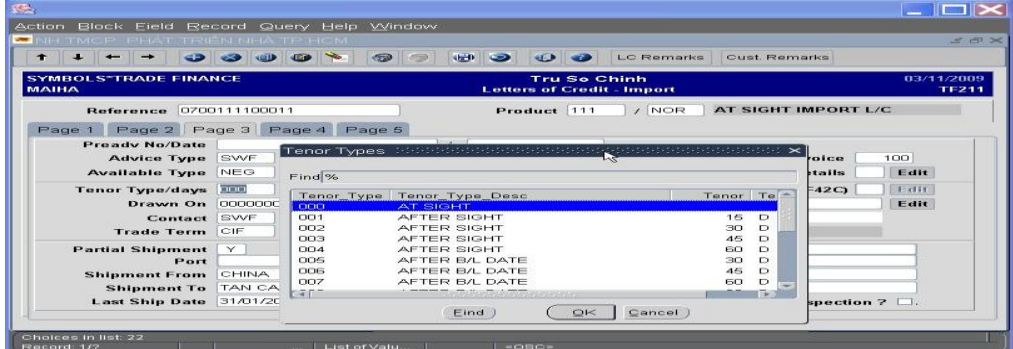
	Nếu KH mua ngoại tệ để ký quỹ thì trong phần khai báo ký quỹ này yêu cầu khai báo luôn loại ngoại tệ đó, không khai báo VND (việc mua bán ngoại tệ sẽ được thực hiện ở bộ phận khác.)
Beneficiary C(140), M, A, Q	<p>Tên và địa chỉ của người hưởng lợi L/C. Nhấn Edit để nhập thông tin</p> <p><u>Lưu ý:</u> người sử dụng sẽ nhập tất cả thông tin cần thiết của người thụ hưởng vào trường này như tên, địa chỉ, tài khoản (nếu có)....</p> <p><b>Điện SWIFT: MT700 – F59</b></p>
Ben Acct C(34), Q	<p>Số tài khoản của người hưởng lợi (nếu có)</p> <p><b>Điện SWIFT : MT700-F59</b></p>
Account ID C(34), A,Q	<p>Số tài khoản sẽ ghi nợ của ngân hàng phát hành khi thanh toán giao dịch (F25)</p> <p><b>Điện SWIFT : MT740-F25</b></p>
Advising bank M, A,Q	<p>Ngân hàng thông báo LC hay ngân hàng nhận điện 700 (Receiver hoặc First Advising bank), chọn trong LOV. Sau khi chọn, hệ thống tự động hiển thị mã số ngân hàng (ID), phương thức liên lạc (Contact), tên và địa chỉ liên lạc tương ứng với phương thức liên lạc. Nếu muốn thay đổi phương thức liên hệ hoặc địa chỉ hoặc tên của NH, có thể chọn Contact khác hoặc nhấn Edit để nhập thông tin.</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu NH thông báo không có trong LOV: chọn code mã khách hàng là <b>BKE</b> hoặc <b>BIC</b>, nhấn Edit để nhập chi tiết tên và địa chỉ NH; sau đó nhấn Edit bên cạnh “Contact” để nhập mã swift ở dòng “BIC/Name &amp; Address”</li> <li>+ Contact: luôn chọn code “SWF” trong mọi trường hợp</li> </ul>  <p>Tại trường BIC/Name &amp; Address người sử dụng nhấn F9 hệ thống sẽ hiển thị list of value các BIC code của các ngân hàng như sau:</p>  <p>Người sử dụng sẽ lọc ra BIC code của NH cần chọn, sau khi nhấn nút OK thì BIC code đã chọn sẽ xuất hiện trên màn hình, người sử dụng nhấn nút OK, màn hình gốc ban đầu sẽ xuất hiện.</p> <p>Thông tin điền vào mục Contact (Bic code) sẽ được chuyển vào điện SWIFT, còn tên NH nhập trong mục “Name” sẽ chỉ lưu ở hồ sơ SYMBOL. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các trường liên quan đến NH.</p> <p>Đối với những ngân hàng mà HDBank không có BKE hay không có BIC, người sử dụng sẽ chọn client là OTHER. Khi chọn OTHER thì tại ô Contact sẽ có giá trị là PO1. Nhấn nút Edit và nhập đầy đủ tên và địa chỉ ngân hàng.</p> <p><b>Điện SWIFT : MT700-Receiver</b></p>

Reimbursing bank A,Q	<p>Ngân hàng hoàn trả (nếu có). Thông thường trường này chỉ được sử dụng đối với các LC cho phép đòi tiền bằng điện hoặc LC xác nhận. Sau khi chọn trong LOV, hệ thống tự động hiển thị mã số ngân hàng (ID), phương thức liên lạc (Contact), tên và địa chỉ liên lạc tương ứng với phương thức liên lạc. Nếu muốn thay đổi phương thức liên hệ hoặc địa chỉ hoặc tên của NH, có thể chọn Contact khác hoặc nhấn edit để nhập thông tin.</p> <p>Sau khi nhập xong các dữ liệu về ngân hàng hoàn trả, hệ thống sẽ hiển thị màn hình để nhập nội dung phí hoàn trả như sau:</p>  <p><b>Điện SWIFT : MT700-F53 và MT740-Receiver</b></p>
Reimbursing bank charge A,Q	<p>Người phải chịu chi phí hoàn trả cho ngân hàng hoàn trả là ngân hàng mở L/C hay người hưởng lợi.</p> <p><b>Điện SWIFT : MT740-F71A</b></p>
Other charges A,Q	<p>Những phí khác mà ngân hàng mở L/C chỉ thị cho ngân hàng hoàn trả trừ đi khi thanh toán cho người hưởng lợi</p> <p><b>Điện SWIFT : MT740-F71B</b></p>
Sender to Receiver information C(215), A,Q	<p>Bất kỳ thông tin gì mà ngân hàng mở L/C muốn thông báo/chỉ thị cho ngân hàng hoàn trả</p> <p><b>Điện SWIFT : MT740-F72</b></p>

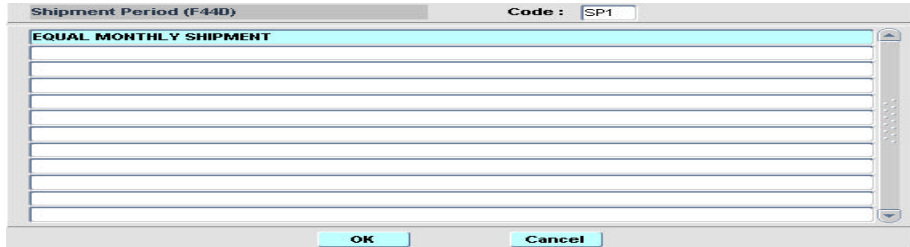
Màn hình trang 3:




Preadv/Date	Số tham chiếu/ngày phát hành tín dụng thư sơ bộ (Pre-advise LC). Nếu không có LC sơ bộ thì để trống.
Advice Type M,Q	Phương thức gửi LC đến NH thông báo. chọn trong LOV
% of invoice C(3), M, A, Q	<p>Tỷ lệ tính theo phần trăm giữa trị giá mở LC và trị giá hoá đơn. Ví dụ: nếu trị giá LC bằng 80% trị giá hoá đơn thì nhập 80%.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 - F42C</b></p>

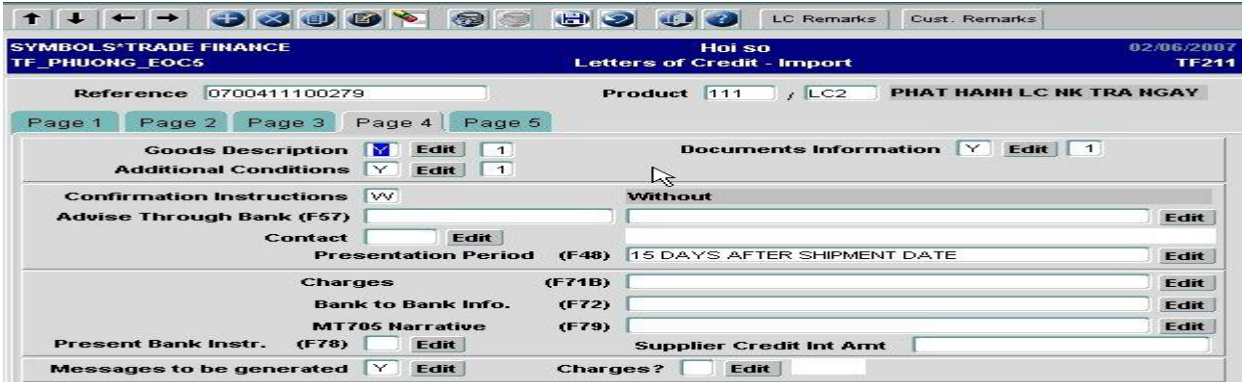
<p>Available type M, A, Q</p>	<p>Trường này xác định cách thức thực hiện đòi tiền cho LC. Ví dụ: thanh toán, chấp nhận thanh toán, thương lượng, ... chọn trong LOV.</p>  <p>Việc chỉ định Ngân hàng được uỷ quyền thanh toán/thương lượng/chấp nhận thanh toán được khai báo ở màn hình trước (trường Restrict). - Nếu ở <b>Restrict</b> để “N” và không khai báo gì, kết hợp với thông tin ở trường này, hệ thống tự động tạo “<b>Available with any bank/By...</b>” để đưa vào điện SWIFT.</p> <p><b>Điện Swift: MT700 - F41A/ F41D</b></p>
<p>Payment details A,Q</p>	<p>Trường này chỉ sử dụng khi điều khoản thanh toán của LC là Deferred hoặc Mixed payment. Vào <b>Edit</b> và nhập thông tin chi tiết.</p>  <p><b>Điện Swift: MT700 - F42M/42P</b></p>
<p>Tenor Type/Day M,A,Q</p>	<p>Nhập thời hạn thanh toán/số ngày trả chậm khi LC không phải là hỗn hợp. Nhấn F9 để chọn trong LOV.</p>  <p><b>Điện Swift: MT700 - F42C</b></p>
<p>Drawn Contact M,Q</p>	<p>Ngân hàng bị đòi tiền trong hối phiếu (có thể là người NK, NH phát hành, NH xác nhận hoặc NH hoàn trả). Thông thường, đó là ngân hàng phát hành hoặc đại lý của ngân hàng phát hành (chọn trong LOV). Sau khi chọn được một ngân hàng, hệ thống sẽ tự động hiển thị tên, địa chỉ của ngân hàng đó và phương thức liên lạc tương ứng với địa chỉ. Nếu muốn dùng địa chỉ khác, nhấn EDIT ở trường Contact, và phương thức liên lạc phù hợp. Tên và địa chỉ của NH sẽ được tự động hiển thị tương ứng. Nếu tiếp tục muốn thay đổi tên và địa chỉ của NH, nhấn EDIT tại trường địa chỉ để cập nhật. <i>Lưu ý: Nếu chọn <b>drawn on</b> là ngân hàng thì contact phải là SWF</i></p> <p><b>Điện Swift: MT700 - F42A</b></p>
<p>Trade Term M,Q</p>	<p>Điều kiện giao hàng theo LC. Nhấn F9 để chọn trong LOV</p>



Partial shipment M,Q	Cho phép hay không cho phép giao hàng từng phần. Nếu chọn Y có thể bổ sung thêm thông tin.
	<b>Điện Swift: MT700 - F43P</b>
Trans shipment M,Q	Chuyển tải có cho phép hay không. Nếu chọn Y có thể bổ sung thêm thông tin vào ô trống bên cạnh
	<b>Điện Swift: MT700 - F43T</b>
Port C(65), Q	Thông tin về cảng chuyển tải (nếu có)
Shipment from C(65), M,Q	Cảng bốc hàng theo quy định trong LC
	<b>Điện Swift: MT700 - F44A/F44E</b>
Shipment to C(65), M,Q	Cảng dỡ hàng theo quy định trong LC
	<b>Điện Swift: MT700 - F44B/F44F</b>
Last ship date C(10),M,Q	Ngày giao hàng muộn nhất
	<b>Điện Swift: MT700 - F44C</b>
Shipment period C(1), Q	Thời gian giao hàng. Nhấn EDIT để nhập thông tin
	
	<b>Điện Swift: MT700 - F44D</b>
Inspection	Trường này không sử dụng

Kết thúc nhập thông tin cho màn hình trên, người sử dụng cần nhấn vào biểu tượng  hoặc F10 để ghi nhận giao dịch. Sau khi ghi nhận, số tham chiếu của giao dịch được hệ thống tự động tạo ra.

Màn hình trang 4:



Goods Description	Mô tả hàng hoá của LC. Nhấn Edit để nhập thông tin. Màn hình nhập thông tin hàng hoá như sau:
-------------------	---

C(1), M,Q

Trong đó

Code	Mã hàng hoá LC (chọn trong LOV)
Content	Tên hàng hoá tương ứng với mã được chọn
Goods: short Description	Tên ngắn gọn của hàng hoá tương ứng với mã được chọn
Percentage	Tỷ lệ phần trăm giá trị hàng hoá được chọn so với tổng trị giá LC. Người sử dụng nhập tỷ lệ phần trăm tương ứng
Category	Nhóm hàng hoá tương ứng của loại hàng hoá được chọn. Các giá trị có thể được hiển thị là: . O –open (hàng hoá không cần giấy phép xuất nhập khẩu), . L-licensed (hàng hoá phải có giấy phép xuất nhập khẩu), . B-barred (hàng cấm nhập, xuất)
Edit	Nhập thông tin mô tả hàng hoá cho trường 45A theo giấy mở LC của KH. <i>Tất cả những hàng hoá khai báo ở trên chỉ có giá trị hồ sơ, không được cập nhật vào điện SWIFT nên bắt buộc người sử dụng phải nhập tất cả thông tin về hàng hóa trên giấy mở LC của KH tại nút Edit.</i>

**Điện SWIFT : MT700-F45A**

Số “1”

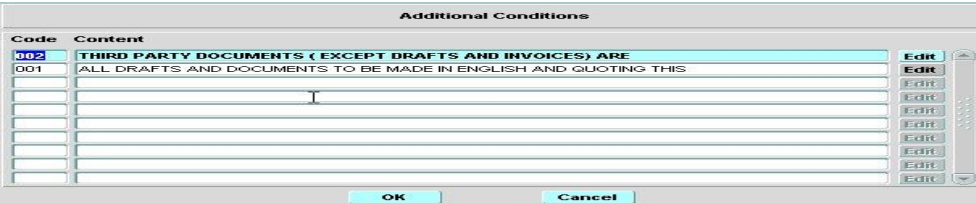
Chỉ thị tạo điện 700 hoặc 701. Nhận hai giá trị , “1” hoặc “2”.  
. Nếu chọn giá trị “1”, nội dung mô tả hàng hoá sẽ được chuyển vào điện 700. .  
. Nếu chọn giá trị “2”, nội dung mô tả hàng hoá sẽ được chuyển vào điện 701.  
Trường này được áp dụng cho Description of goods (Mô tả hàng hoá -F45A), Documents (Chứng từ yêu cầu -F46A) và Additional condition (Điều khoản phụ - F47A).

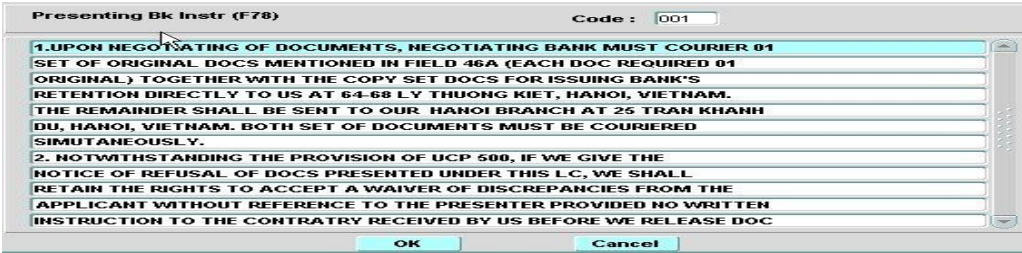
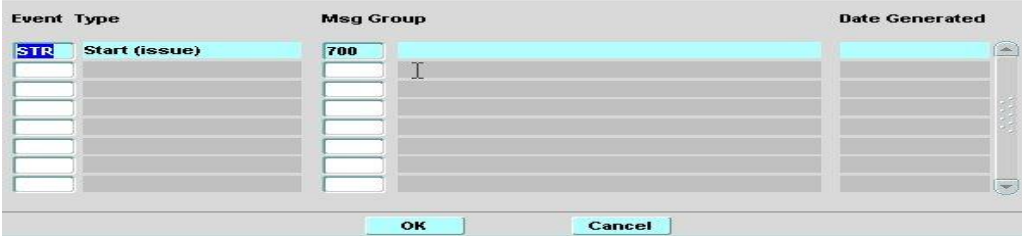

Document  
M,Q

Các chứng từ yêu cầu của LC. Nhấn Edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình sau:

Code	Mã chứng từ (chọn trong LOV)
Content	Diễn giải các mã chứng từ được chọn. Nhấn Edit nếu muốn sửa đổi hoặc thêm/bớt diễn giải. <i>Chú ý: phần nội dung nằm trong Edit sẽ được chuyển vào điện SWIFT</i>

**Điện SWIFT : MT700-F46A**

Additional Condition M,Q	Điều khoản phụ của LC. Nhấn Edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình sau:	
		
	Code	Mã điều khoản phụ ( chọn trong LOV)
	Content	Diễn giải các mã điều khoản được chọn. Nhấn Edit nếu muốn sửa đổi hoặc thêm/bớt diễn giải. <i>Chú ý: phần nội dung nằm trong Edit sẽ được chuyển vào điện SWIFT</i>
<b>Điện SWIFT : MT700-F47A</b>		
Confirmation instruction C(1),M,A,Q	Chỉ thị xác nhận LC ( chọn trong LOV).	
	<b>Điện SWIFT : MT700-F49</b>	
Advise through bank M,A,Q	Ngân hàng thông báo thứ hai (second advising bank). . Nếu ngân hàng này giống ngân hàng nhận điện MT700 thì bỏ trống. . Nếu NH thông báo thứ hai có BIC code: chọn CIF là BIC, nhấn Edit để nhập tên NH đầy đủ ; đối với “Contact” chọn code SWF, sau đó nhấn Edit bên cạnh “Contact” để nhập mã swift bên dưới “BIC/Name & Address” . Nếu NH thông báo thứ hai không có BIC code: chọn mã KH là OTHERS, nhấn Edit để nhập tên NH đầy đủ; đối với “Contact” chọn code PO1, sau đó nhấn Edit bên cạnh “Contact” để nhập tên & địa chỉ bên dưới “BIC/Name & Address”	
	<b>Điện SWIFT : MT700-F57</b>	
Presentation period C(140),M,A,Q	Thời hạn xuất trình chứng từ. Nhấn Edit để nhập thông tin. <i>Nếu thời hạn xuất trình chứng từ là trong vòng vòng 21 ngày kể từ ngày giao hàng thì bỏ trống trường này.</i>	
	<b>Điện SWIFT : MT700-F48</b>	
Charge C(215),A,Q	Điều khoản phí LC. Nhấn Edit để nhập thông tin.	
	<b>Điện SWIFT : MT700-F71B</b>	
Bank to bank info C(215), A,Q	Thông tin của NH phát hành dành cho ngân hàng nhận (Sender to Receiver). Nhấn Edit để nhập thông tin	
	<b>Điện SWIFT : MT700-F72</b>	
MT705 narrative C(1784), A,Q	Diễn giải của điện 705 (phát hành thư tín dụng sơ bộ). Nếu không phát hành điện 705 thì bỏ trống. Nếu có nhấn Edit để nhập thông tin.	
	<b>Điện SWIFT : MT705-F79</b>	

<p>Presenting bank instruction A,Q</p>	<p>Chỉ thị của NH phát hành dành cho NH xuất trình chứng từ. Nhấn Edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình như sau:</p>  <p>Code: mã của chỉ thị, code đã được cài đặt trong hệ thống. Sau khi chọn mã thích hợp, hệ thống sẽ hiển thị nội dung diễn giải dành cho mã này. Có thể bổ sung, sửa đổi thông tin diễn giải nếu cần.</p> <p><b>Điện SWIFT : MT700-F78</b></p>
<p>Supplier Credit Int Amount</p>	<p>Không sử dụng trường này ( thông tin về lãi suất của nhà cung cấp)</p>
<p>Msg to be generated M,Q</p>	<p>Nhập các điện/thông báo muốn tạo ra. Nếu muốn tạo điện SWIFT hoặc muốn tạo các thông báo, nhất thiết phải khai báo trường này. Nhấn Edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình sau để nhập thông tin:</p>  <p>+ Event type: Mã sự kiện LC (chọn trong LOV) Chọn sự kiện STR ( issuance) cho giao dịch phát hành LC.</p>  <p>+ Msg Group: nhóm điện/thông báo cần sinh ra (chọn trong LOV) + Date Generated: Ngày sinh điện. Ngày này sẽ được cập nhật sau khi phê duyệt giao dịch.</p> <p><i>Lưu ý: tại màn hình này người sử dụng có thể khai báo tiếp các điện/thông báo cho các sự kiện tiếp theo, ví dụ AMD ( sửa đổi), CAN (hủy) nếu cần. Nếu không có nhu cầu khai báo thì bỏ trống.</i></p> <p><i>Người sử dụng bắt buộc phải vào trường này để chọn điện cần phát sinh, để khi giao dịch được duyệt có thể in được điện và kết nối được với hệ thống Swift.</i></p>
<p>Charge</p>	<p>Khai báo phí và thu phí. Nhấn Edit để nhập thông tin. Đề nghị tham chiếu quy trình thu/trả phí.</p>

Màn hình trang 5:

Applicable rules code M,A,Q	Mã quy tắc áp dụng đối với L/C ( chọn trong LOV). Sau khi nhập, hệ thống sẽ hiển thị nội dung diễn giải của mã đã chọn trong ô “ <b>Applicable rules narrative</b> ”
Place of Taking in charge C(65), A,Q	Nơi gửi hàng đi (tại nước XK) <b>Điện SWIFT : MT700-F40E</b>
Place of Final destination C(65), A,Q	Nơi nhận hàng cuối cùng <b>Điện SWIFT : MT700-F44E/F44A</b>
Applicable rules code M,A,Q	Mã quy tắc thanh toán áp dụng đối với L/C. <b>Điện SWIFT : MT700-F44F/44B</b>
	<b>Điện SWIFT : MT740-F40F</b>

Kết thúc trang 5, người sử dụng hoàn thành việc nhập thông tin cho LC và chờ kiểm soát LC.

## 1.2 Khai báo thông tin L/C xuất khẩu:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Transaction Capture/ Letters of Credit

Đối với LC Xuất Khẩu, có một số khác biệt trong màn hình khai báo LC.

- Nếu LC được thông báo trực tiếp qua SWIFT, hệ thống sẽ tự động đưa thông tin từ điện MT700/MT710 nhận được vào màn hình khai báo thông tin LC. Người sử dụng sẽ xem lại các thông tin này, lưu lại giao dịch và chuyển qua kiểm soát.
- Nếu LC được thông báo bằng thư, người sử dụng phải nhập các thông tin vào màn hình SYMBOLS.

**Lưu ý:** đối với trường hợp chuyển tiếp LC XK (thông báo tiếp cho 1 NH khác) hoặc thông báo LC XK cho đối tượng không phải là KH của HDBank, người sử dụng cũng phải nhập thông tin vào màn hình SYMBOLS, duyệt, in ra các thông báo và thu phí (nếu có). Nếu không khai báo trong SYMBOLS, giao dịch sẽ không được thống kê quản lý trên các báo cáo liên quan.

Màn hình khai báo LC xuất về cơ bản giống với màn hình LC nhập.

### Màn hình trang 1:



**Có một số trường đặc biệt cần lưu ý:**

Issue date C(10),M,A,Q	Ngày nhập thông tin cho LC XK. <i>Chú ý: đây không phải là ngày phát hành LC được ghi trên MT700/710</i>
Correspondent Bank A,Q	Ngân hàng gửi LC cho HDBank. . Nếu HDBank nhận MT700/710, thì đây sẽ là Sender của điện MT700/710. . Nếu nhận LC qua thư, thì đây là ngân hàng gửi thư thông báo LC. Nhấn F9 để chọn trong LOV
Advising bank A,Q	Khai báo ngân hàng thông báo LC nếu NH này khác với Correspondent Bank. Nhấn F9 để chọn trong LOV.
Doc Credit No C(16), A,Q	Số LC của NH nước ngoài. <i>Lưu ý: số LC của HDBank được thể hiện trong trường Reference ngay ở góc trái phía trên màn hình trang 1.</i>
Date C(10),M,A,Q	Ngày phát hành LC của NH nước ngoài, ghi trên điện MT700/710

**Màn hình trang 2:**

The screenshot shows the 'Hoi so Letters of Credit - Export' form, Page 2. The form is titled 'Hoi so Letters of Credit - Export' and 'TF311'. It displays various fields for LC details, including Beneficiary, Issuing Bank, and Applicant. It also includes checkboxes for Transferable, Red Clause, and Revolving. The form is titled 'Hoi so Letters of Credit - Export' and 'TF311'.

**Lưu ý một số trường về ngân hàng (bank) sau:**

Second Advising bank A,Q	Khai báo ngân hàng thông báo thứ hai của LC nếu NH này khác với Advising Bank. Nhấn F9 để chọn trong LOV.
Issuing bank M,A,Q	Khai báo ngân hàng phát hành LC nếu NH này khác với Correspondent Bank. Nhấn F9 để chọn trong LOV.


Đối với trường hợp HDBank là ngân hàng chuyển nhượng, có thể khai báo thông tin chuyển nhượng như sau:

Tại trường **Transferable**: khai báo là Y. Lúc này hệ thống sẽ kích hoạt trường Transfer Information ở cuối trang màn hình, nhấn Edit để nhập thông tin chuyển nhượng. Hệ thống hiển thị giao diện:

The screenshot shows the 'Transfer Information' form. It contains a table with the following columns: No., 2nd Beneficiary, Issue Date, % USD, and Amount. There are Edit buttons next to each row. At the bottom, there are OK and Cancel buttons.

Nhấn tiếp Edit ở từng dòng màu xanh để nhập thông tin chi tiết. Hệ thống tiếp tục hiển thị giao diện:

Issue date C(10),M,Q	Nhập ngày chuyển nhượng.
% of Amt C(3),M,A,Q	Tỷ lệ phần trăm trị giá chuyển nhượng tính trên tổng giá trị của LC.
Amount C(26),A,Q	Trị giá chuyển nhượng. Nếu người sử dụng đã nhập tỷ lệ phần trăm thì sẽ không cần nhập vào đây nữa vì hệ thống sẽ tự động tính và hiển thị kết quả
2 <sup>nd</sup> Benef M,Q	Người nhận chuyển nhượng thứ hai. Nhấn F9 để chọn trong LOV hoặc chuyển con trỏ sang ô tiếp theo để nhập tên và địa chỉ
Advising bank A,Q	Tên ngân hàng thông báo chuyển nhượng. Đây là ngân hàng của người nhận chuyển nhượng. Nhấn F9 để chọn trong LOV hoặc chuyển con trỏ sang ô tiếp theo để nhập tên và địa chỉ.
Msg group M,A,Q	Khai báo các msg/advice cần tạo ra từ việc chuyển nhượng. Ví dụ: điện MT720.
Sender to Receiver Info (F72) C(215),Q	Thông tin của trường 72 điện MT720
Negotiating Bank A,Q	Ngân hàng thương lượng (nếu có) trong điện MT720
Adv Thru A,Q	Ngân hàng thông báo “advise through” của điện MT720 (nếu có)

Người sử dụng nhấn F10 hoặc nhấn  ghi nhận giao dịch chuyển nhượng sau khi hoàn thành việc nhập thông tin chuyển nhượng.

Các màn hình trang 3, trang 4 hoàn toàn tương tự LC nhập khẩu.

Màn hình trang 5:

Nếu muốn gửi các điện này (MT710, MT730), người sử dụng phải nhập thêm các thông tin ở màn hình trang 5.

Tên các trường đã được nêu rõ trên màn hình, cách nhập và chọn LOV tương tự như LC nhập.

Màn hình trang 6:

SYMBOLS\*TRADE FINANCE  
TF\_PHUONG\_EOC5

Hoi so  
Letters of Credit - Export

02/06/2007  
TF311

Reference 0760221100045 Product 211 / LC2 LC XUAT KHAU TRA NGAY

Page 1 Page 2 Page 3 Page 4 Page 5 Page 6

**Additional MT700 Fields:**  
 Applicable Rules Code UCP LATEST VERSION  
 Applicable Rules Narrative  
 Place of Taking in Charge VIETNAM  
 Place of Final Destination JAPAN

**Additional MT710 Fields:**  
 Issuing Non-Bank 00015197 Id 049086  
 13-5 TRACO. LTD. SO 6 HOANG DIEU, MINH KH

Edit Contact PO1 Edit

Applicable rules code M,A,Q	Mã quy tắc áp dụng đối với L/C. Nhấn F9 để chọn trong LOV. Sau khi nhập, hệ thống sẽ hiển thị nội dung diễn giải của mã đã chọn trong ô “Applicable rules narrative”
Place of Taking in charge C(65), A,Q	Nơi gửi hàng đi (tại nước XK)
Place of Final destination C(65), A,Q	Nơi nhận hàng cuối cùng (tại nước NK)
Issuing non-bank A,Q	Tổ chức phát hành L/C (nếu không phải là ngân hàng) <b>Điện SWIFT : MT710-F50B</b>

## 2. Kiểm soát L/C

### 2.1 L/C Nhập khẩu:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Input verification/ Letters of credit-Import

Hệ thống hiển thị màn hình sau:

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHÀ

SYMBOLS\*TRADE FINANCE  
TF\_PHUONG\_EOC5

Hoi so  
Letters of Credit - Import

02/06/2007  
TF224


Applicant / Applicant Bank	Advising Bank	Profit Centre	Reference	Complete Input ?
Product	Branch		Ccy Issue Date	
00000001 22/QD-NHNN-001	00001388	TCTD389	0700111100325	<input checked="" type="checkbox"/>
111 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NG	001	401	VND 29/03/2007	
00000001 22/QD-NHNN-001	00001388	TCTD389	0700111100335	<input checked="" type="checkbox"/>
111 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NG	001	102	USD 10/06/2006	
00000001 22/QD-NHNN-001	00000001	22/QD-NHNN-001	0700111100256	<input type="checkbox"/>
111 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NG	001	100	VND 22/02/2007	
00000001 22/QD-NHNN-001	00001388	TCTD389	0700111100060	<input checked="" type="checkbox"/>
113 / LC2 PHAT HANH LC NK HON HO	001	401	EUR 29/03/2007	
00000001 22/QD-NHNN-001			0700111100260	<input type="checkbox"/>
111 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NG	001	100	USD 28/02/2007	


Các giao dịch được hiển thị trên màn hình này sẽ gồm các thông tin : Applicant (người xin mở LC), Applicant bank (NH của người mở LC), Product (sản phẩm), Advising bank (NH thông báo), Branch (mã chi nhánh tạo LC), Profit centre (mã trung tâm hưởng lợi), Reference (số tham chiếu giao dịch), CCY (loại tiền LC), Issue date (ngày phát hành LC).

**Cách kiểm soát giao dịch như sau:**

#### Cách 1:

◆ KSV nhấn F8 để hiển thị toàn bộ các giao dịch đang chờ kiểm soát hoặc đã được kiểm soát sẽ hiện ra ở màn hình kiểm soát. Muốn kiểm soát giao dịch nào KSV sẽ chọn giao dịch đó, sau kiểm


tra nội dung bằng cách nhấn vào . Nếu không yêu cầu chỉnh sửa và đồng ý với nội dung của

giao dịch, KSV click vào ô “**Complete input**” và nhấn F10 hoặc nhấn vào , hệ thống sẽ hiển thị xác nhận giao dịch đã được kiểm soát.

Sau khi nhấn vào “OK” để xác nhận giao dịch đã được lưu hệ thống sẽ xuất hiện màn hình để in chi tiết giao dịch.



Destination Type	<p>Dữ liệu sẽ được chuyển ra ở dạng nào (chọn trong LOV)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>. P (Printer): máy in</li> <li>. S (Screen): màn hình</li> <li>. F (File): file</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> để kiểm soát giao dịch được thành công, người sử dụng luôn phải chọn <b>P</b> ở trường này.</p>
------------------	---

Hệ thống sẽ mặc định các trường còn lại, KSV sau khi chọn P ở destination type thì nhấn F10 hoặc , và in chi tiết giao dịch để hoàn tất thủ tục kiểm soát.

**Chú ý:** nếu KSV không chọn P, chi tiết giao dịch không được in ra ở dạng hard copy, hệ thống sẽ không chấp nhận việc giao dịch đã qua kiểm soát.

Sau khi được kiểm soát, giao dịch LC Nhập khẩu sẽ được chuyển sang hàng chờ phê duyệt để phát hành LC và khi đó hệ thống sẽ không cho phép cập nhật/ sửa đổi bất kỳ thông tin nào của giao dịch.

### Cách 2:

♦ Người sử dụng nhấn F7, để con trỏ vào tiêu thức muốn lọc, nhập thông tin của tiêu thức đó, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách kiểm soát tương tự như cách 1.

♦ Nếu không nhớ rõ nội dung tiêu thức lọc, người sử dụng nhấn F7 sau đó để con trỏ và gõ “%” vào tiêu thức nào mà mình có một ít thông tin, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách kiểm soát tương tự như cách 1.

Ví dụ: lọc theo reference: nhấn F7, để con trỏ vào reference, nhập %425 (chỉ nhớ 3 số cuối của giao dịch), nhấn F8.

### 2.2 L/C Xuất khẩu:

Đường dẫn: Transaction\Exports\Input Verification\Letter of credit

Các giao dịch được hiển thị trên màn hình này sẽ gồm các thông tin : beneficiary (người hưởng lợi), 2<sup>nd</sup> advising bank (NH thông báo thứ 2), Correspondent bank (NH đại lý), Branch (mã chi nhánh nhập LC), Profit centre (mã trung tâm hưởng lợi), Reference (số tham chiếu giao dịch), CCY (loại tiền LC), Issue date (ngày phát hành LC).

Cách kiểm soát giao dịch tương tự như đối với LC Nhập khẩu như sau:

### 3. Duyệt L/C

#### 3.1 L/C Nhập khẩu:


Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports / Transaction Issuance/ Letters of Credit-Import  
Hệ thống hiển thị màn hình sau

Applicant/Applicant Bank	Advising Bank Branch	Profit Centre	Reference Ccy	Issue Date	Issue
00014690 / LC2 PHAT HANH LC NK HON HOP	00002598	00002598	0700111300041	USD 18/01/2007	N
00014844 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA CHAI	00002598	00002598	0700111200069	USD 10/01/2007	N
00014844 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NGAI	00002598	00002598	0700411100327	USD 29/03/2007	N
00014844 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NGAI	00002598	00002598	0700211100220	USD 10/01/2007	N
00014844 / LC2 PHAT HANH LC NK TRA NGAI	00001388	TCTD389	0740111100276	VND 08/03/2007	N

Cách duyệt phát hành giao dịch như sau:


#### Cách 1:

Cấp quản lý Đơn vị nhấn F8 để hiển thị toàn bộ các giao dịch đang chờ duyệt hoặc đã được duyệt sẽ hiện ra ở màn hình duyệt. Muốn duyệt giao dịch nào sẽ chọn giao dịch đó, sau kiểm tra nội dung

bằng cách nhấn vào . Nếu không yêu cầu chỉnh sửa và đồng ý với nội dung của giao dịch, click vào ô **ISSUE**, có 3 lựa chọn:

Field_Value	Meaning
N	To be issued
R	Reject (to be modified)
Y	Issue

- N (To be issued): hệ thống mặc định là giao dịch đang chờ được phát hành.
- R (Reject – to be modified): người sử dụng từ chối duyệt giao dịch và trả giao dịch về trạng thái nhập thông tin để chỉnh sửa.
- Y (Issue): người sử dụng đồng ý phát hành giao dịch.

Sau khi chọn thông tin ở ô **ISSUE**, nhấn F10 hoặc nhấn vào , hệ thống sẽ hiển thị xác nhận giao dịch đã được phát hành.

Sau khi phê duyệt giao dịch, hệ thống sẽ sinh ra điện/thông báo mà người sử dụng đã nhập trong màn hình LC ban đầu, hạch toán, tạo hồ sơ LC. Người sử dụng có thể truy vấn thông tin hoặc in báo

cáo, kết nối với hệ thống bên ngoài để chuyển điện, xem các bút toán hạch toán trong các menu truy vấn/báo cáo cũng như thực hiện các sự kiện tiếp theo (tu chỉnh, đảo hạn, ...) nếu cần.

### Cách 2:

- ◆ Người sử dụng nhấn F7, để con trỏ vào tiêu thức muốn lọc, nhập thông tin của tiêu thức đó, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách duyệt tương tự như cách 1.
- ◆ Nếu không nhớ rõ nội dung tiêu thức lọc, người sử dụng nhấn F7 sau đó để con trỏ và gõ “%” vào tiêu thức nào mà mình có một ít thông tin, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách duyệt tương tự như cách 1.

Ví dụ: lọc theo reference: nhấn F7, để con trỏ vào reference, nhập %425 (chỉ nhớ 3 số cuối của giao dịch), nhấn F8.

### 3.2 L/C Xuất khẩu:

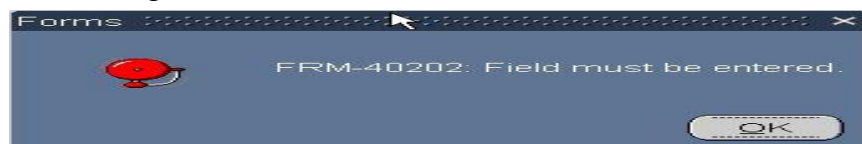
Đường dẫn: Transaction\Exports\Transaction Issuance\Letters of Credit

Beneficiary/2nd Advising Product	Corresponding Bank Branch	Profit Centre	Reference Ccy	Issue Date
00014844 00014844 LC2 LC XUAT KHAU TRA NGAY	00002598 402	00002598 102	USD	23/05/2007
00014844 00014844 LC3 LC XUAT KHAU TRA NGAY	00002598 004	00002598 102	USD	18/01/2007

Các giao dịch được hiển thị trên màn hình này sẽ gồm các thông tin : beneficiary (người hưởng lợi), 2<sup>nd</sup> advising bank (NH thông báo thứ 2), Correspondent bank (NH đại lý), Branch (mã chi nhánh nhập LC), Profit centre (mã trung tâm hưởng lợi), Reference (số tham chiếu giao dịch), CCY (loại tiền LC), Issue date (ngày phát hành LC)

### 4. Một số lưu ý khi nhập, kiểm soát và duyệt giao dịch:

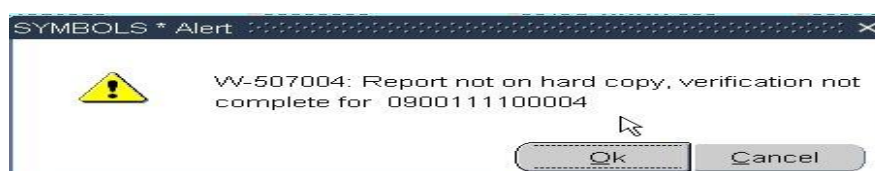
- 4.1 Người sử dụng nhập thiếu thông tin nhưng muốn sang màn hình khác hoặc thoát ra ngoài, hệ thống sẽ cảnh báo:



- 4.2 Giao dịch còn thiếu thông tin, khi ở màn hình kiểm soát, hệ thống sẽ cảnh báo.



- 4.3 KSV kiểm soát nhưng không chọn P, giao dịch sẽ không được kiểm soát, khi thoát ra màn hình cảnh báo:



4.4 Giao dịch chưa được kiểm soát sẽ không xuất hiện ở màn hình duyệt.

4.5 Giao dịch đã được duyệt sẽ không xuất hiện ở màn hình duyệt.

Chỉ sau khi cấp quản lý Đơn vị phê duyệt thành công giao dịch, người sử dụng có thể truy vấn thông tin hoặc in báo cáo, kết nối với hệ thống bên ngoài để chuyển điện, xem các bút toán hạch toán trong các menu truy vấn/báo cáo cũng như thực hiện các sự kiện tiếp theo (tu chỉnh, đáo hạn, cập nhật...) nếu cần.

## II. UPLOAD ĐIỆN QUA SWIFT

Đường dẫn: Trade Finance/ Message/ Message control

Branch	Mã số của chi nhánh tạo điện (chọn trong LOV)
Status	Trạng thái của điện và thông báo mà TTV muốn lọc (chọn trong LOV) DELETED: giao dịch đã được hủy bỏ RELEASED: giao dịch đã xử lý xong chuẩn bị kết nối với hệ thống bên ngoài SENT: giao dịch đã được chuyển đi SENDING: giao dịch đang được chuyển đi
Module	Hệ thống hiển thị phân hệ TTTM.

**Nút View:** Để xem chi tiết điện hoặc báo cáo trước khi gửi hoặc in ra. Điện và thông báo có thể được xem chỉ khi nó đang ở trạng thái là 'RELEASED'. Nội dung của điện sẽ hiện ra khi TTV nhấn vào nút **VIEW**.

Message Reference	Số tham chiếu của giao dịch sinh ra điện. Trên cùng một số tham chiếu có thể có rất nhiều điện và thông báo.
Destination Client	Trong trường này hệ thống sẽ hiển thị mã của khách hàng sẽ nhận điện hoặc thông báo. Hệ thống cũng sẽ hiển thị tên và địa chỉ của khách hàng.
Print Destination	Phương thức mà điện hoặc thông báo sẽ được gửi tới.



Message Type	Điện hay thông báo thuộc loại: . ADV-thông báo chung . REC-thông báo nhận/thu . PAY-thông báo thanh toán . TRF-thông báo chuyển nhượng.
Format	Dạng điện hoặc thông báo sẽ được hiển thị ở trường này. Người sử dụng có thể nhận biết được điện Swift hoặc thông báo cho khách hàng.
Media	Giá trị của trường này luôn mặc định là REPORT.
Route	Phương thức một điện sinh ra được chuyển tới người nhận cuối cùng. Ví dụ: bằng Swift, Telex, Postal hay gửi trong nội bộ.
Date/Time	Trong trường này hiển thị ngày và thời gian điện và thông báo được sinh ra trong hệ thống.
Status	Người sử dụng thay đổi trạng thái hiện thời của điện hoặc của thông báo. ACTIVE: giao dịch đã được duyệt DELETED: giao dịch đã được hủy bỏ FAILED: giao dịch bị lỗi RELEASED: giao dịch đã xử lý xong chuẩn bị kết nối với hệ thống bên ngoài SENT: giao dịch đã được chuyển đi SENDING: giao dịch đang được chuyển đi VERIFY: giao dịch đã được kiểm soát
File generated?	Swift Có phát sinh điện Swift hay không? . N/A: không có . Yes: có

Tất cả các điện sau khi được cấp quản lý Đơn vị duyệt, điện sẽ ở trạng thái RELEASED, để điện được chuyển vào hệ thống SWIFT, người sử dụng vào trường status chuyển sang trạng thái SENDING và nhấn F10 hoặc biểu tượng save, hệ thống sẽ tự động đổi sang trạng thái SENT, lúc này điện đã được chuyển sang hệ thống SWIFT.

### III. KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ DUYỆT GIAO DỊCH TRÊN SWIFT:

1. Các điện sẽ được tự động load sang hệ thống SWIFT và ở trạng thái Modify. (Không phải ở trạng thái Creation như khi người sử dụng sử dụng chương trình SWIFT soạn điện trước đây). Người sử dụng sẽ vào màn hình Modify để kiểm tra lại nội dung điện và chỉnh sửa lại (nếu cần thiết). Khi nội dung điện đã chính xác, chuyển điện lên (route) để cấp KSV duyệt theo quy định.
2. KSV kiểm tra lại nội dung, kiểm tra lại các bút toán thông qua các chứng từ đã được in, nếu chấp nhận, KSV chuyển điện lên (verify) cấp trên.
3. Cấp quản lý Đơn vị sẽ kiểm tra lại lần cuối các bút toán và nội dung L/C, nếu chấp nhận sẽ chấp nhận điện (Approve). Lúc này điện sẽ chờ để được TTTT chuyển ra bên ngoài.

Hàng ngày, khi có giao dịch được thực hiện, P. TTQT có trách nhiệm kiểm soát xem điện đã được load qua SWIFT chưa (vào màn hình Modify để kiểm tra). Cuối ngày, trước khi TTTT phát điện, P. TTQT có trách nhiệm kiểm tra lại các điện phát sinh trong ngày để tránh bị trùng lặp.

## VI. CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN L/C

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Tiếp nhận, kiểm tra và nhập giao dịch] -- N --&gt; B[Kiểm tra và kiểm soát giao dịch]     B -- N --&gt; C[Kết nối và xử lý điện trên SWIFT]     C -- N --&gt; D[Kiểm tra và kiểm soát]     D -- Y --&gt; E[Kiểm tra và duyệt]     E -- Y --&gt; F[In và lưu trữ chứng từ]           </pre>	<p>1. Tiếp nhận, kiểm tra yêu cầu như tu chỉnh, đảo hạn, hủy bỏ, hồi phục LC nhập khẩu đã được duyệt do các Đơn vị chuyển đến.</p> <p>2. Nhập giao dịch liên quan L/C: Trade Finance / Transaction/ Imports/ Maintenance capture/ LC events</p> <p>3. Hoàn trả hoặc thu ký quỹ và phí (nếu có)</p>
Kiểm soát viên		Kiểm tra và kiểm soát giao dịch. Trade Finance / Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ LC events
Thanh toán viên		<p>1. Kết nối các giao dịch đã được duyệt với hệ thống Swift.</p> <p>2. Kiểm tra giao dịch trên hệ thống Swift và chấp nhận trên Swift.</p>
Kiểm soát viên		Kiểm tra lại nội dung và kiểm soát trên Swift
Cấp quản lý P.TTQT		Kiểm tra lại nội dung và duyệt giao dịch trên Swift
Thanh toán viên		In và lưu trữ chứng từ theo qui định

Các giao dịch liên quan đến L/C như: giao dịch tu chỉnh, đảo hạn, hủy bỏ và phục hồi L/C.

### 1. Nhập giao dịch

#### 1.1 Giao dịch tu chỉnh L/C:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance capture/LC events/Amendment.

Reference M,Q	Số tham chiếu của LC mà người sử dụng đang thực hiện tu chỉnh (chọn trong LOV).
	<b>Điện Swift: MT707 - F20</b>
Product	Sau khi người sử dụng chọn số tham chiếu của LC cần thực hiện giao dịch tu chỉnh, hệ thống sẽ hiển thị mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp.

Trang 1:

Sau khi người sử dụng nhập số tham chiếu và nhấn F8, hệ thống sẽ hiển thị những thông tin liên quan tới LC cần tu chỉnh

Tenor	Kỳ hạn của LC
Currency	Loại tiền của giao dịch LC gốc.
Amount	Tổng trị giá của LC.
Amendment No.	Hệ thống hiển thị số lần sửa đổi của LC. Hệ thống sẽ tự động hiển thị số lần tu chỉnh sau khi giao dịch tu chỉnh được duyệt. <b>Điện Swift: MT707 - F26E</b>
Issue (Issue Date)	Ngày phát hành LC. <b>Điện Swift: MT707 - F31C</b>
Expiry (Expiry Date)	Ngày đáo hạn của LC
Enter Date	Ngày nhập giao dịch sửa đổi, tu chỉnh LC. Đây là ngày thực tế của hệ thống, không thể sửa đổi.
Customer	Khách hàng yêu cầu mở LC
Amend Date C(10), M,A,Q	Ngày hiệu lực của sửa đổi tín dụng thư, có thể thay đổi ngày này theo yêu cầu của giao dịch. <b>Điện Swift: MT707 - F30</b>
Agent	Ngân hàng thông báo của LC.
Advice Type M,A,Q	Phương thức dùng để thông báo sửa đổi, tu chỉnh LC.
Increase/Decrease C(1), A,Q	Người sử dụng sẽ chọn giá trị tương ứng là: . I-tăng tiền (nếu sửa đổi, tu chỉnh tăng tiền) . D-giảm tiền (nếu sửa đổi, tu chỉnh giảm tiền).
Amount by C(26), A,Q	Số tiền tăng thêm hoặc giảm đi (nếu có). <b>Điện Swift: MT707 - F32B/33B</b>
To (Amount increase/ decreased To)	Dựa vào số tiền được nhập ở trường Amount by, hệ thống sẽ tự động tính toán tổng giá trị thay đổi của LC. <b>Điện Swift: MT707 - F34B</b>
S/U Amt (Sight/Usance Amount) C(1),A,	Nếu LC thuộc loại hỗn hợp, người sử dụng sẽ phải nhập số tiền cho trả ngay là bao nhiêu, và trả chậm là bao nhiêu khi có sự thay đổi tăng hay giảm tiền bằng cách nhấn vào nút Edit để hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin vào.
Base Rate	Tỷ giá để quy đổi trị giá của LC về đồng tiền cơ sở. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho báo cáo, vì thế có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị.
Tolerance (+/-) N(2),A,Q	Dung sai cho phép đối với trị giá của LC cũng như số lượng hàng hóa được giao. <b>Điện Swift: MT707 - 39A</b>
Max. Credit Amount A,Q	Trường này được quy định khi trường Tolerance không nhập thông tin gì và có yêu cầu. <b>Điện Swift: MT707 -F39B</b>

Additional Amt. Covered	Tương ứng với trường 39C trong điện Swift, nếu có thay đổi tăng về giá trị của các khoản khác như bảo hiểm, chuyên chở,... Nhấn nút <b>Edit</b> , màn hình nhập thông tin sẽ hiển thị.
	<b>Điện Swift: MT707 - F39C</b>
Update Margin A,Q	Khi có thay đổi về trị giá của LC NK, người sử dụng sẽ cập nhật về ký quỹ. Nhấn nút <b>Edit</b> hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập thông tin chi tiết về ký quỹ (tương tự như nhập ký quỹ trong giao dịch LC)
Text (F77) A,Q	Tương ứng với F77 trong MT707: những nội dung sửa đổi khác. Nhấn nút <b>Edit</b> để hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin. Sau khi nhập xong nhấn nút <b>OK</b> thì tại trường Text (F77) sẽ hiển thị chữ “Y”.
Confirmation instructions A,Q	Nếu việc thay đổi LC liên quan đến LC xác nhận hay không so với LC gốc thì nhập vào trường này, chọn các giá trị tương ứng là Y/N.
Text (F72) A,Q	Tương ứng F72 trong MT707.
Message Group M,A,Q	Nhấn F9 để chọn các điện hoặc thông báo cho giao dịch sửa đổi LC.
Charges A,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , màn hình chi tiết về phí sẽ được hiển thị. Nhập các phí phải thu/ phải trả trong màn hình này. Sau đó ấn nút lưu trữ giao dịch nhập phí và quay lại màn hình chính, hệ thống sẽ hiển thị chữ “Y” trong trường này. (tham khảo phần thu phí)

## Trang 2: Các sửa đổi khác

New Expiry Date C(10),A,Q	Nếu việc sửa đổi liên quan đến ngày đáo hạn của LC thì nhập ngày đáo hạn mới vào trường này.
	<b>Điện Swift: MT707 - F31E</b>
Trade Term A,Q	Nếu việc sửa đổi liên quan đến điều kiện giao hàng thì nhập vào trường này (chọn trong LOV).
Shipment From C(65),A,Q	Nếu có thay đổi cảng xếp hàng.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44E</b>
Shipment To C(65),A,Q	Nếu có thay đổi cảng dỡ hàng.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44F</b>
Last Ship Date (Last Shipment Date) C(10),A,Q	Nếu thay đổi ngày giao hàng cuối cùng.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44C</b>



Shipment Period A,Q	Nhấn <b>Edit</b> để nhập thời hạn giao hàng. Chỉ nhập được trường Shipment Period khi trường Last Ship Date bị bỏ trống.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44D</b>
Bank to Bank (F72) A,Q	Tương ứng F72 của điện SWIFT. Nhấn <b>Edit</b> hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập thông tin.
	<b>Điện Swift: MT707 - F72</b>
Place of Taking in charge C(65),A,Q	Nếu nơi gửi hàng thay đổi thì cập nhật vào trường này.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44A</b>
Place of Final destination C(65),A,Q	Nếu nơi nhận hàng thay đổi thì cập nhật vào trường này.
	<b>Điện Swift: MT707 - F44B</b>

Trang 3: Narrative

SYMBOLS\*TRADE FINANCE  
TF\_PHUONG\_EOC5

Hỏi số  
L/C Amendment

02/06/2007  
TF241

Reference 0700211100387 Product 111 LC2 PHAT HANH LC NK TRA NGAY

Page 1 Other Amendments Narrative

Narrative (F79) : Narrative Text ☐ Edit

Revocable ☐ Transferable ☐ Revolving ☐ N  
Back to Back ☐ Red Clause ☐ N Restrict ☐ N  
Available Type   
Tenor Type/Term  /   
Beneficiary  Edit

Applicant Bank    Edit ☐ Edit  
Advising Bank    Edit ☐ Edit  
Reimbursing Bank    Edit ☐ Edit

Narrative Text A,Q	Các diễn giải khác liên quan đến sửa đổi LC. Nhấn nút <b>Edit</b> để hệ thống hiển thị màn hình nhập vào. <b>Lưu ý:</b> các thông tin cần tu chỉnh đã được nhập ở các màn hình, yêu cầu vẫn phải nhập lại ở trường này để có thể kết nối qua điện MT707.
	<b>Điện Swift: MT707 - F79</b>

Amendment Narrative

Code	Content	
AM1	ALL OTHER TERMS AND CONDITIONS REMAIN UNCHANGED	Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit
		Edit

OK Cancel

Code	Chọn mã tương ứng với phần diễn giải (chọn trong LOV).
Content	Nội dung tương ứng với mã. Có thể thay đổi nội dung bằng cách nhấn nút <b>Edit</b> để sửa đổi.

Tiếp trang Narrative:

Revocable	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không hủy ngang sang LC có thể hủy ngang thì chọn giá trị tương ứng là “Y”. Hoặc ngược lại.
-----------	---

Transferable	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không chuyển nhượng sang LC chuyển nhượng thì chọn giá trị tương ứng là “Y”. Hoặc ngược lại.
Revolving	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không tuần hoàn sang LC tuần hoàn thì người sử dụng chọn giá trị tương ứng là “Y”. Hoặc ngược lại. Khi chọn giá trị là “Y”, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin chi tiết về thời gian tuần hoàn và số lần tuần hoàn để có thể nhập thông tin vào.
Back to Back	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không giáp lưng sang LC giáp lưng thì đánh số LC giáp lưng vào.
Red Clause	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không sử dụng điều khoản đỏ sang LC điều khoản đỏ thì chọn giá trị tương ứng là “Y”. Hoặc ngược lại.
Restrict	Nếu LC được yêu cầu sửa đổi từ LC không hạn chế sang LC hạn chế thì chọn giá trị tương ứng là “Y”. Hoặc ngược lại. Khi chọn giá trị là “Y”, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin chi về tên ngân hàng được phép chiết khấu bộ chứng từ, địa chỉ cũng như phương thức liên lạc của ngân hàng đó với ngân hàng mở LC.
Available Type A,Q	Nếu LC yêu cầu sửa đổi thông tin về Available Type, nhấn F9 để chọn giá trị theo yêu cầu.
Tenor Type/ Term A,Q	Nếu LC yêu cầu sửa đổi về thời hạn của LC, nhấn F9 để chọn giá trị theo yêu cầu.
Beneficiary C(143),A,Q	Thông tin về người hưởng lợi mới của LC
	<b>Điện Swift: MT707 - F59</b>
Applicant Bank A,Q	Ngân hàng mở LC. Nếu khách hàng xin mở LC là khách hàng trực tiếp của HDBank thì trường này được phép bỏ trống. Nếu khách hàng xin mở LC là khách hàng của ngân hàng khác thì trường này nhập thông tin về ngân hàng xin mở LC.
Advising Bank C(12),M,A,Q	Ngân hàng thông báo của LC và sửa đổi LC
Reimbursing Bank C(12),M,A,Q	Ngân hàng bồi hoàn

Sau khi nhập đầy đủ nội dung tu chỉnh theo yêu cầu, người sử dụng lưu lại giao dịch và thoát ra ngoài, giao dịch ở trạng thái chờ duyệt. Khi giao dịch ở trạng thái chờ duyệt người sử dụng vẫn có thể chỉnh sửa nội dung nếu cần.

## 1.2 Giao dịch đáo hạn L/C

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance capture/ LC events/ Expiry

**Lưu ý:** bên cạnh giao dịch đáo hạn L/C, người sử dụng có thể dùng chức năng này để hủy bỏ những L/C đã được thương lượng một phần trị giá.

SYMBOLS*TRADE FINANCE		Hoi So		02/06/2007
TF_PHUONG_FOC5		L/C Expiry - Capture		TF2421
Reference	051216LC0007	Product	111 LC2	PHAT HANH LC HK TRA NGAY
Active		Branch	004	Profit Ctr 102
Event Seq	1	Customer	00015124	Id 00015124
Entered		Addr.		
Enter Date	04/11/2006	Agent	SCBLIDJX	
Event Date	04/11/2006	Issue	06/02/2006	Expiry 20/03/2006
		Currency	USD	Amount 20,110.30
				Drawn 40,220.60
				Balance -20,110.30
Information				
Message Grp				
Charges? Edit				

Reference M,Q	Số tham chiếu của LC cần thực hiện giao dịch đáo hạn (chọn trong LOV).
Product	Hệ thống sẽ hiển thị mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp của LC liên quan
Branch	Hệ thống hiển thị mã chi nhánh thực hiện giao dịch mở LC
Profit Centre	Hệ thống hiển thị mã trung tâm hưởng lợi của giao dịch mở LC
Customer/ID/Addr	Hệ thống hiển thị tên/ mã/ địa chỉ khách hàng yêu cầu mở LC.
Event Seq (Event Sequence)	Hệ thống hiển thị số lần thực hiện giao dịch đáo hạn trên một LC
Enter Date	Hệ thống sẽ hiển thị ngày nhập giao dịch đáo hạn LC, mặc định là ngày của hệ thống.
Issue (Issue Date)	Hệ thống hiển thị ngày phát hành LC.
Expiry (Expiry Date)	Hệ thống hiển thị ngày đáo hạn LC.
Event Date C(10),M,A,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch đáo hạn LC. Có thể chọn ngày phù hợp với nhu cầu của mình nhưng phải là một ngày trong tương lai.
Currency	Hệ thống hiển thị loại tiền tệ gắn với giao dịch LC.
Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá LC.
Drawn	Hệ thống hiển thị số tiền đã thanh toán của LC.
Balance	Hệ thống hiển thị số tiền còn lại của LC sau khi đã trừ đi số tiền đã thanh toán.
Information C(215),A,Q	Nhập các thông tin liên quan đến việc đáo hạn LC
Message Group C(3),A,Q	Nhấn F9 để chọn điện và thông báo sẽ được sinh ra trong giao dịch đáo hạn LC
Charges A,Q	Nhấn nút Edit, màn hình chi tiết về phí sẽ được hiển thị. Nhập các phí phải thu/ phải trả trong màn hình này. Sau đó ấn nút lưu trữ giao dịch nhập phí và quay lại màn hình chính, hệ thống sẽ hiển thị chữ “Y” trong trường này. (Tham khảo phần thu phí).

### 1.3 Giao dịch hủy bỏ L/C

Đường dẫn: Transaction\Imports\Maintenance capture\LC events\Cancellation.

Reference M,Q	Số tham chiếu của LC cần thực hiện giao dịch hủy bỏ (chọn trong LOV).
Product	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp của L/C.
Branch	Mã chi nhánh nhập giao dịch mở L/C
Profit Ctr.	Mã trung tâm hưởng lợi
Customer/ID/Addr	Tên/ địa chỉ/ mã khách hàng yêu cầu mở L/C
Event Seq (Event Sequence)	Số lần thực hiện giao dịch hủy bỏ trên một L/C
Enter Date	Ngày nhập giao dịch hủy bỏ L/C.
Issue (Issue Date)	Ngày phát hành L/C
Expiry (Expiry Date)	Ngày đáo hạn L/C
Event Date C(10),M,A,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch hủy bỏ L/C. Có thể chọn ngày tương lai.
Currency	Loại tiền tệ gắn với giao dịch L/C.
Amount	Tổng trị giá của L/C
Drawn	Số tiền đã thanh toán của L/C (nếu có)
Balance	Số tiền còn lại của L/C sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán.
Information C(210), A,Q	Có thể nhập các thông tin liên quan đến việc hủy bỏ L/C
Message Group M,Q	Nhấn F9 để chọn điện và thông báo sẽ được sinh ra trong giao dịch hủy bỏ L/C.
Charges Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , màn hình chi tiết về phí sẽ được hiển thị. Nhập các phí phải thu/ phải trả trong màn hình này. Sau đó ấn nút lưu trữ giao dịch nhập phí và quay lại màn hình chính, hệ thống sẽ hiển thị chữ “Y” trong trường này. (Tham khảo phần thu phí)

**Lưu ý:** Hệ thống chỉ cho phép thực hiện giao dịch hủy bỏ L/C khi tổng trị giá LC vẫn được giữ nguyên. Điều này có nghĩa là trường Drawn Amount bằng 0, và trường Balance bằng tổng giá trị của LC.

## 1.4 Giao dịch phục hồi L/C

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance/ LC events/ Reactivation.

Reference M,Q	Số tham chiếu của LC cần thực hiện giao dịch hồi phục. (chọn trong LOV)
Product	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp của giao dịch L/C cần phục hồi.
Branch	Mã chi nhánh thực hiện giao dịch mở L/C
Profit Ctr.	Mã trung tâm hưởng lợi
Customer/ID/Addr	Tên/ mã/ địa chỉ khách hàng của LC
Event Seq (Event Sequence)	Số lần thực hiện giao dịch hồi phục trên một LC.
Enter Date	Ngày nhập giao dịch hồi phục LC.
Issue (Issue Date)	Ngày phát hành LC.
Expiry (Expiry Date)	Ngày đáo hạn LC.
Event Date C(10),M,A,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch hồi phục LC. Có thể chọn ngày tương lai.
New Expiry date C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn mới của LC.
Currency	Loại tiền tệ gắn với giao dịch LC.
Amount	Tổng trị giá của LC.
Drawn	Số tiền đã thanh toán của LC.
Balance	Số tiền còn lại của LC sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán.
Information C(215),A,Q	Có thể nhập các thông tin liên quan đến việc hồi phục LC
Message Group M,A,Q	Nhấn F9 để chọn điện và thông báo sẽ được sinh ra trong giao dịch hồi phục LC
Charges A,Q	Nhấn nút Edit, màn hình chi tiết về phí sẽ được hiển thị. Nhập các phí phải thu/ phải trả trong màn hình này. Sau đó ấn nút lưu trữ giao dịch nhập phí và quay lại màn hình chính, hệ thống sẽ hiển thị chữ “Y” trong trường này. (Tham khảo phần thu phí)



## 2. Duyệt giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi L/C.

Ngay khi giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi L/C đã được nhập và lưu trữ, hệ thống sẽ chuyển giao dịch vào hàng chờ duyệt (verify).

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verify/ LC events/Amendment.

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verify/ LC events/ Expiry

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verify/ LC events/ Cancellation

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verify/ LC events/ Reactivation




Reference	Amend No.	Amend Date	Applicant / Applicant Bank	Profit Centre	Product	Verify?
0600111100016	1	01/06/2007	00014690	00014690	111 / LC2	N
		01/06/2007	001	603		
0600111100024	1	26/09/2006	00014715	00014715	111 / LC2	N
		26/09/2006	001	603		
0600111100026	1	16/12/2006	00014690	00014690	111 / LC1	N
		16/12/2006	001	102		
0600111100029	2	08/01/2007	00001399	TCTDTN	111 / LC2	N
		08/01/2007	001	201		
0600111100050	1	11/11/2006	00015349	00015349	111 / LC2	N
		11/11/2006	001	603		
0600111100091	1	15/12/2006	00014690	00014690	111 / LC2	N
		15/12/2006	001	102		

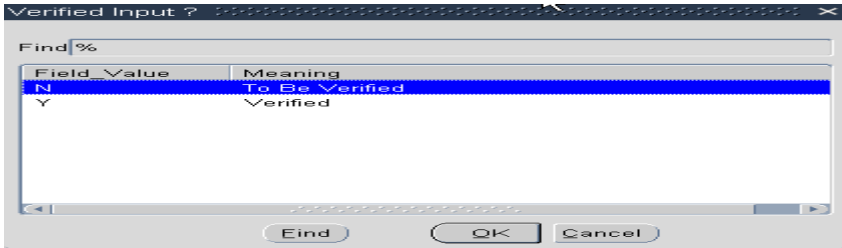
Các giao dịch được hiển thị trên màn hình này sẽ gồm các thông tin : Reference (số tham chiếu giao dịch), Amend No. (số lần tu chỉnh), Amend date (ngày hiệu lực tu chỉnh), Enter date (ngày nhập giao dịch), Applicant (người yêu cầu mở LC), Applicant bank (Ngân hàng yêu cầu mở LC), Branch (chi nhánh nhập tu chỉnh), Profit centre, Product (loại sản phẩm)...

Cách lọc giao dịch để duyệt tương tự như đối với LC.

### Cách 1:

♦ Người sử dụng nhấn F8 để hiển thị toàn bộ các giao dịch đang chờ duyệt hoặc đã được duyệt sẽ hiện ra ở màn hình duyệt. Muốn duyệt giao dịch nào KSV sẽ chọn giao dịch đó, sau kiểm tra nội

dung bằng cách nhấn vào . Nếu không yêu cầu chỉnh sửa và đồng ý với nội dung của giao dịch, KSV chọn Y.

<p><b>Verify?</b></p>	<p>Nếu các thông tin được nhập trong giao dịch sửa đổi L/C chính xác, KSV sẽ duyệt bằng cách click vào <b>verify</b> và chọn LOV, KSV có 2 lựa chọn:</p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>Field Value</th> <th>Meaning</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>N</td> <td>To Be Verified</td> </tr> <tr> <td>Y</td> <td>Verified</td> </tr> </tbody> </table> <p>- N (To be verified): hệ thống mặc định là giao dịch đang chờ duyệt. - Y (Verified): đồng ý duyệt giao dịch.</p>	Field Value	Meaning	N	To Be Verified	Y	Verified
Field Value	Meaning						
N	To Be Verified						
Y	Verified						

Sau khi nhấn vào “OK” để xác nhận giao dịch đã được lưu hệ thống sẽ xuất hiện màn hình để in chi tiết giao dịch.

Nếu giao dịch còn sai sót cần sửa chữa, KSV thoát khỏi màn hình duyệt và yêu cầu TTV sửa chữa lại giao dịch.

### Cách 2:

♦ KSV nhấn F7, để con trỏ vào tiêu thức muốn lọc, nhập thông tin của tiêu thức đó, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách duyệt tương tự như cách 1.

♦ Nếu không nhớ rõ nội dung tiêu thức lọc, KSV nhấn F7 sau đó để con trỏ và gõ “%” vào tiêu thức nào mà mình có một ít thông tin, sau đó nhấn F8, các giao dịch có tiêu thức như đã lọc sẽ hiện ra. Cách duyệt tương tự như cách 1.

Ví dụ: lọc theo reference: nhấn F7, để con trỏ vào reference, nhập %425 (chỉ nhớ 3 số cuối của giao dịch), nhấn F8.

**Lưu ý:**

- Nếu ngày thực hiện giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi L/C trùng với ngày hiện tại của hệ thống, việc verify giao dịch sẽ chuyển trạng thái của giao dịch sửa đổi sang “Processed”. Nhưng nếu người sử dụng chọn ngày thực hiện giao dịch sửa đổi L/C là một ngày trong tương lai, trạng thái giao dịch sẽ chuyển sang “Verified”. Sau khi chạy EOD đến ngày tương lai đấy, trạng thái sẽ chuyển sang là “Processed”.

**3. Upload giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi L/C:** tương tự phần nhập L/C

**4. Kiểm tra, kiểm soát và duyệt giao dịch tu chỉnh, đáo hạn, hủy bỏ, phục hồi L/C trên Swift:** tương tự phần nhập L/C.

**V. BẢO LÃNH NHẬN HÀNG**

Bảo lãnh nhận hàng (SG) là một cam kết được phát hành bởi ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng nhờ thu (trường hợp là giao dịch nhờ thu) gửi đến công ty tàu biển hoặc người vận chuyển để cho phép người nhập khẩu nhận được hàng khi bộ chứng từ hàng hoá (vận đơn,...) chưa về kịp.

**1. Phát hành bảo lãnh nhận hàng (SG)**

Đường dẫn: Trade Finance/ Imports/ Transaction capture/ Shipping Guarantees

Trang 1:

Reference No.	số tham chiếu của giao dịch SG. Số tham chiếu này sẽ được hệ thống tự động sinh sau khi giao dịch được ghi nhận.
Product (Type)/ Product Sub Type M,Q	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp của giao dịch
Branch M,Q	mã chi nhánh phát hành SG (chọn trong LOV).
Pcentre (Profit Centre) A,Q	Mã trung tâm hưởng lợi
LC Reference C(16),A,Q	Nếu một SG được phát hành gắn liền với một LC, nhập số LC tương ứng vào (chọn trong LOV). Sau khi đã chọn được số tham chiếu của LC tương ứng, hệ thống sẽ hiển thị các thông tin chi tiết liên quan đến LC đấy.
Issue Date C(10),M,A,Q	Ngày phát hành SG, hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống tuy nhiên có thể chọn một ngày khác.
Expiry (Date) C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn của SG.

Applicant/Id/Name M,Q	Khách hàng xin phát hành SG (chọn trong LOV). Nếu phát hành SG cho một LC thì hệ thống sẽ hiển thị khách hàng xin mở LC và đó chính là khách hàng xin phát hành SG.
Currency M,A,Q	Mã tiền tệ của SG (chọn trong LOV). Nếu SG mở cho một LC, hệ thống sẽ hiển thị mã tiền tệ theo mã tiền tệ của LC, tuy nhiên có thể thay đổi mã tiền tệ theo yêu cầu của giao dịch.
Amount C(26),M,Q	Trị giá của SG. Nếu SG mở cho một LC, hệ thống sẽ hiển thị trị giá của LC, tuy nhiên người sử dụng có thể thay đổi trị giá theo yêu cầu của giao dịch.
Rates	Tỷ giá quy đổi. Nhấn vào <b>Rates</b> để xem tỷ giá. có thể thay đổi đổi tỷ giá.
Base Rate	Tỷ giá để quy đổi trị giá của SG về đồng tiền cơ sở. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho công tác báo cáo, vì thế có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị.
L/C Rate	Trong trường hợp loại tiền tệ của LC và của SG khác nhau, hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá của hai đồng tiền này.
L/C Amount	Hệ thống sẽ hiển thị trị giá quy đổi sang loại tiền của LC tương ứng với trị giá của SG .
Collateral	Nếu khách hàng có tài sản đảm bảo để phát hành SG, nhấn <b>Edit</b> , hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập các thông tin chi tiết về tài sản đảm bảo. ( <b>Hiện nay chưa sử dụng</b> ).
Margin Details A,Q	Số tiền ký quỹ phải thu của khách hàng để phát hành một SG. Ấn nút Edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập thông tin ký quỹ chi tiết.

Forward Cover <input checked="" type="checkbox"/>		Margin Code <input type="text" value="MAR"/> MARGINAL DEPOSIT	
Percentage <input type="text" value="90.00"/> %		Amount <input type="text" value="2,250,000.00"/> USD	
Exchange Rate <input type="text" value="1.00000000"/> D		Margin CCY <input type="text" value="USD"/>	
Base Rate <input type="text" value="15875.00000000"/> D		Margin Amt <input type="text" value="2,250,000.00"/>	
Local Rate <input type="text" value="1.00000000"/> D		Base Equip <input type="text" value="35,718,750,000"/> VND	
Collected <input type="text" value="0.00"/>		Local Equip <input type="text" value="35,718,750,000"/> VND	
Uncollected <input type="text" value="2,250,000.00"/>		Utilised <input type="text" value="0.00"/>	
		Unutilised <input type="text" value="0.00"/>	
OK		Cancel	

Margin Code	Mã ký quỹ (MAR) .
Forward Cover	Nếu loại tiền ký quỹ được thu khác với loại tiền bản địa mà muốn dùng tỷ giá kỳ hạn thì nhập giá trị “Y” vào trường này.
Percentage	Phần trăm của trị giá SG mà muốn thu từ khách hàng như phần ký quỹ cho SG đó. <u>Ví dụ:</u> Nếu tổng giá trị LC = tổng giá trị SG Ký quỹ LC: 10% tổng giá trị LC Ký quỹ SG: 90% tổng giá trị SG
Amount	Tùy thuộc vào phần trăm ký quỹ, hệ thống sẽ hiển thị số tiền ký quỹ tương ứng.
Margin CCY (Margin Currency)	Loại tiền cho ký quỹ. có thể thay đổi loại tiền.
Exchange Rate	Tỷ giá quy đổi
Margin Amount	Số tiền ký quỹ sau khi quy đổi theo tỷ giá
Base Rate	Tỷ giá để quy đổi trị giá của SG về đồng tiền cơ sở và đồng tiền bản địa. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho công tác báo cáo, vì thế có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị.



Base Equiv (Base Currency Equivalent)	Tùy thuộc vào Base rate, hệ thống sẽ hiển thị số tiền của ký quỹ sau khi quy đổi theo Base rate.
Local Rate	Tỷ giá giữa đồng tiền của ký quỹ và đồng tiền bản địa.
Local Equiv (Local Currency Equivalent)	Tùy thuộc vào Local rate, hệ thống sẽ hiển thị số tiền của ký quỹ sau khi quy đổi theo local rate.
Collected (Margin Amount)	Hệ thống sẽ hiển thị số tiền ký quỹ thực thu.
Uncollected (Margin Amount)	Hệ thống sẽ hiển thị số tiền ký quỹ chưa thu.
Utilised (Margin Amount)	Hệ thống hiển thị số tiền ký quỹ đã được sử dụng
Unutilised	Hệ thống hiển thị số tiền ký quỹ chưa được sử dụng

**Lưu ý:** Sau khi các thông tin ký quỹ đã được nhập xong, nhấn nút **OK**, màn hình chính SG sẽ hiện ra và ở trường Margin sẽ xuất hiện chữ “Y”

Trang 2:

Messages M,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> để nhập thông tin về các điện và thông báo được sinh sau khi phát hành giao dịch.
Charges M,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , hệ thống sẽ hiển thị màn hình để nhập chi tiết các phí cần thu. Sau khi nhập xong nhấn nút lưu trữ, sau đó quay về màn hình chính và tại trường Charge sẽ xuất hiện chữ “Y”.
Transport Doc Ref. C(35),A,Q	Số tham chiếu của chứng từ vận tải.
Date A,Q	Ngày phát hành của chứng từ vận tải.
Marks and Number C(143),A,Q	Ký hiệu hàng hoá và số container thể hiện trên bề mặt bộ chứng từ.
Vessel/Carrier C(35),A,Q	Tên tàu chở hàng thể hiện trên bề mặt bộ chứng từ.

Voyage/Flight No C(35),A,Q	Số hiệu của tàu/ chuyến bay chở hàng hoá.
Port of Loading C(35),A,Q	Cảng xếp hàng.
Port of Discharge C(35),A,Q	Cảng dỡ hàng.
Shipper C(35),A,Q	Tên người gửi hàng hoá.
Consign To (Consignee) C(35),A,Q	Bên nhận hàng, có thể là người nhập khẩu hoặc ngân hàng của người NK
Notify Party C(35),A,Q	Bên cần được thông báo về việc hàng hóa đến cảng dỡ, thường là người NK
Released To C(35),A,Q	Người có quyền nhận hàng từ hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu.

## 2. Kiểm soát giao dịch SG:

Đường dẫn sau đây: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Input verification/Shipping guarantees.  
 Tương tự như L/C.

## 3. Duyệt giao dịch SG:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Transaction issuance/ Shipping Guarantees.  
 Tương tự như L/C.

## 4. Các sự kiện của SG

### 4.1 Thu hồi SG:

SG được phát hành để giúp người nhập khẩu nhận được hàng khi chứng từ hàng hoá chưa về kịp. Vậy việc thu hồi SG sẽ được thực hiện khi chứng từ hàng hoá về. Khi chứng từ hàng hoá về, vào đường dẫn: Trade Finance/ Transactions/ Imports/ Maintenance capture/ SG event/ Revocation để thu hồi SG.

The screenshot shows the 'Hoi so SG Revocation' screen in the HD Bank system. The interface includes a top menu bar with options like 'SG Rem', 'Cust. Rem', 'SG Enq.', and 'LC Enq.'. The main area contains several input fields and buttons for managing the revocation process. Key fields include Reference (0600115400003), Product (154 / NNN), Branch (001), Customer (00014844), Issue Date (04/11/2006), Expiry Date (07/11/2006), and Amount (160.00 USD). There are also buttons for 'Active', 'Revocation', 'Entered', and 'Edit'.

Reference M,Q	Số tham chiếu của SG mà người sử dụng muốn thu hồi (chọn trong LOV)
Product	Hệ thống hiển thị mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp theo SG tương ứng.
Branch	Hệ thống hiển thị mã chi nhánh thực hiện giao dịch SG.
Profit Ctr.	Hệ thống hiển thị mã trung tâm hưởng lợi.

Customer	Hệ thống hiển thị mã khách hàng đã yêu cầu phát hành SG.
Addr.	Hệ thống đồng thời hiển thị địa chỉ của khách hàng đã yêu cầu mở SG.
Event Seq	Số lần thực hiện giao dịch thu hồi SG sẽ được hiển thị ở trường này.
Issue (Issue Date)	Hệ thống hiển thị ngày phát hành SG
Expiry	Hệ thống hiển thị ngày đáo hạn của SG.
Enter Date	Hệ thống hiển thị ngày nhập giao dịch thu hồi SG.
Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của SG đã được phát hành.
Event Date C(10),M,A,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch thu hồi SG. Hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống, tuy nhiên có thể nhập ngày tương lai.
Related L/C Ref.	Nếu SG được phát hành cho một LC, ở trường này hệ thống sẽ hiển thị số tham chiếu của LC.
L/C amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của LC.
Information C(215), A,Q	Có thể nhập bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc thu hồi SG.
Message Group M,A,Q	Chọn trong LOV điện hoặc thông báo tương ứng với giao dịch đang thực hiện.
Charges M,Q	Nếu muốn thu phí cho giao dịch thu hồi SG thì nhấn vào <b>Edit</b> , hệ thống sẽ hiển thị màn hình thu phí chi tiết để nhập vào. Sau khi nhập xong ấn nút lưu trữ và quay lại màn hình chính, tại trường Charge sẽ xuất hiện chữ “Y”.

**Lưu ý:** nếu cần phải hoàn trả tiền ký quỹ, người sử dụng phải vào phần charge để hoàn trả ký quỹ.

#### 4.2 Hủy bỏ SG:

Sau khi một SG được phát hành và có hiệu lực, vì một lý do gì đấy mà ngân hàng phát hành muốn hủy bỏ SG, đường dẫn:

Trade Finance/ Transactions/ Imports/ Maintenance capture/ SG event/ Cancellation.

Reference M,Q	Số tham chiếu của SG cần hủy bỏ. Nhấn F9 để lấy trong LOV
Product	Hệ thống hiển thị mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp theo SG tương ứng.
Branch	Hệ thống hiển thị mã chi nhánh phát hành SG.
Profit Ctr.	Hệ thống hiển thị mã trung tâm hưởng lợi.
Customer	Hệ thống hiển thị mã của khách hàng đã yêu cầu phát hành SG

Addr.	Hệ thống đồng thời hiển thị địa chỉ của khách hàng đã yêu cầu mở SG
Event Seq	Số lần thực hiện giao dịch huỷ bỏ SG sẽ được hiển thị ở trường này.
Issue (Issue Date)	Hệ thống hiển thị ngày phát hành SG
Expiry (Expiry Date)	Hệ thống hiển thị ngày đáo hạn của SG.
Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của SG đã được phát hành.
Enter Date	Hệ thống hiển thị ngày nhập giao dịch huỷ bỏ SG.
Event Date C(10),M,A,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch huỷ bỏ SG. Hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống, tuy nhiên TTV có thể nhập ngày tương lai.
Related L/C Ref.	Nếu SG được phát hành cho một LC, sẽ hiển thị số tham chiếu của LC.
L/C Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của LC liên quan (nếu có).
Information C(215),A,Q	nhập bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc huỷ bỏ SG.
Message Group M,A,Q	chọn trong LOV điện hoặc thông báo tương ứng với giao dịch đang thực hiện.
Charges M,A,Q	Nếu muốn thu phí cho giao dịch huỷ bỏ SG thì nhấn vào Edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thu phí chi tiết để nhập vào. Sau khi nhập xong ấn nút lưu trữ và quay lại màn hình chính, tại trường Charge sẽ xuất hiện chữ “Y”.

### 4.3 Hồi phục SG:

Sau khi ngân hàng thực hiện giao dịch thu hồi SG, nếu ngân hàng quyết định hồi phục lại SG: Trade Finance/ Transactions/ Imports/ Maintenance capture/ SG event/ Reactivation

The screenshot shows the 'Hồi số SG Reactivation' window. Key fields include: Reference (0600115400006), Product (154 / NNN), Branch (001), Customer (00014690), Issue (25/12/2006), Expiry (30/03/2007), Amount (55,000.00 EUR), and L/C Amount (55,000.00 EUR). There are also buttons for 'Reactivate', 'Processed', 'Edit', and 'Charges?'.

Reference M,Q	Số tham chiếu của SG muốn hồi phục (Chọn trong LOV)
Product	Hệ thống hiển thị mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp theo SG tương ứng.
Branch	Hệ thống hiển thị mã chi nhánh nhận phát hành SG.
Profit Ctr.	Hệ thống hiển thị mã của trung tâm hưởng lợi
Customer	Hệ thống hiển thị mã của khách hàng đã yêu cầu phát hành SG.
Event Seq	Số lần thực hiện giao hồi phục SG sẽ được hiển thị ở trường này..
Issue (Issue Date)	Hệ thống hiển thị ngày phát hành SG
Expiry (Expiry)	Hệ thống hiển thị ngày đáo hạn của SG.

Date)	
Enter Date	Hệ thống hiển thị ngày nhập giao dịch hủy bỏ SG.
Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của SG đã được phát hành.
Event Date C(10),M,Q	Ngày có hiệu lực của giao dịch khôi phục SG. Hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống, tuy nhiên có thể nhập ngày tương lai.
Related L/C Ref.	Nếu SG được phát hành cho một LC, hệ thống sẽ hiển thị số của LC.
L/C Amount	Hệ thống hiển thị tổng trị giá của LC (nếu có).
New Maturity C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn mới của SG
Information C(215),A,Q	có thể nhập bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc hồi phục SG.
Message Group M,A,Q	chọn trong LOV điện hoặc thông báo tương ứng với giao dịch đang thực hiện.
Charges M,A,Q	Nếu muốn thu phí cho giao dịch hồi phục SG thì nhấn vào <b>Edit</b> , hệ thống sẽ hiển thị màn hình thu phí chi tiết để nhập vào. Sau khi nhập xong ấn nút lưu trữ và quay lại màn hình chính, tại trường Charge sẽ xuất hiện chữ “Y”.

#### 4.4 Kiểm soát giao dịch thu hồi, hủy bỏ, phục hồi SG: cách duyệt tương tự L/C

Đường dẫn:

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ SG/ Reactivation

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ SG/ Cancellation

Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ SG/ Revocation

## VI. XỬ LÝ BỘ CHỨNG TỪ

### 1. Khởi tạo

Sau khi người bán tiến hành giao hàng theo LC, sẽ xuất trình chứng từ đến Ngân hàng. Ngân hàng sẽ tiếp nhận các bộ chứng từ nhận từ ngân hàng thương lượng (đối với LC nhập khẩu) hoặc từ khách hàng (LC xuất khẩu). Sau khi nhận bộ chứng từ, người sử dụng sẽ nhập thông tin của bộ chứng từ vào hệ thống



Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Nhận, kiểm tra BCT và nhập vào hệ thống] --&gt; B[Kiểm tra và kiểm soát giao dịch]     B -- N --&gt; A     B -- Y --&gt; C[Kiểm tra và duyệt giao dịch]     C --&gt; D[Kết nối và chuyển điện trên Swift]     D --&gt; E[Kiểm tra và duyệt]     E --&gt; F[Kiểm tra và duyệt]     F --&gt; G[In và lưu trữ chứng từ]           </pre>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận BCT từ NHNN gửi đến.</li> <li>- Kiểm tra và nhập các thông tin của BCT vào hệ thống: Trade Finance/ Transaction / Imports/ Transaction Capture/ Negotiation In(Import bill)</li> <li>- Trích ký quỹ từ L/C</li> <li>- Thu phí (nếu có)</li> <li>- Nếu BCT có sai biệt -&gt; nhập sai biệt</li> </ul>
Kiểm soát viên		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra BCT</li> <li>- Kiểm tra thông tin BCT đã được TTV nhập vào hệ thống và kiểm soát trên hệ thống</li> <li>- Kiểm tra ký quỹ, phí (nếu có)</li> </ul>
Cấp quản lý		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra BCT và duyệt trên hệ thống</li> </ul>
Thanh toán viên		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối các giao dịch đã được duyệt với hệ thống Swift (nếu có)</li> <li>- Kiểm tra giao dịch trên hệ thống Swift và accept (nếu có)</li> </ul>
Kiểm soát viên		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại nội dung và kiểm soát trên Swift</li> </ul>
Cấp quản lý		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại nội dung và duyệt giao dịch trên Swift</li> </ul>
Thanh toán viên		<ul style="list-style-type: none"> <li>- In và lưu trữ chứng từ theo qui định</li> </ul>

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Transaction Capture/ Negotiation In (Import Bill) hoặc Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Transaction Capture/ Negotiation Out (Export Bill)

<b>Reference number</b>	số tham chiếu của bộ chứng từ. Số tham chiếu này sẽ được hệ thống tự động phát sinh sau khi giao dịch được ghi nhận.
<b>Product/Sub product M,Q</b>	mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với bộ chứng từ (trả ngay/trả chậm) (chọn trong LOV).

<b>Branch</b> M,Q	mã chi nhánh nhập giao dịch (chọn trong LOV) <b>Lưu ý:</b> <i>Đối với bộ chứng từ xuất khẩu, người sử dụng nhập mã chi nhánh mà khách hàng có quan hệ tín dụng để sau này nếu khách hàng có yêu cầu chiết khấu, phân hệ CL của chi nhánh có thể giải ngân được.</i>
<b>Pcentre</b> A,Q	mã trung tâm hưởng lợi (chọn trong LOV)
<b>LC Ref No</b> A,Q	Số LC liên quan (chọn trong LOV)
<b>Issue date</b> C(10),M,A,Q	ngày nhập giao dịch thương lượng chứng từ
<b>SG ref no</b> A,Q	số tham chiếu của Bảo lãnh nhận hàng (nếu có) (chọn trong LOV). <b>Lưu ý:</b> <i>Bộ chứng từ XK sẽ không có trường này do không có trường hợp phát hành SG cho bộ chứng từ XK</i>
<b>Tenor</b>	thời hạn thanh toán của bộ chứng từ (trả ngay/ trả chậm). Hệ thống sẽ tự động hiển thị thời hạn của LC khi người sử dụng nhập LC tương ứng.
<b>Negotiate bank, Id, Name, CT</b> M,A,Q	mã số, Id, tên và địa chỉ liên lạc của Ngân hàng xuất trình. Khi chọn số LC tương ứng với bộ chứng từ thì hệ thống sẽ tự động hiển thị thông tin của NH thông báo LC, tuy nhiên vẫn có thể chọn NH khác hoặc thay đổi thông tin nếu NH xuất trình không phải là NH thông báo (chọn trong LOV). <b>Lưu ý:</b> <i>người sử dụng nhập NH mà HDBank sẽ gửi điện thông báo.</i>
<b>Start</b> C(10),M,A,Q	ngày bắt đầu để tính thời hạn đáo hạn cho bộ chứng từ. - Nếu bộ chứng từ là trả ngay thì Start date sẽ là ngày nhận bộ chứng từ. - Nếu bộ chứng từ là trả chậm, Start date sẽ là ngày cơ sở để tính thời hạn trả chậm. Người sử dụng nhập ngày B/L, ngày shipment hoặc ngày nhận chứng từ tùy theo điều kiện thanh toán qui định trong L/C.
<b>Mature</b> C(10),A,Q	ngày đáo hạn của bộ chứng từ. . Nếu bộ chứng từ là trả ngay thì Mature date sẽ là ngày Start date + 5 ngày làm việc. . Nếu bộ chứng từ là trả chậm, hệ thống sẽ tự động tính ngày ngay khi người sử dụng nhập ngày start date.
<b>Their ref</b> C(16),M,A,Q	số tham chiếu của NH xuất trình
<b>Date</b> C(10),M,A,Q	ngày gửi chứng từ của NH xuất trình
<b>Nego date</b> C(10),A,Q	Ngày chiết khấu bộ chứng từ được ghi trong Covering letter của NH xuất trình (nếu có). Nếu không có thông tin về ngày này thì bỏ trống.
<b>Applicant, Id</b>	Thông tin về khách hàng mở LC. Thông tin này sẽ được tự động hiển thị khi nhập số LC tương ứng.
<b>Applicant bank, Id, CT</b>	Thông tin, mã số, địa chỉ liên lạc của NH đại diện cho người mở LC. Các thông tin này cũng được hiển thị tự động khi nhập số LC tương ứng.
<b>Reimb. Bank, Id, CT</b>	Thông tin, mã số, địa chỉ liên lạc của NH hoàn trả (nếu có). Các thông tin này cũng được hiển thị tự động khi nhập số LC tương ứng.
<b>Beneficiary</b>	Người hưởng lợi. sẽ hiển thị tự động khi nhập số LC tương ứng
<b>Currency</b> M,Q	Loại tiền của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị loại tiền của LC khi nhập số LC tương ứng. Tuy nhiên nếu loại tiền của bộ chứng từ khác với loại tiền của LC thì chọn loại tiền của BCT (chọn trong LOV)

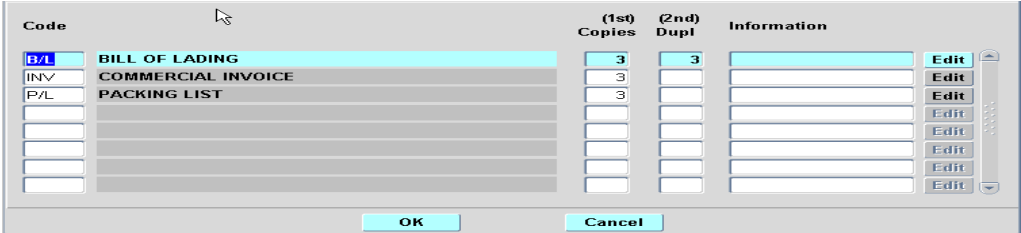
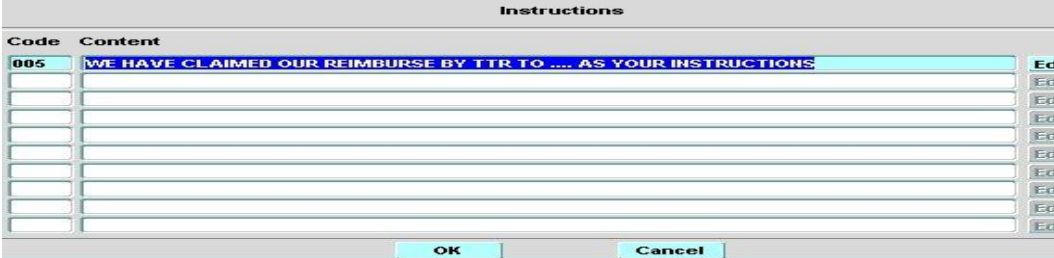
<b>Amount</b> M,Q	Trị giá bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị trị giá của LC khi chọn số LC tương ứng. Nếu trị giá bộ chứng từ khác trị giá của LC thì nhập trị giá BCT
<b>Rates</b>	Tỷ giá để quy đổi trị giá BCT về đồng tiền cơ bản và đồng tiền bản địa. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho công tác báo cáo, vì thế có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị
<b>L/C rate, L/C amount</b>	Tỷ giá, kết quả quy đổi trị giá BCT về loại tiền của LC. nếu loại tiền của BCT là loại tiền của LC thì tỷ giá này có giá trị bằng 1. Tỷ giá này chỉ hiển thị cho người sử dụng tham khảo mà không thay đổi được. Nếu kết quả quy đổi lớn hơn trị giá còn lại của LC, hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo

Màn hình trang 2:

The screenshot shows a software interface for managing bills of exchange. Key fields visible include:
 

- Reference:** 0510ULC005501
- Product:** 122
- Doc Received Type:** COL
- Date:** 16/12/2005
- Forwarded:** 20/12/2005
- BOL Ref/Date:** SYSHVMBE5504037 / 10/12/2005
- Actual Ship Date:** 10/12/2005
- Shipment From:** SHANGHAI PORT, CHINA
- Shipment To:** HOCHIMINH PORT, VIETNAM
- Vessel:** BELUGA INDICATION V.0550S
- Shipping Agent:** SHANDONG PROVINCE YANTAI INT'L MARINE CO.
- Trade Term:** CIF
- Cost, Insurance, AN:** COST, INSURANCE AN
- Goods Description:** (with an 'Edit' button)
- Discrepancies:** (with an 'Edit' button)
- Interest Data ?** (with an 'Edit' button)
- Payment ?** (with an 'Edit' button)
- C & F Value:** 0.00
- Supplier Credit Int Amt:** 0.00

<b>Doc Received type</b> (M,A,Q)	Phương thức nhận chứng từ (bằng thư, fax, ..) (chọn trong LOV)
<b>Date</b> C(10),M,A,Q	Ngày nhận chứng từ
<b>Forwarded date</b> C(10),A,Q	Ngày trả chứng từ cho KH (đối với bộ chứng từ nhập)
<b>Draft Ref/ Date</b> C(16)/ C(10),A,Q	Số tham chiếu và ngày của hối phiếu
<b>BOL Ref/Date</b> C(16)/ C(10),A,Q	Số tham chiếu và ngày của vận đơn
<b>Actual ship Date</b> C(10),M,A,Q	Ngày gửi hàng thực tế
<b>Trade Term</b> M,A,Q	Điều kiện giao hàng. Hệ thống sẽ hiển thị điều kiện giao hàng được định nghĩa trong LC tương ứng, nhưng có thể thay đổi (chọn trong LOV).
<b>Shipment From</b> C(65),A,Q	Cảng bốc hàng
<b>Shipment to</b> C(65),A,Q	Cảng dỡ hàng
<b>Vessel</b> C(35),A,Q	Tên phương tiện vận tải ( tàu biển, máy bay, tàu hỏa,...)
<b>Shipping Agent</b> C(140),A,Q	Tên hãng vận chuyển (hãng tàu, hãng hàng không, đường sắt,...)
<b>Goods Description</b> M,Q	Mô tả hàng hoá được giao theo BCT. Hệ thống sẽ hiển thị các hàng hoá được mô tả trong LC. Nhấn Edit để xem/nhập thông tin chi tiết (màn hình chi tiết đề nghị xem phần khai báo LC)

<p><b>Document</b> M,Q</p>	<p>Liệt kê các chứng từ kèm theo số lượng của từng chứng từ. Hệ thống sẽ hiển thị các chứng từ được mô tả trong LC để người sử dụng kiểm tra hoặc thay đổi (nếu cần). Nhấn Edit để xem/nhập thông tin chi tiết. (tham khảo phần khai báo LC)</p>  <p>Code: mã chứng từ đã được cài đặt sẵn trong hệ thống (1<sup>st</sup>)Copies: số bản gốc (2<sup>nd</sup>)Dupl: số bản sao Information: thông tin, nếu muốn ghi chú thêm người sử dụng sẽ nhấn <b>Edit</b> và bổ sung thêm thông tin.</p>
<p><b>Instruction</b> M,A,Q</p>	<p>. Nhập các chỉ dẫn của NH xuất trình (nếu có) đối với bộ chứng từ nhập . Nhập các chỉ dẫn thanh toán đối với bộ chứng từ xuất. Nhấn edit để xem/nhập thông tin chi tiết.</p> 
<p><b>Discrepancy</b> A,Q</p>	<p>Nhập các sai biệt của bộ chứng từ (nếu có). Nhấn Edit để nhập thông tin chi tiết. Khi khởi tạo BCT người sử dụng có thể bỏ qua trường này ở màn hình thương lượng (nếu không cần thông báo BHL cho KH). Khi từ chối BCT vì có bất hợp lệ hoặc thông báo bất hợp lệ cho NH nước ngoài, người sử dụng có thể vào sự kiện Discrepancies bên ngoài để nhập. <b><u>Cách nhập:</u> tham khảo “Quy trình xử lý bộ chứng từ có sai biệt”.</b></p>

**Margin**  
A,Q

**Bắt buộc phải cập nhật trường này nếu thực sự có trích ký quỹ để thanh toán BCT**

. Khai báo số tiền ký quỹ sẽ sử dụng để thanh toán bộ chứng từ. Số tiền ký quỹ khai báo không được vượt quá trị giá ký quỹ đã khai báo cho LC.

. Đây là bước nhập hồ sơ ký quỹ, số tiền ký quỹ sẽ chỉ được chính thức trừ vào tài khoản ký quỹ khi tiến hành thanh toán bộ chứng từ.

. Màn hình nhập thông tin ký quỹ như sau:

- Các trường thuộc nửa trang màn hình phía trên: hệ thống hiển thị thông tin ký quỹ ban đầu khai báo khi tạo LC (xem phần ký quỹ trong quy trình tạo LC)

- Percentage: Nhập tỷ lệ số tiền ký quỹ được trích ra so với trị giá bộ chứng từ.

- Amount: Số tiền được tính theo tỷ lệ phần trăm ở trên.

$$\text{Số tiền} = \text{Tỷ lệ \%} \times \text{Trị giá bộ chứng từ}$$

- Margin code: Mã ký quỹ. Mã này luôn được cài đặt là MAR.

- Margin CCY: Loại tiền ký quỹ. Loại tiền này được tự động lấy bằng loại tiền khai báo cho món ký quỹ khi mở LC.

- Exchange rate: Tỷ giá dùng để quy đổi Amount được tính ở phía trên ra loại tiền của ký quỹ. Nếu loại tiền ký quỹ giống loại tiền của bộ chứng từ thì tỷ giá bằng 1. Nếu khác nhau, hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá tương ứng để quy đổi. VD: ký quỹ là VND, trị giá bộ chứng từ là USD, tỷ giá sẽ là tỷ giá bán USD.

- Margin Amt: Trị giá ký quỹ sẽ được trích ra khi thanh toán bộ chứng từ.

$$\text{Margin amount} = \text{exchange rate} \times \text{Amount}$$

- Amount Settled: Trị giá ký quỹ đã thực sự được trích ra để thanh toán chứng từ. Nếu bộ chứng từ chưa được thanh toán thì trị giá này sẽ nhận giá trị 0.

- Base Rate: Tỷ giá quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền quy đổi (VND) để tạo thông tin báo cáo. Tỷ giá này được hiển thị tự động.

- Base Equip: Kết quả quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền quy đổi

- Local Rate: Tỷ giá quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền bản địa (VND) để tạo thông tin báo cáo. Tỷ giá này được hiển thị tự động.

- Local Equip: Kết quả quy đổi trị giá ký quỹ ra đồng tiền bản địa

- Coll/Util: Trường chỉ thị để hệ thống nhận biết giao dịch: thu tiền ký quỹ (C-Collection), trích ký quỹ (U-utilize). Dấu hiệu này được tự động hiển thị.

- Add/Deduct: Trường chỉ thị để hệ thống nhận biết tăng hay giảm ký quỹ: tăng (A-add), giảm (D-deduct). Chỉ thị này được hệ thống tự động hiển thị.

- Refund: Trường chỉ thị để hệ thống nhận biết việc giải toả ký quỹ cho khách hàng:

. (N-no): chưa giải toả khách hàng

. (Y-yes): đã giải toả ký quỹ.

Chỉ thị này được hệ thống tự động hiển thị

**Interest data**  
A,Q

Nhập thông tin về lãi suất (áp dụng trong trường hợp khách hàng xin vay để thanh toán cho bộ chứng từ NK – nếu cần).



<b>Message</b> A,Q	Chọn mã điện swift hoặc các thông báo cần tạo ra để gửi cho NH nước ngoài hoặc khách hàng/đối tác. Nhấn Edit để xem/nhập thông tin chi tiết. (màn hình chi tiết đề nghị xem phần khai báo LC). Vd: tạo các thông báo chứng từ cho khách hàng, thông báo chuyển tiếp chứng từ cho NH đại lý, vvv.
<b>Payment</b>	Nhập thông tin thanh toán đi nước ngoài (đối với bộ chứng từ NK) hoặc thông tin thanh toán của NH nước ngoài (đối với bộ chứng từ XK). <i>Lưu ý: sự kiện này có thể được khai báo bên ngoài bộ chứng từ, tại một màn hình riêng biệt (xem quy trình thanh toán bộ chứng từ).</i> Nhấn Edit để nhập/xem thông tin. Nếu sự kiện này phát sinh sau khi khai báo bộ chứng từ thì sẽ khai báo trong màn hình riêng biệt.
<b>Receipt</b>	Nhập thông tin về việc thu tiền của KH để thanh toán cho bộ chứng từ (đối với bộ chứng từ NK) hoặc thông tin về việc trả tiền cho KH (đối với bộ chứng từ XK). <i>Lưu ý: sự kiện này có thể được khai báo bên ngoài bộ chứng từ, tại một màn hình riêng biệt (xem quy trình thu tiền thanh toán/trả tiền bộ chứng từ).</i> Nhấn Edit để nhập/xem thông tin. Nếu sự kiện này phát sinh sau khi khai báo bộ chứng từ thì sẽ khai báo trong màn hình riêng biệt.
<b>Charge</b> M,Q	Thu/trả các phí. Nếu có phát sinh các phí phải thu/phải trả đối với khách hàng/đối tác, người sử dụng có thể khai báo và thu/trả ngay các phí này. Ví dụ: phí kiểm tra chứng từ, phí chuyển tiếp chứng từ của NH đại lý, Nhấn Edit để nhập/xem thông tin. Nếu sự kiện này phát sinh sau khi khai báo bộ chứng từ thì sẽ khai báo trong màn hình riêng biệt. <i>Lưu ý: việc thu/trả phí có thể thực hiện ở một màn hình khác bên ngoài Bill (xem quy trình thu/trả phí).</i> <i>Phần thông tin ký quỹ được khai báo ở trên không đưa vào phần thu/trả phí nữa vì đã được thu khi mở/sửa đổi LC hoặc được giải toả ở màn hình riêng.</i> <b>Quá trình khai báo và thu/trả phí đề nghị tham khảo Quy trình thu/trả phí.</b>
<b>C&amp;F value</b>	Nhập giá trị bộ chứng từ, chỉ tính giá trị hàng hoá và cước vận tải. Trường này chỉ dùng để tạo thông tin báo cáo (nếu cần). Nếu không có yêu cầu theo dõi giá trị C&F thì bỏ trống trường này.
<b>Supplier Credit Int Amount</b>	Không sử dụng trường này

Màn hình trang 3:

Charge (F71B)	Nhập các phí sẽ bị trừ đi khi thanh toán. Nhấn edit để nhập thông tin. Nếu không có nhu cầu lập điện MT754 thì bỏ trống trường này.
---------------	--

Sender to Receiver Info (F72)	Nhập thông tin gửi cho ngân hàng nhận điện MT754 (nếu có). Nhấn edit để nhập thông tin. Nếu không có nhu cầu lập điện MT754 thì bỏ trống trường này.
Charge added (F73)	Nhập các phí cần thu từ khách hàng ở nước ngoài. Nhấn edit để nhập thông tin. Nếu không có nhu cầu lập điện MT754 thì bỏ trống trường này.
Narrative (F77A)	Nhập các diễn giải cho điện MT754. Nhấn edit để nhập thông tin. Nếu không có nhu cầu gửi điện MT754, đề nghị bỏ trống trường này.

## 2. Kiểm soát giao dịch thương lượng chứng từ

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Input Verification Negotiation In (Import Bill)

Hoặc Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Input Verification Negotiation Out (Export Bill):

Tương tự như kiểm soát L/C

## 3. Duyệt giao dịch thương lượng chứng từ

Đường dẫn: Trade Finance/Transaction/ Imports/ Transaction Issuance/ Negotiation In (Import Bill)

Hoặc Trade Finance/Transaction/ Exports/ Transaction Issuance/ Negotiation Out (Export Bill)

Tương tự như duyệt giao dịch L/C.

## 4. Kiểm tra, kiểm soát và duyệt giao dịch thương lượng chứng từ trên Swift (nếu có phát sinh một số điện cần chuyển qua Swift): tương tự phần L/C.

## 5. Xử lý các sự kiện của bộ chứng từ

### 5.1 Bộ chứng từ có sai biệt

Khi kiểm tra phát hiện sai biệt của bộ chứng từ người sử dụng truy cập màn hình nhập thông tin xử lý bộ chứng từ có sai sót theo các đường dẫn:

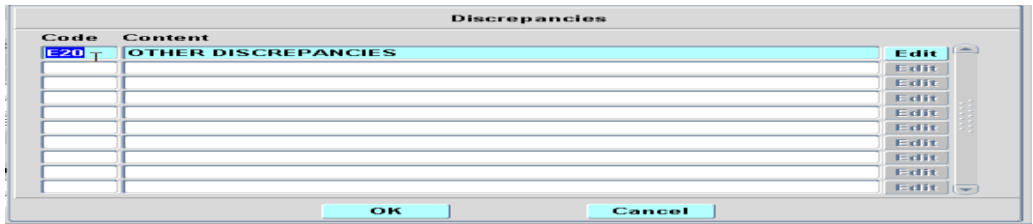
Transaction\Imports\Maintenance Capture\Discrepancy

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Discrepancy

Reference M,Q	Nhập vào số tham chiếu của bộ chứng từ có liên quan mà trong đó các sai biệt của bộ chứng từ cần được khai báo (chọn trong LOV).
Product/ Sub-product	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với BCT có sai biệt ( trả ngay/trả chậm), sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
Branch	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
Profit Centre	Mã trung tâm hưởng lợi. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi gọi số Bill tương ứng.
Agent	Thông tin, mã số, địa chỉ liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.

<b>Discrep. (Discrepancy pNumber)</b>	<b>No.</b>	Số thứ tự lần nhập giao dịch xử lý bộ chứng từ có sai biệt. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
---------------------------------------	------------	---

**Lưu ý:** Người sử dụng chỉ có thể thấy được số thứ tự lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.

<b>Customer</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn của bộ chứng từ (trả ngay/ trả chậm), hệ thống sẽ tự động hiển thị khi người sử dụng chọn số Bill tương ứng
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch xử lý bộ chứng từ có sai biệt. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập giao dịch thương lượng chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi người sử dụng gọi số Bill tương ứng.
<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi người sử dụng chọn số Bill tương ứng
<b>Attach</b>	Các sai biệt của bộ chứng từ được chỉ ra bởi Negotiating Bank <i>. Lưu ý: nếu được khai báo ngay trong màn hình nhập giao dịch thương lượng chứng từ thì ô này sẽ được tự động đánh dấu</i>
<b>Discrep. Date (Discrepancy Date)</b> C(10),M,A,Q	Ngày hiệu lực của giao dịch xử lý BCT có sai biệt. Hệ thống sẽ mặc định là ngày trên hệ thống, tuy nhiên người sử dụng có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amount</b>	Trị giá của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Presenting Bank Ref</b>	Số tham chiếu của NH nước ngoài. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi người sử dụng chọn số Bill tương ứng
<b>Disposal Type</b> A,Q	Chỉ thị về quyền quyết định đối với BCT bị từ chối. Nội dung ở trường này sẽ kết nối vào điện Swift nếu có chuyển điện Swift (chọn trong LOV).
<b>Discrepancies Yes/No Indicator</b> M,A,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , có thể nhập các thông tin sai biệt của bộ chứng từ (dưới dạng mã và diễn giải) (chọn trong LOV).  Code: mã các bất hợp lệ thường gặp Content: diễn giải các bất hợp lệ. Nếu muốn diễn giải chi tiết hơn, nhấn vào nút Edit và nhập thêm thông tin. Sau đó nhấn <b>OK</b> hệ thống sẽ trở lại màn hình lúc đầu và ở trường này sẽ xuất hiện chữ <b>Y</b> .
<b>Information</b> C(210),A	Nhấn nút <b>Edit</b> ở bên cạnh trường này, có thể nhập bất kỳ thông tin nào có liên quan đến giao dịch.

<b>Message Group</b> M,A,Q	Chọn trong LOV các điện Swift hoặc báo cáo tương ứng với giao dịch
<b>Charges</b> M,Q	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> . Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”). Lưu thông tin và thoát về màn hình lúc đầu và ở trường này sẽ xuất hiện chữ <b>Y</b> .
<b>Status Type</b> A,Q	Tình trạng bộ chứng từ (chọn trong LOV) D – Discharge F – Refusal P – Pending R – Resolved W – Waived

Lưu ý: Hệ thống không cho phép thực hiện các quy trình tiếp theo khi giao dịch của bộ chứng từ được gắn với một số Status Type như: F – Refusal, P - Pending. Để thực hiện tiếp quy trình, người sử dụng phải thay đổi Status Type từ F, P sang R hoặc W, chỉ khi ở R hoặc W, hệ thống sẽ cho phép thực hiện thanh toán chứng từ.

**Như vậy, nếu BCT có sai biệt thì nhập chi tiết sai biệt ngay trong màn hình Bill negotiation để tạo điện và thông báo. Khi có trả lời của khách hàng, vào màn hình Discrepancy riêng biệt và đổi “Status type” tương ứng.**

Ngay khi nhập các thông tin về các sai biệt và Status types được chọn là: D, F, P, W, hệ thống sẽ hiển thị một màn hình cho phép người sử dụng có thể nhập các thông tin có liên quan cần thiết để lập và gửi MT750, hoặc MT734, hoặc MT796

<b>Further ID</b> A,Q	Khi chọn Status type là R, hệ thống sẽ tự động hiển thị trường này cho phép nhập thông tin (chọn trong LOV). Các thông tin trong trường này chỉ có giá trị khi người sử dụng có nhu cầu lập điện MT752. <b>Điện Swift: MT752 – F23</b>
<b>Resolve Date</b> A,Q	Khi chọn Status type là R, hệ thống sẽ tự động hiển thị trường này cho phép nhập ngày có liên quan.
<b>Action Taken</b> A,Q	Ghi chú. Các hành động được thực hiện để giải quyết các sai biệt của BCT

## 5.2 Chấp nhận bộ chứng từ:

Khi nhận được chỉ thị chấp nhận thanh toán đối với bộ chứng từ trả chậm từ phía KH, người sử dụng vào đường dẫn: Transaction\Imports\Maintenance Capture\Bill Event\Bill Acceptance

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Bill Acceptance

Trang 1:

NH PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM

SYMBOLS\*TRADE FINANCE Hoi so 05/06/2007 TF243  
TF\_PHUONG\_EOC5 Bill Acceptance

Reference 051 2IDA0012 Product 132 / DC2 NHO THU NHAP TRA CHAM

Page 1 Other Fields

NE ACTIVE Branch 002 Profit Centre 102  
Agent 00002597 BANK OF CHINA (WENZHOU B)  
Accept No 1 PROCESSED Customer 00016132 HOA BINH PROTECTING PLANT  
Tenor 003 AFTER B/L DATE  
Enter Date 17/02/2005 Issue 05/07/2005 Mature 26/08/2005  
Accept Date 21/12/2005 Currency USD Amount \$4,800.00  
Tenor 003 / 50D Start 27/06/2005 AFTER B/L DATE  
Mature Date 26/08/2005  
Accept Amt 84,800.00 USD Their Ref BP325030506248

Information Edit Discrepancies Edit  
Message Grp Charges? Edit

<b>Reference</b> M, Q	Nhập số tham chiếu của BCT có liên quan đến giao dịch (chọn trong LOV)
<b>Product/ Sub-product</b>	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với BCT (trả ngay/trả chậm). Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi gọi số Bill tương ứng.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi gọi số Bill tương ứng.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi gọi số Bill tương ứng.
<b>Agent</b>	Thông tin, mã số, địa chỉ liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi gọi số Bill tương ứng.
<b>Acceptance. No.</b>	Số lần nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.

**Lưu ý:** chỉ có thể thấy được số lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.

<b>Customer</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn của bộ chứng từ trả chậm. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập BCT về. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Accept Date (Acceptance Date)</b> C(10),M, A,Q	Ngày hiệu lực của giao dịch chấp nhận chứng từ. Hệ thống sẽ mặc định là ngày chạy hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng. <b>Điện Swift: MT 754 – F32A</b>
<b>Amount</b>	Trị giá của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng <b>Điện Swift: MT 754 – F32A</b>
<b>Tenor</b> A,Q	Xác nhận lại thời hạn của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng, tuy nhiên có thể thay đổi



<b>Start (Date)</b> C(10),M,A,Q	Ngày bắt đầu để tính ngày đáo hạn của BCT trên cơ sở thời hạn của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng tuy nhiên có thể thay đổi.
<b>Mature (Maturity Date)</b> C(10),A,Q	Ngày đáo hạn của BCT được hệ thống tự động tính trên cơ sở ngày Start date và Tenor. Để chấp nhận BCT, trường này được sử dụng nhằm xác nhận lại ngày đáo hạn.
<b>Accept Amount</b> C(26),A,Q	Số tiền được chấp nhận thanh toán. Số tiền này có thể là toàn bộ hoặc một phần giá trị của BCT. Loại tiền được hệ thống tự động hiển thị phù hợp với loại tiền của BCT <b>Điện Swift: MT 754 – F34A</b>
<b>Their Ref.</b> C(16),A,Q	Số tham chiếu của NH nước ngoài liên quan đến giao dịch. <b>Điện Swift: MT 754 - F21</b>
<b>Information</b> C(210),A,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , có thể nhập bất kỳ thông tin nào có liên quan đến giao dịch.
<b>Discrepancies</b> A,Q	Nhấn nút <b>Edit</b> , có thể nhập các sai biệt của BCT (dưới dạng mã và diễn giải)

**Lưu ý:** Việc nhập các sai biệt của BCT trong giao dịch này cũng giống như giao dịch Discrepancy – Capture.

<b>Message Group</b> M,A,Q	chọn trong LOV các điện Swift hoặc báo cáo tương ứng với giao dịch <b>Điện Swift: MT 754, MT412</b>
<b>Charges</b> M,Q	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> . Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”). Người sử dụng lưu thông tin và thoát về màn hình lúc đầu và ở trường này sẽ xuất hiện chữ <b>Y</b> .

Trang 2:

Trong màn hình này có thể nhập các thông tin cần thiết liên quan đến điện MT754 bao gồm một số trường: F33B, F71B, F73, F77, chọn trong LOV thông tin tương ứng; hoặc nhấn vào nút **Edit** để nhập thêm các thông tin cần thiết.

### 5.3 Sửa đổi chứng từ:

Khi nhận được thông tin sửa đổi chứng từ, người sử dụng vào đường dẫn:

Transaction\Imports\Maintenance Capture\Bill Event\Amendment

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Amendment

<b>Reference</b>	Nhập vào số tham chiếu của BCT có liên quan đến giao dịch, chọn trong LOV
<b>Product/ Sub-product</b>	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với BCT (trả ngay/trả chậm). Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Agent</b>	Thông tin, mã số, địa chỉ liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amend. No.</b>	Số lần nhập sửa đổi hối phiếu. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.

**Lưu ý: chỉ có thể thấy được số lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.**

<b>Customer</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn thanh toán chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập BCT về. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Amend Date C(10),M, A,Q</b>	Ngày hiệu lực của giao dịch sửa đổi chứng từ. Hệ thống sẽ mặc định là ngày chạy hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amount</b>	Trị giá của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Amend Tenor A,Q</b>	Nếu đây là giao dịch sửa đổi thời hạn hối phiếu, sẽ nhập thời hạn thanh toán mới của chứng từ tại ô này
<b>Start (Date) C(10),M,A,Q</b>	Ngày bắt đầu để tính ngày đáo hạn của BCT trên cơ sở thời hạn thanh toán mới của bộ chứng từ.
<b>New mature date C(10),A,Q</b>	Ngày đáo hạn mới của bộ chứng từ

<b>Increase/Decrease A,Q</b>	Nếu đây là giao dịch sửa đổi trị giá chứng từ, người sử dụng sẽ chọn tăng hay giảm ở ô này
<b>Amount by C(26),A,Q</b>	Số tiền phải tăng hoặc giảm của bộ chứng từ
<b>To (Amount increased/decreased to)</b>	Tùy theo số tiền tăng/ giảm đã nhập ở trên, hệ thống sẽ hiển thị tổng trị giá mới của bộ chứng từ
<b>Base rate</b>	Hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền hối phiếu và đồng tiền cơ sở
<b>Information C(210),A,Q</b>	Những thông tin khác liên quan đến giao dịch sửa đổi <b>Điện Swift: MT430 – F72</b>
<b>Amendments C(210),A,Q</b>	Những nội dung sửa đổi khác <b>Điện Swift: MT430 – F74</b>
<b>Message group M,A,Q</b>	Những điện, thông báo cần tạo từ giao dịch
<b>Charges M,Q</b>	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu người sử dụng muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> ở bên cạnh trường này. Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”).

#### 5.4 Đáo hạn/ hết hạn chứng từ:

Khi hối phiếu đáo hạn/hết hạn, người sử dụng theo đường dẫn sau:

Transaction\Imports\Maintenance Capture\Bill Event\Maturity

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Maturity

<b>Reference</b>	Nhập số tham chiếu của BCT có liên quan đến giao dịch chọn trong LOV
<b>Product/ Sub-product</b>	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với bộ chứng từ (trả ngay/trả chậm). Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.

<b>Agent/Agent addr</b>	Thông tin liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Event Seq.</b>	Số lần nhập giao dịch đáo hạn chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.

**Lưu ý: chỉ có thể thấy được số lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.**

<b>Customer/ Cust addr</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn thanh toán chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập bộ chứng từ về. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Event Date C(10),M, A,Q</b>	Ngày hiệu lực của giao dịch đáo hạn/ hết hạn. Hệ thống sẽ mặc định là ngày chạy hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amount</b>	Trị giá của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Paid</b>	Số tiền đã trả NH nước ngoài (giao dịch NK) hoặc KH (giao dịch XK). Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Received</b>	Số tiền đã nhận từ NH nước ngoài (giao dịch XK) hoặc KH (giao dịch NK). Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Related LC</b>	Hệ thống sẽ tự động hiển thị số L/C liên quan (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng
<b>Related SG</b>	Hệ thống sẽ tự động hiển thị số Bảo lãnh nhận hàng (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng
<b>Information C(210),A,Q</b>	Những thông tin khác liên quan đến giao dịch đáo hạn
<b>Message group M,A,Q</b>	Những điện, thông báo cần tạo từ giao dịch
<b>Charges M,Q</b>	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> . Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”).

### 5.5 Phục hồi Bộ chứng từ

Khi cần phục hồi chứng từ đã đáo hạn/hết hạn, người sử dụng vào đường dẫn:

Transaction\Imports\Maintenance Capture\Bill Event\Reactivation

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Reactivation

<b>Reference</b>	Nhập vào số tham chiếu của BCT có liên quan đến giao dịch, chọn trong LOV
<b>Product/ Sub-product</b>	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với bộ chứng từ (trả ngay/trả chậm). Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Agent/Agent addr</b>	Thông tin liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Event Seq.</b>	Số lần nhập giao dịch đáo hạn chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.

**Lưu ý:** chỉ có thể thấy được số lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.

<b>Customer/ Cust addr</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn thanh toán chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập bộ chứng từ về. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Event Date C(10),M, A,Q</b>	Ngày hiệu lực của giao dịch đáo hạn/ hết hạn. Hệ thống sẽ mặc định là ngày chạy hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amount</b>	Trị giá của BCT. Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Paid</b>	Số tiền đã trả NH nước ngoài (giao dịch NK) hoặc KH (giao dịch XK). Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.

**Lưu ý:** chỉ có thể phục hồi chứng từ khi số tiền đã chi trả nhỏ hơn trị giá chứng từ

<b>Received</b>	Số tiền đã nhận từ KH (giao dịch NK) hoặc NH nước ngoài (giao dịch XK). Hệ thống sẽ tự động hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Related LC</b>	Hệ thống sẽ tự động hiển thị số L/C liên quan (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng.



<b>Related SG</b>	Hệ thống sẽ tự động hiển thị số Bảo lãnh nhận hàng (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng
<b>New Maturity</b> C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn thanh toán mới của bộ chứng từ
<b>Information</b> C(210),A,Q	Những thông tin khác liên quan đến giao dịch phục hồi
<b>Message group</b> M,A,Q	Những điện, thông báo cần tạo từ giao dịch
<b>Charges</b> M,Q	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> . Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”).

### 5.6 Hủy bỏ chứng từ

Khi cần hủy bỏ chứng từ, người sử dụng vào đường dẫn sau:

Transaction\Imports\Maintenance Capture\Bill Event\Cancellation

Transaction\Exports\Maintenance Capture\Bill Event\Cancellation

<b>Reference</b>	Nhập số tham chiếu của BCT có liên quan đến giao dịch (chọn trong LOV)
<b>Product/ Sub-product</b>	Mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với bộ chứng từ (trả ngay/trả chậm). Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh nhập giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Agent/Agent addr</b>	Thông tin liên lạc của Negotiating/Remitting Bank. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Event Seq.</b>	Số lần nhập giao dịch hủy bỏ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.

**Lưu ý: chỉ có thể thấy được số lần nhập giao dịch sau khi giao dịch đã được lưu trữ và duyệt.**

<b>Customer/ Cust addr</b>	Thông tin về KH của HDBank có liên quan đến giao dịch. Các thông tin này sẽ được hiển thị tự động khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Tenor</b>	Thời hạn thanh toán chứng từ. Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch chấp nhận bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động hiển thị.
<b>Issue (Issue Date)</b>	Ngày nhập bộ chứng từ về. Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.

<b>Mature (Maturity Date)</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ tự động khi chọn số Bill tương ứng
<b>Event Date</b> C(10),M, A,Q	Ngày hiệu lực của giao dịch đáo hạn/ hết hạn. Hệ thống sẽ mặc định là ngày chạy hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi bằng một ngày khác trong tương lai.
<b>Currency</b>	Loại tiền liên quan đến giao dịch. Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng.
<b>Amount</b>	Trị giá của bộ chứng từ. Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Paid</b>	Số tiền đã trả NH nước ngoài (giao dịch NK) hoặc KH (giao dịch XK).. Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng

**Lưu ý: chỉ có thể hủy bỏ chứng từ khi số tiền đã chi trả là 0. Đối với những chứng từ đã trả một phần, người sử dụng phải dùng màn hình Maturity để hủy số tiền còn lại của chứng từ.**

<b>Received</b>	Số tiền đã nhận từ KH (giao dịch NK) hoặc NH nước ngoài (giao dịch XK). Hệ thống sẽ hiển thị khi chọn số Bill tương ứng
<b>Related LC</b>	Hệ thống sẽ hiển thị số L/C liên quan (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng
<b>Related SG</b>	Hệ thống sẽ hiển thị số Bảo lãnh nhận hàng (nếu có) khi chọn số Bill tương ứng
<b>New Maturity</b> C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn thanh toán mới của bộ chứng từ
<b>Information</b> C(210),A,Q	Những thông tin khác liên quan đến giao dịch phục hồi
<b>Message group</b> M,A,Q	Những điện, thông báo cần tạo từ giao dịch
<b>Charges</b> M,Q	Các chi phí có liên quan đến giao dịch, nếu muốn thu các khoản phí này có thể nhấn vào nút <b>Edit</b> . Hệ thống sẽ hiển thị ra màn hình <b>Charges Capture</b> → nhập các thông tin cần thiết (cách nhập: Xem “Quy trình thu phí”).

### 5.7 Duyệt giao dịch chứng từ có sai biệt, chấp nhận bộ chứng từ, sửa đổi bộ chứng từ, đáo hạn/hết hạn bộ chứng từ, phục hồi chứng từ, hủy bỏ chứng từ:

đường dẫn: Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Discrepancy  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Discrepancy  
 Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Bill Acceptance  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Bill Acceptance  
 Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Amendment  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Amendment  
 Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Maturity  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Maturity  
 Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Reactivation  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Reactivation  
 Transaction/ Imports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Cancellation  
 Transaction/ Exports/ Maintenance Verification/ Bill Event/ Cancellation

Cách duyệt tương tự duyệt tu chỉnh L/C.

## VII. THANH TOÁN BỘ CHỨNG TỪ

### 1. Quy trình thu tiền của KH/nhận tiền từ NH nước ngoài

Quá trình thanh toán bộ chứng từ trong Symbols được chia làm hai quy trình riêng biệt: Payment và Receipt

#### ➤ Đối với bộ chứng từ nhập khẩu

- Receipt: là quy trình xử lý việc thu tiền của khách hàng/ người yêu cầu (applicant) để thanh toán. Nguồn tiền thu có thể là tiền gửi (do khách hàng nộp tiền), hoặc tiền vay (do tín dụng giải ngân), hoặc tiền ký quỹ (do khách hàng nộp từ lúc mở LC), hoặc các nguồn khác (nếu có).
- Payment: là quy trình xử lý việc trả tiền cho người hưởng/ngân hàng nước ngoài (beneficiary) thông qua các TK nostro.

#### ➤ Đối với bộ chứng từ xuất:

- Receipt: là quy trình xử lý việc nhận tiền thanh toán của ngân hàng nước ngoài từ các TK nostro.
- Payment: là quy trình xử lý việc trả tiền cho khách hàng (beneficiary). Tiền có thể được trả vào TK tiền gửi, hoặc tiền vay (nếu bộ chứng từ được chiết khấu) hoặc các loại TK khác tùy theo yêu cầu giao dịch.

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Nhập giao dịch] -- N --&gt; A     A -- Y --&gt; B[Duyệt giao dịch]     B -- Y --&gt; C[In chứng từ] </pre>	1. Kiểm tra nguồn tiền thanh toán 2. Nhập thông tin thanh toán Transaction\Imports\Settlement\Receipt Transaction\Exports\Settlement\Receipt 3. Thu phí (nếu có)
Kiểm soát viên		Kiểm soát giao dịch
Thanh toán viên		In chứng từ

#### 1.1 Kiểm tra nguồn tiền thanh toán

➤ Đối với bộ chứng từ nhập: Đến thời hạn thanh toán bộ chứng từ, người sử dụng kiểm tra nguồn tiền thanh toán và hoàn tất các thủ tục để thu tiền từ các nguồn tương ứng.

- Nguồn tiền thanh toán đầu tiên là khoản ký quỹ đã được khai báo trong khi khởi tạo bộ chứng từ.
- Nguồn tiền thứ hai là tài khoản tiền gửi do KH nộp/chuyển thêm vào.
- Nguồn tiền thứ ba là nguồn tiền vay do tín dụng giải ngân (nếu KH vay để thanh toán).

Người sử dụng hoàn tất các thủ tục để trích tiền từ TK của KH hoặc nhận giấy báo có khoản tiền vay do tín dụng giải ngân.

➤ Đối với bộ chứng từ xuất: Người sử dụng kiểm tra thông tin về số tiền nhận từ ngân hàng nước ngoài, nhận giấy báo có tiền về từ trung tâm thanh toán (nếu có).

#### 1.2 Khai báo thông tin

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Settlement/ Receipt  
Trade Finance/Transaction/Exports/Settlement/Receipt

**NH PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM**

**SYMBOLS\*TRADE FINANCE** **Hoi so** 03/09/2007  
**TF\_PHUONG\_EOC5** **Import Receipt - Capture** **TF262**

Reference: 051012IDA0012 Product: 132 / DC2 NHO THU NHAP TRA CHAM  
 DC: Active Branch: 002 PCentre: 102  
 L/C Ref. No.: Issue: 05/07/2005 Ccy: USD  
 Receipt No: 2 Processed Mature: 26/08/2005 Amt: 84,800.00  
 Enter Date: 07/12/2006 Attach: N  
 Settle Date: 07/12/2006 Rec Frm: 00016132 HOA BINH PROTECTING PLANT EQUIPME

Interest: 0.00 USD Amount: 76,800.00  
 Include? N Net Amt: 76,800.00 Rates  
 Base Rate: 15935.55000000 D  
 Msg Grp: Remarks: THU TIEN THANH TOAN Edit

Margin: Received Amount: 76,800.00 Settle Ccy: VND I/D: D Settle Rate: 1.00000000 Converted Amount / Net Amount: 76,800  
 Acct Type: R Settle Method: 801 Charges? Y Edit: 3 R 406,498 483,298

---

**NH PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM**

**SYMBOLS\*TRADE FINANCE** **Hoi so** 03/09/2007  
**TF\_PHUONG\_EOC5** **Export Receipt - Capture** **TF362**

Reference: 0600122100002 Product: 221 / NNN BO CHUNG TU XK TRA NGAY  
 NE: Active Branch: 001 PCentre: 102  
 L/C Ref. No.: 0700421100054 Issue: 06/03/2006 Ccy: USD  
 Receipt No: 1 Processed Mature: 06/03/2006 Amt: 100,000.00  
 Enter Date: 29/03/2007 Attach: N  
 Settle Date: 29/03/2007 Rec Frm: 00001368 CITIBANK NY THIEU

Interest: 0.00 USD Amount: 100,000.00  
 Include? N Net Amt: 100,000.00 Rates  
 Base Rate: 15915.00000000 D  
 Msg Grp: Remarks: Edit

Received Amount: 100,000.00 Settle Ccy: USD I/D: D Settle Rate: 1.00000000 Converted Amount: 100,000.00 Acct Settle Type Method: N 809  
 Charges? Y Edit: 1 R 100.00 Net 100,100.00

<b>Reference</b>	Số tham chiếu của bộ chứng từ cần thu tiền hoặc nhận tiền (chọn trong LOV). Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các Bill đang sẵn sàng chờ thu tiền/nhận tiền.
------------------	--

Sau khi chọn số tham chiếu của bộ chứng từ, nhấn Enter, hệ thống sẽ hiển thị thông tin về bộ chứng từ bao gồm:

<b>Product</b>	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp được nhập từ khi khởi tạo bộ chứng từ
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh khởi tạo bộ chứng từ
<b>Pcenter</b>	Mã trung tâm hưởng lợi
<b>LC ref No.</b>	Số LC (nếu có) tương ứng với bộ chứng từ
<b>Issue</b>	Ngày khởi tạo bộ chứng từ
<b>Ccy</b>	Loại tiền của bộ chứng từ
<b>Receipt No</b>	Lần thu tiền/nhận tiền thứ mấy. Hệ thống tự động phát sinh sau khi ghi nhận nhập giao dịch Receipt. Khi nhập thông tin, trường này để trống. Người sử dụng có thể thu tiền /nhận tiền nhiều lần cho một bộ chứng từ. Tuy nhiên tổng trị giá thu/nhận phải bằng trị giá bộ chứng từ
<b>Mature</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ. Hệ thống tự động hiển thị ngày đáo hạn được nhập khi khởi tạo bộ chứng từ
<b>Amt</b>	Trị giá bộ chứng từ
<b>Enter date</b>	Ngày nhập giao dịch Receipt. Ngày này sẽ được tự động hiển thị là ngày hiện thời của hệ thống (system run date).

<b>Attach</b>	Chỉ thị cho biết giao dịch Receipt này có được nhập đồng thời khi khởi tạo bộ chứng từ. Trong màn hình khởi tạo bộ chứng từ cũng có nút Receipt, vì vậy TTV có thể khai báo giao dịch Receipt cùng lúc với khai báo bộ chứng từ hoặc khai báo sau, bên ngoài bộ chứng từ. Nếu khai báo cùng với bộ chứng từ, hệ thống hiển thị giá trị Y (yes-có), nếu khai báo độc lập, hệ thống hiển thị giá trị N (no-không).
<b>Rec Frm</b>	Mã KH và tên/địa chỉ của khách hàng (đối với bộ chứng từ nhập) hoặc mã KH, tên/địa chỉ của Ngân hàng phát hành (đối với bộ chứng từ xuất).
<b>Interest</b>	Lãi suất của bộ chứng từ (nếu có). Thông tin này được hệ thống hiển thị từ các thông tin khởi tạo bộ chứng từ. Tuy nhiên, hiện tại bỏ qua trường này

Sau khi hệ thống hiển thị các thông tin trên, người sử dụng tiếp tục nhập thông tin vào các trường tiếp theo như sau:

<b>Settle date</b> C(10),M,A,Q	Ngày thực hiện giao dịch Receipt. Thông thường ngày settle sẽ trùng với ngày của hệ thống (system run date), tuy nhiên có thể là ngày tương lai (future-date).
<b>Amount</b> C(26),A,Q	Trị giá giao dịch Receipt (Receipt amount). Trị giá này có thể nhỏ hơn hoặc bằng trị giá bộ chứng từ.
<b>Include</b> A,Q	Chỉ thị cho biết lãi suất có được bao gồm trong trị giá receipt hay không. Chọn N (no-không) nếu không có lãi suất hoặc lãi suất không được tính trong trị giá receipt. Chọn Y (included-có) nếu muốn cộng lãi suất vào trị giá receipt. Tuy nhiên, hiện tại bỏ qua ô này
<b>Net amount</b>	Giá trị cuối cùng để hệ thống trừ vào giá trị bộ chứng từ để theo dõi phần còn lại chưa receipt. Giá trị này được hệ thống tự động tính toán và hiển thị. Nếu không tính đến thông tin lãi suất thì Net Amount = Receipt amount
<b>Rate, Base rate</b>	Tỷ giá quy đổi Net amount ra đồng tiền cơ sở (base currency). Nhấn Rate nếu muốn thay đổi tỷ giá quy đổi.
<b>Msg Grp</b> M,A,Q	Nhóm các thông báo/điện cần tạo ra từ giao dịch Receipt, chọn các nhóm thông báo/điện được cài đặt sẵn.
<b>Remark</b> C(143),A,Q	Nhập các thông tin ghi chú cho giao dịch Receipt (nếu có), vd: thông tin về các khoản vay liên quan, thông tin về KH,...
<b>Margin</b>	Trường này không sử dụng
<b>Received amount</b> C(26),M,A,Q	Số tiền thu được của khách hàng. Số tiền này có thể nhỏ hơn hoặc bằng trị giá của giao dịch Receipt (Amount). Điều này đồng nghĩa với việc người sử dụng có thể thu tiền/nhận tiền từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều TK khác nhau. Vd: đối với bộ chứng từ nhập, có thể thu tiền từ TK tiền gửi, thu từ TK giải ngân,...
<b>Settled CCY</b> M,A,Q	Loại tiền thu của khách hàng, vd: khách hàng nộp tiền VND để mua ngoại tệ thanh toán, ở trường này sẽ điền VND.
<b>I/D</b>	Cách yết tỷ giá (Direct/Indirect) giữa Settled CCY và Bill CCY. Cách yết tỷ giá này được hệ thống tự động hiển thị.
<b>Account type</b> M	Loại TK sẽ ghi nợ (chọn trong LOV).
<b>Settlement Method</b> C(3),M	Kênh thanh toán tương ứng với loại TK chọn ở trên (chọn trong LOV).



**a. Nếu Account type là loại R (đối với giao dịch NK)**

**Retail Receive Instructions**

Settle Branch	002	Ha Noi
Paying Client	00016132	<input type="text"/> <input type="button" value="Edit"/>
Account Number	002704060003644	
Account Description	CTY CO PHAN VAT TU BVTV HOA BINH	
Special Instructions	THU TIEN	<input type="button" value="Edit"/>

*Settle Branch:* mã chi nhánh mà KH có TK (chọn trong LOV).

*Paying Client:* mã KH/mã đơn vị sẽ bị ghi nợ (chọn trong LOV).

*Account Number:* số TK sẽ bị ghi nợ (chọn trong LOV).

*Account Description:* hệ thống tự động hiển thị các mô tả về số TK được chọn

*Special Instruction:* bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến giao dịch.

**b. Nếu Account type là I (giao dịch NK)**

**Internal Receive Instructions**

Account Number	<input type="text"/>
Special Instructions	<input type="text"/> <input type="button" value="Edit"/>

*Account number:* số TK sẽ bị ghi nợ (chọn trong LOV).

*Special Instruction:* bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến giao dịch

**c. Nếu Account type là N (giao dịch XK):**

**Nostro Receive Instructions**

Settle Branch	001	Hoi so
Our Correspondent	3	CITIBANK NY
Account Number	36146626	
Their Correspondent (56a)	<input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="button" value="Edit"/>
Special Instructions	<input type="text"/> <input type="button" value="Edit"/>	

*Settle Branch:* mã đơn vị nhận tiền. Nhấn F9 để chọn trong LOV.

*Our correspondent:* tên NH mà HDBank có tài khoản Nostro theo đồng tiền của giao dịch.

Nhấn F9 để chọn trong LOV

*Account number:* hệ thống sẽ tự động hiển thị sau khi người sử dụng chọn NH đại lý

*Their correspondent:* NH trung gian giữa NH của người trả tiền và “our correspondent”

*Special Instruction:* bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến giao dịch.

**d. Nếu Account type là V (giao dịch XK):**

**Vostro Receive Instructions**

Settle Branch	803	Quan 5
Account Number	<input type="text"/>	
Special Instructions	<input type="text"/> <input type="button" value="Edit"/>	

*Settle Branch:* mã đơn vị nhận tiền. Nhấn F9 để chọn trong LOV.

*Account number:* số TK Vostro của NH trả tiền tại HDBank

*Special Instruction:* bất kỳ chỉ thị nào liên quan đến giao dịch.

<b>Charge M,Q</b>	<p>Nhấn Edit để nhập thông tin về phí và thu phí. Tại màn hình Charge, người sử dụng sẽ tiến hành thu các loại phí như phí kiểm tra chứng từ, phí ký hậu vận đơn, phí thanh toán, điện phí, VAT,.. (xin tham chiếu chương thu phí để biết cách khai báo và thu phí).</p> <p>Sau khi khai báo các phí, không cần khai báo thông tin Charge Settle như thu phí thông thường vì hệ thống sẽ tự động trích các phí từ TK được chọn tại Settlement Method. Vì vậy, chú ý chỉ thu phí nếu TK được chọn là TK thích hợp để thu phí (vd: TK tiền gửi, hoặc TK nhận tiền từ TTTT), nếu TK được chọn là tiền giải ngân thì không nhập thông tin thu phí nữa mà phải thu phí ở màn hình Charge độc lập.</p>
-------------------	--

### 1.3 Duyệt giao dịch nhận tiền:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Import/ Settlement Verif/ Receipt

Trade Finance/Transaction/ Export/ Settlement Verify/ Receipt

Cách duyệt tương tự các phần trên.

## 2. Quy trình thanh toán tiền cho NH nước ngoài/trả tiền cho KH

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Thanh toán viên: Nhập giao dịch] -- N --&gt; B[Kiểm soát viên: Duyệt giao dịch]     B -- Y --&gt; C[Thanh toán viên: Chấp nhận giao dịch trên Swift]     C -- N --&gt; D[Kiểm soát viên: Kiểm soát giao dịch]     D -- Y --&gt; E[Cấp quản lý: Duyệt giao dịch]             </pre>	1. Nhập thông tin: Transaction/Imports/Settlement/Payment Transaction/Exports/Settlement/Payment
Kiểm soát viên		2. Thu phí (nếu có) Duyệt giao dịch
Thanh toán viên		1. In chứng từ 2. Chuyển điện và kiểm tra trên Swift
Kiểm soát viên		Kiểm tra và duyệt giao dịch trên Swift
Cấp quản lý		

### 2.1 Nhập thông tin:

Đường dẫn sau: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Settlement / Payment

Trade Finance/Transaction/ Exports/ Settlement/ Payment

**NH PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM**

**SYMBOLS\*TRADE FINANCE**  
TF\_PHUONG\_EOC5

**Hội số** 03/09/2007  
**Import Payment - Capture** TF261

Reference: 051012IDA0012 Product: 132 / DC2 NHO THU NHAP TRA CHAM  
 DC: Active Branch: 002 PCentre: 102  
 L/C Ref. No.: Issue: 05/07/2005 Ccy: USD  
 Payment No.: 1 Processed Mature: 25/08/2005 Amt: 84,800.00  
 Enter Date: 25/09/2006 Attach: N  
 Settle Date: 25/08/2006 Pay To: 00002597 BANK OF CHINA (WENZHOU BRANCH)

Amount: 40,000.00 USD Net Amt: 40,000.00 Rates  
 Msg Grp: 400 Base Rate: 15935.55000000 D  
 Remarks: Edit

Payment Amount	Settle Ccy	I/D	Settle Rate	Converted Amount	Acct Type	Settle Method
40,000.00	USD	D	1.00000000	40,000.00	N	803

Charges? Edit  
 Additional SWIFT Details Edit Related Reference (F21)

<b>Reference M,Q</b>	Số tham chiếu của bộ chứng từ cần thanh toán (chọn trong LOV). Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các Bill đang sẵn sàng chờ thanh toán.
----------------------	--

Sau khi chọn số tham chiếu của BCT, nhấn Enter, hệ thống sẽ hiển thị thông tin về BCT bao gồm:

<b>Product</b>	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp được nhập từ khi khởi tạo bộ chứng từ
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh khởi tạo bộ chứng từ
<b>Pcenter</b>	Mã trung tâm hưởng lợi
<b>LC ref No.</b>	Số LC (nếu có) tương ứng với bộ chứng từ
<b>Issue</b>	Ngày khởi tạo bộ chứng từ
<b>Ccy</b>	Loại tiền của bộ chứng từ
<b>Payment No</b>	Lần thanh toán thứ mấy. Hệ thống tự động phát sinh sau khi ghi nhận giao dịch Payment. Khi nhập thông tin, trường này để trống. Người sử dụng có thể thanh toán nhiều lần cho một bộ chứng từ. Tuy nhiên tổng trị giá thanh toán của các lần phải bằng trị giá bộ chứng từ
<b>Mature</b>	Ngày đáo hạn của bộ chứng từ.
<b>Amt</b>	Trị giá bộ chứng từ
<b>Enter date</b>	Ngày nhập giao dịch Payment. Ngày này sẽ được tự động hiển thị là ngày hiện thời của hệ thống (system run date).
<b>Attach</b>	Chỉ thị cho biết giao dịch Payment này có được nhập đồng thời khi khởi tạo bộ chứng từ. Trong màn hình khởi tạo BCT cũng có nút Payment, vì vậy TTV có thể khai báo giao dịch Payment cùng lúc với khai báo BCT hoặc khai báo sau, bên ngoài bộ chứng từ. Nếu khai báo cùng với BCT, hệ thống hiển thị giá trị Y (yes-có), nếu khai báo độc lập, hệ thống hiển thị giá trị N (no-không).
<b>Pay to</b>	Mã KH, tên/địa chỉ của Ngân hàng xuất trình (đối với bộ chứng từ nhập) hoặc mã KH và tên/địa chỉ của khách hàng nội (đối với bộ chứng từ xuất)
<b>Settle date C(10),M,Q</b>	Ngày thực hiện giao dịch Payment. Thông thường ngày settle sẽ trùng với ngày của hệ thống (system run date), tuy nhiên có thể là ngày tương lai (future-date).
<b>Amount C(26),M,A,Q</b>	Trị giá giao dịch Payment. Trị giá này có thể nhỏ hơn hoặc bằng trị giá bộ chứng từ
<b>Net amount</b>	Giá trị cuối cùng để hệ thống trừ vào giá trị bộ chứng từ để theo dõi phần còn lại chưa thanh toán. Giá trị này được hệ thống tự động tính toán và hiển thị.

<b>Rate, Base rate</b>	Tỷ giá quy đổi Net amount ra đồng tiền cơ sở (base currency). Nhấn Rate nếu muốn thay đổi tỷ giá quy đổi.
<b>Msg Grp</b> M,A,Q	Nhóm các thông báo/điện cần tạo ra từ giao dịch Payment, chọn các nhóm thông báo/điện được cài đặt sẵn.
<b>Remark</b> C(143),A,Q	Nhập các thông tin ghi chú cho giao dịch Payment (nếu có)
<b>Payment amount</b> C(26),M,A,Q	Số tiền thanh toán cho ngân hàng nước ngoài. Số tiền này có thể nhỏ hơn hoặc bằng trị giá của giao dịch Payment (Amount).
<b>Settled CCY</b> A,Q	Loại tiền thanh toán cho NH nước ngoài
<b>I/D</b>	Cách yết tỷ giá (Direct/Indirect) giữa Settled CCY và Bill CCY. Cách yết tỷ giá này được hệ thống tự động hiển thị. Hệ thống hiển thị tỷ giá niêm yết trong ngày giữa hai loại tiền để TTV kiểm tra.
<b>Converted amount</b>	Số tiền được hệ thống tự động quy đổi dựa trên tỷ giá
<b>Account type</b> M	Loại TK sẽ ghi có (chọn trong LOV).
<b>Settlement Method</b> M	Kênh thanh toán tương ứng với loại TK chọn ở trên (chọn trong LOV).

Tùy theo account type đã chọn ở trên, hệ thống sẽ hiển thị màn hình sau để nhập chi tiết tài khoản.

**a. Nếu Account type là N (giao dịch NK), chọn settlement method là TF4:**

*Settle Branch:* mã chi nhánh trả tiền.

*Our correspondent:* NH giữ TK Nostro của HDBank

*Ordering institution:* NH ra lệnh trả tiền

*Sender's correspondent:* chi nhánh hoặc NH mà HDBank sử dụng để trả tiền cho Receiver

*Receiver's correspondent:* chi nhánh hoặc NH mà Receiver dùng để nhận tiền

*Intermediary:* tổ chức mà Account with bank & Receiver phải sử dụng để chuyển/ nhận tiền (đây là hệ thống chuyển tiền bù trừ tại nước của Receiver)

*Account with bank:* NH sẽ trả tiền hoặc ghi Có cho NH thụ hưởng

*Các ô khác:* không sử dụng

**b. Nếu Account type là V (giao dịch NK):**

**Vostro Payment Instructions**

Settle Branch:  Ha Noi

Account Number:

Special Instructions:

*Settle Branch:* mã chi nhánh trả tiền.

*Account Number:* số TK Vostro của NH nước ngoài.

*Special Instruction:* những nội dung/ thông tin liên quan khác cần ghi nhận (có thể bỏ trống)

**c. Nếu Account type là R (giao dịch XK):**

**Retail Payment Instructions**

Settle Branch:  Hai Ba Trung

Beneficiary:

Account Number:

Account Description:

Special Instructions:

*Settle Branch:* mã chi nhánh mà KH có TK.

*Beneficiary:* mã, tên người thụ hưởng

*Account Number:* số TK sẽ ghi có. Nhấn F9 để chọn trong LOV.

*Account Description:* hệ thống tự động hiển thị các mô tả về số TK được chọn

*Special Instruction:* những nội dung/ thông tin khác cần ghi nhận (có thể bỏ trống)

**d. Nếu Account type là I (giao dịch XK):**

**Internal Payment Instructions**

Account Number:

Narrative:

*Account Number:* số TK sẽ ghi có. Nhấn F9 để chọn trong LOV.

*Narrative:* những nội dung/ thông tin khác cần ghi nhận (có thể bỏ trống)

<b>Charge</b> M,Q	nhấn Edit để nhập thông tin về phí và thu phí. Tại màn hình Charge, người sử dụng sẽ tiến hành thu các loại phí như phí thanh toán, phí sai biệt chứng từ. Đề nghị tham chiếu chương thu phí để biết cách khai báo và thu phí. Sau khi khai báo các phí, không cần khai báo thông tin Charge Settle như thu phí thông thường vì hệ thống sẽ tự động trích các phí từ TK được chọn tại Settlement Method. Vì vậy, chú ý chỉ thu phí nếu TK được chọn là TK thích hợp để thu phí
<b>Additional SWIFT details</b> M,Q	Những thông tin cần ghi thêm trong điện Swift (MT400, MT756)
<b>Related reference</b> C(16),M,Q	Số tham chiếu liên quan của giao dịch cần phải trả tiền do NH nước ngoài cung cấp

**2.2 Duyệt giao dịch trả tiền**

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Settlement Verification/ Payment

Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Settlement Verification/ Payment

Cách duyệt tương tự các phần trên.



## VIII. NGHIỆP VỤ NHỜ THU

## 1. Nhờ thu nhập khẩu

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Nhập giao dịch] -- N --&gt; B[Kiểm soát giao dịch]     B -- Y --&gt; C[Duyệt giao dịch]     C -- Y --&gt; D[In chứng từ và thông báo cho KH]     C -- N --&gt; B </pre>	1. Nhận BCT nhờ thu 2. Nhập giao dịch: Transaction/Imports/Transaction Capture/Collection In (Inward.) 3. Thu phí
Kiểm soát viên		Kiểm tra và kiểm soát giao dịch
Cấp quản lý		Kiểm tra và duyệt giao dịch
Thanh toán viên		In điện và thông báo cho KH

Ngân hàng của Người nhập khẩu sau khi nhận được BCT thì tiến hành nhập thông tin của BCT vào hệ thống để theo dõi và quản lý hồ sơ

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Imports/ Transaction Capture/ Collection In (Inward).

NH PHAT TRIEN NHA TP.HCM									
<b>SYMBOLS*TRADE FINANCE</b> <span style="float: right;">Hoi so</span> <b>TF_PHUONG_EOC5</b> <span style="float: right;">Collection in (Inward)</span>									
<b>Reference</b> 051012IDA0012 <b>Product</b> 132 / DC2 <b>NHO THU NHAP TRA CHA</b>									
<b>Page 1</b> <b>Page 2</b> <b>Page 3</b>									
<b>ACTIVE</b> <b>Branch</b> 002 <b>HA NOI</b> <b>PCentre</b> 102									
<b>SG Reference</b> <b>Issue Date</b> 05/07/2005 <b>Tenor</b> 003 / 60D <b>AFTER B/L DATE</b> <b>Start</b> 27/06/2005 <b>Mature</b> 26/08/2005									
<b>Drawer Bank</b> 00002597 <b>Name</b> BANK OF CHINA (WENZHOU BRANCH) <b>Edit</b> <b>CT</b> <b>SWF</b> <b>Edit</b> <b>Id</b> 00002597 <b>Date</b> 01/07/2005 <b>Coll Date</b>									
<b>Their Ref</b> OC92B01234/5 <b>Drawer</b> 00016132 <b>Id</b> 00016132 <b>HOA BINH PROTECTING PLANT</b> <b>EQUIP</b> <b>Edit</b> <b>2nd Coll Bank</b> <b>Id</b> <b>Edit</b> <b>CT</b> <b>Edit</b>									
<b>Drawer</b> ZHEJIANG HEBEN PESTICIDE AND CHEMICALS CO., LTD <b>Edit</b> <b>Currency</b> USD <b>Amount</b> 84,800.00 <b>Rates</b> <b>Base Rate</b> 15935.55000000 <b>D</b>									

<b>Reference number</b>	Số tham chiếu của bộ chứng từ. Số tham chiếu này sẽ được hệ thống tự động sinh sau khi giao dịch được ghi nhận
<b>Product/Sub-product M,Q</b>	mã sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp tương ứng với bộ chứng từ ( trả ngay/trả chậm) (chọn trong LOV)
<b>Branch M,Q</b>	mã chi nhánh nhập giao dịch (chọn trong LOV )
<b>Pcentre (Profit centre) A,Q</b>	mã trung tâm hưởng lợi
<b>Status</b>	Hệ thống sẽ hiển thị tình trạng của Collection Inward Transaction.
<b>SG Ref. C(13),A,Q</b>	Trong trường hợp đã phát hành Shipping Guarantee cho bộ chứng từ nhờ thu, có thể nhập/chọn số SG liên quan đến bộ chứng từ nhờ thu
<b>Issue date C(10),M,A,Q</b>	Ngày phát hành giao dịch nhờ thu. Ngày hiển thị trên trên hệ thống, tuy nhiên ngày này có thể thay đổi
<b>Tenor M,A,Q</b>	Thời hạn thanh toán của bộ chứng từ
<b>Start (date) C(10),M,A,Q</b>	Là ngày mà bộ chứng từ nhờ thu chính thức có hiệu lực. Nếu là nhờ thu trả chậm thì chương trình sẽ tự động tính ngày đáo hạn dựa trên Start date.

<b>Mature</b> C(10),A,Q	Ngày đáo hạn sẽ được tự động tính dựa trên Start date và thời hạn trả chậm của bộ chứng từ Tuy nhiên, có thể thay đổi được Mature date nếu cần
<b>Drawer bank</b> M,Q	Là Ngân hàng gửi bộ chứng từ nhờ thu, có thể nhập /chọn ngân hàng
<b>ID (Identification code)/ Name</b> A,Q	Khi nhập/ chọn Ngân hàng gửi bộ chứng từ nhờ thu hệ thống sẽ hiện thị code, tên và Địa chỉ của ngân hàng đã chọn
<b>Contact</b> O	hình thức liên lạc
<b>Their Ref (Drawer Bank's ref number)</b> C(16),M,A,Q	số Ref của Ngân hàng gửi bộ chứng từ nhờ thu
<b>Date</b> C(10),M,A,Q	Ngày trên yêu cầu nhờ thu của bộ chứng từ
<b>Collection date</b> C(10),M,A,Q	Là ngày Ngân hàng gửi bộ chứng từ nhờ thu
<b>Drawee</b> M,A,Q	Nhập / Chọn code của Người nhập khẩu. Hệ thống cũng sẽ tự hiển thị tên và địa chỉ của Người nhập khẩu
<b>2<sup>nd</sup> Coll Bank</b>	Là một ngân hàng khác Ngân hàng gửi bộ chứng từ có liên quan đến giao dịch nhờ thu. Nếu có thì sẽ nhập tên của Ngân hàng đó vào.
<b>Drawer</b> C(140),M,A,Q	Hệ thống sẽ hiển thị tên Người/ Tổ chức nhờ thu
<b>Currency</b> M,Q	Nhập loại tiền sử dụng trong bộ chứng từ nhờ thu
<b>Amount</b> C(26),M,Q	Trị giá nhờ thu
<b>Base rate</b>	Nếu bộ chứng từ nhờ thu sử dụng loại tiền khác VND thì hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá giữa hai loại đồng tiền. Hệ thống sẽ tự quy đổi ra VND theo tỷ giá. Tuy nhiên, nếu nhấn vào nút “Rates” tiếp theo trường Amount thì có thể thay đổi tỷ giá (nếu cần)

Màn hình trang 2:

<b>Doc Received Type</b> M,A,Q	Phương thức nhận chứng từ (bằng Swift hay thư, ...) chọn trong LOV
<b>Date</b> C(10),M,A,Q	Điền ngày nhận được bộ chứng từ.

<b>Forwarded</b> C(10),A,Q	Điền ngày mà Ngân hàng thông báo cho Khách hàng về bộ chứng từ nhờ thu
<b>Draft Ref/Date</b> A,Q	Điền thông tin về số Ref và ngày của Hối phiếu
<b>BOL ref/ Date</b> A,Q	Điền thông tin về số ref và ngày của B/L hoặc AWB
<b>Actual Ship Date</b> C(10),M,A,Q	Ngày giao hàng thực tế
<b>Trade term</b> M,A,Q	Điều khoản giao hàng
<b>Shipment from</b> C(65),A,Q	Tên cảng xếp hàng
<b>Shipment to</b> C(65),A,Q	Tên cảng dỡ hàng
<b>Vessel</b> C(35),A,Q	Tên con tàu chở hàng
<b>Shipping Agent</b> C(140),A,Q	Tên đại lý vận chuyển
<b>Good Description</b> M,Q	Mô tả hàng hóa. Nhấn "Edit" để điền thông tin theo thực tế.

**Các thông tin được điền vào màn hình trong phần mô tả hàng hóa gồm những thông tin sau:**

Code	chọn trong LOV
Contents	Hệ thống sẽ hiển thị những nội dung liên quan đến hàng hóa. Tuy nhiên, để cho đúng với thực tế, nhấn "edit" để đánh lại mô tả hàng hóa
Goods: Short Description	Hệ thống sẽ hiển thị mô tả hàng hóa ngắn gọn theo "goods code". Tuy nhiên, có thể thay đổi để đúng với mô tả của chứng từ nhận được
Percentage	Nếu hàng hóa nhập về gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau, thì có thể điền % hàng hóa đó trên tổng hàng hóa nhập
Category	Hệ thống sẽ hiển thị code hàng hóa theo giấy phép hoặc không.

**Tiếp trang 2:**

Documents Information A,Q	Nhấn "Edit", có thể điền các thông tin liên quan đến chứng từ. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình để điền các thông tin liên quan đến thông tin chứng từ
------------------------------	---

Code	Chọn code trong LOV
Content	Hệ thống sẽ hiển thị nội dung của chứng từ. Tuy nhiên, để đúng với thực tế, thì có thể Edit để điền các thông tin theo thực tế
1 <sup>st</sup> copies/ 2 <sup>nd</sup> Dupl	Số bản chứng từ
Information	Thông tin khác liên quan đến chứng code chứng từ đã chọn

Tiếp theo trang 2

Instruction C(650),M,A,Q	Click vào nút “Edit” để nhập các chỉ dẫn từ NH chuyển chứng từ nhờ thu .
-----------------------------	--

Thông tin về màn hình Instruction

Code	Chọn code trong LOV
Content	Nội dung và chi tiết của chỉ dẫn tương ứng với code đã chọn.

Tiếp trang 2

Discrepancies A,Q	Nhấn “Edit”, sẽ có thể điền các thông tin về sai biệt chứng từ
Message A,Q	Những điện/ thông báo cần tạo liên quan đến giao dịch nhờ thu.
Payment	Nhấn “Edit” để điền các thông tin liên quan đến việc trả tiền cho NH nước ngoài.
Receipt	Nhấn “Edit” để điền các thông tin liên quan đến việc nhận tiền
Charges A,Q	Nhấn “Edit” để thu phí

Trang 3

Sender to Receiver information C(210), A,Q	Nhập các thông tin cần gửi tới Ngân hàng gửi chứng từ (Nếu có)
Queries C(210), A,Q	Nếu muốn hỏi thông tin, tra soát thông tin tới Ngân hàng gửi chứng từ
Answer C(210), A,Q	Câu trả lời cho các câu hỏi có thể điền thông tin ở trường này.

## 2. Nhờ thu xuất khẩu:

Đường dẫn: Trade Finance/ Transaction/ Exports/ Transaction Capture/ Collection Out (Outward).  
Ngoài những trường tương tự như trong màn hình nhờ thu NK, còn có một số điểm lưu ý như sau:

Trang 1:

Refinance ref C(13),Q	Nếu HDBank nhận chiết khấu bộ chứng từ nhờ thu này thì điền số Loan no. vào đây.
Collect bank C(210), A,Q	NH nhận chứng từ do HDBank gửi đến
Their ref C(16),M,A,Q	Số ref của giao dịch do NH gửi chứng từ cung cấp (trong trường hợp người XK không phải là KH trực tiếp của HDBank)
Drawer bank C(12),Q	NH trực tiếp nhận chứng từ nhờ thu từ người XK

Trang 3: từ trang này trở đi là dùng cho điện MT405

Collection type Q	Loại giao dịch nhờ thu
Collection Inst A,Q	Chỉ dẫn nhờ thu



Protest inst A,Q	Chỉ dẫn kháng nghị
Inst party C(35),A,Q	Người chỉ dẫn nhờ thu, cụ thể ở đây là người XK
Tran type code Q	Tính chất, mục đích và lý do của giao dịch nhờ thu
Reg. reporting C(105),A,Q	Những thông tin dùng cho việc quản lý của nhà nước người nhận hay người gửi đối với giao dịch
Details of charge A,Q	Người chịu trách nhiệm trả các phí của giao dịch
Charges indicator A,Q	Trường này xác định liệu NH nhận chứng từ có thể khước từ trả phí giao dịch nhờ thu nếu người NK từ chối trả tiền hay ko

Aval party ID C(35),M,Q	Tên người/ tổ chức chịu trách nhiệm bảo lãnh kỳ phiếu của giao dịch. Trong trường này người sử dụng cũng có thể nhập số tài khoản của NH giữ TK của người nhận bảo lãnh
Aval party Addr C(140),M,A,Q	Địa chỉ người/ tổ chức nhận bảo lãnh kỳ phiếu
Aval for Acct of M,Q	Người/tổ chức có tài khoản được bảo lãnh
Principal's ref C(35),A,Q	Số ref do người ủy nhiệm nhờ thu cung cấp
Drawee's ref C(35),A,Q	Số ref do người thanh toán nhờ thu cung cấp
Issue place C(35),M,A,Q	Nơi phát hành bảo lãnh
Presentation place C(35),A,Q	Nơi xuất trình bảo lãnh. Người sử dụng cũng có thể nhập số tài khoản của NH giữ TK của người thanh toán nhờ thu
Act'n requested w/in C(3),A,Q	Thời hạn mà người thanh toán nhờ thu phải đưa ra phản hồi

Interest rate C(12),A,Q	Lãi suất cần thu từ drawee
Int pmt sched freq Q	Tần suất trả lãi
Int pmt sched time Q	Thời gian trả lãi (vd: trả đầu kỳ, cuối kỳ ...)
Int calc basis C(4),A,Q	Cơ sở tính lãi
Interest indicator C(35),M,A,Q	Trường này xác định liệu NH nhận chứng từ có thể được khấu trừ lãi nhờ thu hay không nếu drawee từ chối trả lãi này
Principal amount C(26),A,Q	Số tiền gốc
Commission and charges C(26),A,Q	Hoa hồng & phí

### 3. Kiểm soát giao dịch nhờ thu: Imports/input Verification/Collection in (Inward)

Exports/ input Verification/Collection Out (Outward)

Đề nghị tham chiếu màn hình kiểm soát LC

### 4. Phát hành giao dịch nhờ thu: Imports/Transaction Insurance/Collection in (Inward)

Exports/Transaction Insurance/Collection Out (Outward)

Đề nghị tham chiếu màn hình phê duyệt LC

### 5. Xử lý các sự kiện của nhờ thu

Phần xử lý các sự kiện của nghiệp vụ nhờ thu được thực hiện trên cùng màn hình với các sự kiện của bộ chứng từ. Đề nghị tham chiếu phần xử lý sự kiện của bộ chứng từ.

## IX. NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH:

### 1. Phát hành bảo lãnh thư (BG)

Bảo Lãnh Thư là một chứng thư do ngân hàng phát hành thay mặt cho khách hàng cam kết trả/hoàn tiền cho người được bảo lãnh trong trường hợp người yêu cầu bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của họ trong hợp đồng thương mại hoặc các hợp đồng khác liên quan.

Có nhiều loại BG khác nhau như Bảo lãnh thư thanh toán, bảo lãnh thư thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thư dự thầu,.....

Thanh toán viên	<pre> graph TD     A[Thanh toán viên] --&gt; B[Nhập giao dịch]     B -- N --&gt; B     B -- Y --&gt; C[Kiểm soát giao dịch]     C -- N --&gt; C     C -- Y --&gt; D[Duyệt giao dịch]     D -- Y --&gt; E[In điện]     E --&gt; F[Thanh toán viên]           </pre>	1. Nhập giao dịch: Transaction/ Bankers Guarantee/ Transaction capture 2. Thu ký quỹ 3. Thu phí
Kiểm soát viên		Kiểm tra và kiểm soát giao dịch
Cấp quản lý		Kiểm tra và duyệt giao dịch
Thanh toán viên		In điện và In advice (nếu có)

### 1.1 Nhập thông tin BG

Đường dẫn: Transaction\Bankers Guarantee\Transaction capture.

Trang 1:

Reference No.	Số tham chiếu của giao dịch BG. Số tham chiếu này sẽ được hệ thống tự động sinh sau khi giao dịch được ghi nhận. <b>Điện Swift: MT760-F20</b>
Product/ Subproduct M,Q	Mã sản phẩm và sản phẩm thứ cấp của giao dịch BG
Branch M,A,Q	Mã chi nhánh thực hiện giao dịch (chọn trong LOV)
PCentre M,Q,A	Mã trung tâm hưởng lợi (chọn trong LOV).
Issue date C(10),M,A,Q	Ngày phát hành BG
Doc ref C(35),A,Q	Số tham chiếu của đơn xin mở BG hoặc các văn bản khác liên quan.
Date (Doc date) C(10),A,Q	Ngày của đơn xin mở BG hoặc các văn bản khác liên quan.

<b>Effective date</b> C(10),M,A,Q	Ngày hiệu lực của BG <b>Điện Swift: MT760-F30</b>
<b>Expiry date</b> C(10),M,A,Q	Ngày đáo hạn của BG theo yêu cầu của người xin mở BG trong đơn yêu cầu mở BG hoặc các văn bản khác liên quan.
<b>Applicant/ ID/ name</b> M,Q	Thông tin về khách hàng mở BG. chọn trong LOV
<b>Currency</b> M,Q	Mã tiền tệ của giao dịch BG. chọn trong LOV.
<b>Amount</b> C(26),M,Q	Tổng trị giá của BG
<b>Base rate</b>	Tỷ giá để quy đổi trị giá của BG về đồng tiền cơ sở và đồng tiền bản địa. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho công tác báo cáo, vì thế TTV có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị.

Trang 2

<b>Issuing bank/ID/ Contact/Name</b> A,Q	Thông tin NH đại diện cho người mở BG, chọn trong LOV mã NH phát hành.
<b>Advising bank/ ID/Contact/Name</b> A,Q	Thông tin ngân hàng thông báo BG, chọn trong LOV.
<b>Beneficiary/ID/Name</b> M,Q	Người hưởng lợi, được hiển thị tự động khi gọi số LC tương ứng.
<b>Joint applicant</b> A,Q	Người cùng xin được mở BG (nếu có), nhấn Edit vào màn hình sau đây:

<b>Client number</b>	Tên, phương thức liên lạc địa chỉ của khách hàng đồng xin mở BG.
----------------------	--

Tiếp Trang 2:

<b>In connectionwith</b> C(240),A,Q	Mô tả mục đích ngắn gọn của việc phát hành BG.
<b>Margin details</b> A,Q	Số tiền ký quỹ phải thu của khách hàng để phát hành một BG. Nhấn edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập thông tin ký quỹ chi tiết.
<b>Collateral</b> A,Q	Tài sản đảm bảo (nếu có) để phát hành một BG. Nhấn edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập các tài sản đảm bảo lấy từ phân hệ Kernel (chọn trong LOV) .
<b>Auto debit</b>	Nếu người sử dụng chọn, hệ thống sẽ tự động ghi nợ các khoản phí phải thu hàng kỳ hay hàng tháng. (đối với phí tuần hoàn).
<b>Settlement Instruction</b> A,Q	trong trường hợp BG đáo hạn, nếu muốn cung cấp chỉ thị thanh toán các khoản phí cho BG, nhấn edit hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập các thông tin thanh toán chi tiết.

Màn hình được chia thành hai phần, phần trên hiển thị các thông tin của giao dịch BG. Phần dưới người sử dụng phải nhập các thông tin chi tiết cho việc thanh toán.

**Receive: Phương thức ngân hàng phát hành BG sẽ thu phí thanh toán.**

<b>Settle Ccy</b>	Loại tiền tệ của các phí liên quan đến BG mà ngân hàng phát hành sẽ thu.
<b>Account type</b>	Loại tài khoản được sử dụng để thu phí. VD: như Retails, Internal, Nostro, ...
<b>Settlement method</b>	Phương thức thanh toán phí, chọn trong LOV. Phương thức thanh toán phí sẽ phụ thuộc vào loại tài khoản được lựa chọn bằng cách ấn nút <b>Instr</b> , màn hình tương ứng liên quan đến phương thức thanh toán đó sẽ được hiển thị để nhập các thông tin chi tiết liên quan.
<b>Documents</b>	Các chứng từ yêu cầu cho BG. Nhấn nút Edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình nhập chi tiết các chứng từ cho BG như sau:

<b>Code description</b>	<b>and</b>	Mã số và các mô tả của chứng từ. chọn trong LOV.
-------------------------	------------	--



Tiếp Trang 2:

Messages	Các báo cáo và điện cần được tạo ra cho một giao dịch BG. Nhấn nút edit để lựa chọn điện hay báo cáo cần được tạo ra (chọn trong LOV).
Charges M,Q	Nhấn nút edit, màn hình chi tiết về phí sẽ được hiển thị. Sau khi nhập các phí phải thu/ phải trả, hệ thống sẽ hiển thị chữ “Y” trong trường này.

Trang 3:

Other Ref C(16),A,Q	số tham chiếu khác liên quan đến giao dịch BG.
Further ID C(16),A,Q	Thông tin mô tả mục đích của điện Swift sẽ được sinh ra từ giao dịch BG (cụ thể, đây là điện <b>phát hành</b> BG hay là điện <b>yêu cầu phát hành</b> BG) <b>Điện Swift: MT760-F23</b>
Sender to receiver information C(210),A,Q	Các chỉ thị của ngân hàng gửi điện cho ngân hàng nhận điện. Khi sinh ra điện Swift, chỉ thị này sẽ được đưa vào điện Swift. <b>Điện Swift: MT760-F72</b>
Guarantee details A,Q	Nhấn edit nhập các thông tin chi tiết liên quan đến BG <b>Điện Swift: MT760-F77C</b>

Code and Contents	Mã và nội dung thông tin mà người sử dụng muốn nhập vào BG
-------------------	--

Tiếp Trang 3:

Account Id C(35),A,Q	Nhập mã tài khoản được sử dụng cho việc thanh toán phí nếu như tài khoản nằm ở một ngân hàng khác.
Account with bank/ID/Contact/Name A,Q	Nhập mã ngân hàng, tên ngân hàng, phương thức liên lạc của ngân hàng có tài khoản sử dụng cho việc thanh toán.

**Charges** Người chịu trách nhiệm trả phí giao dịch BG  
A,Q

<b>Currency/Amount</b> A,Q	Số tiền phí giao dịch
-------------------------------	-----------------------

## 1.2 Kiểm soát giao dịch BG:

Đường dẫn: Transaction\Bankers Guarantee\Input verification.

Cách duyệt tương tự các phần trên.

## 1.3 Phát hành BG

Đường dẫn: Transaction\Bankers Guarantee\Transaction issuance.

Cách duyệt tương tự các phần trên.

## 2. Các sự kiện của giao dịch BG

### 2.1 Sửa đổi BG

Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về trị giá BG hay các điều kiện và điều khoản của BG đã phát hành, người sử dụng sẽ vào màn hình sửa đổi BG để tiến hành sửa đổi theo đường dẫn:

Bankers Guarantee\Maintenance capture\Amendment

Trang 1

<b>Reference</b> M,Q	Số tham chiếu của giao dịch BG đã được phát hành (chọn trong LOV). <b>Điện Swift: MT767-F20</b>
<b>Product/ Subproduct /Branch/ PCentre/ Cust/ Issue bank/ Adv bank/ Enterdate /Issue date/ Expiry date/ CCy/ Amount</b>	Những thông tin ở các trường này sẽ được lấy ra từ giao dịch BG đã được phát hành do vậy nó sẽ được hiển thị khi số tham chiếu của BG được chọn ra.
<b>Amend seq</b>	Số lần sửa đổi BG. Hệ thống sẽ tự động hiển thị số lần sửa đổi, chỉ có thể thấy được số lần sửa đổi sau khi giao dịch sửa được lưu trữ và duyệt <b>Điện Swift: MT767-F26E</b>
<b>Amend date</b> C(10),M,Q	Ngày giao dịch sửa đổi BG có hiệu lực. <b>Điện Swift: MT767-F30</b>
<b>New Expiry date</b> C(10),A,Q	Ngày đáo hạn mới của BG (nếu cần)

<b>Increase/Decrease</b> A,Q	chỉ thị sửa đổi tăng hay giảm trị giá của BG.
<b>Amount by</b> A,Q	Nhập số tiền tăng thêm hoặc giảm xuống của BG.
<b>To (amount increase/decrease to)</b>	Tùy thuộc vào số tiền tăng hay giảm, hệ thống sẽ tự động cộng thêm hay trừ đi số tiền trong trường Amount by để hiển thị tổng trị giá mới của BG.
<b>Base rate</b>	Tỷ giá để quy đổi trị giá của BG về đồng tiền cơ sở và đồng tiền bản địa. Việc quy đổi này chỉ phục vụ cho công tác báo cáo, vì thế có thể giữ nguyên thông tin mà hệ thống hiển thị.
<b>Update margin</b> A,Q	Nếu việc sửa đổi trị giá của BG cần phải thu thêm ký quỹ thì vào màn hình ký quỹ (như giải thích ở trên) để khai thêm ký quỹ cho phần trị giá sửa đổi.
<b>Message group</b> A,Q	Chọn điện hoặc báo cáo liên quan đến giao dịch sửa đổi BG.
<b>Charges</b> M,Q	Nhấn edit vào nhập phí cần thu và ấn nút lưu trữ sau đó thoát ra màn hình chính thấy xuất hiện chữ Y ở trường Charges.

Trang 2

<b>Other Ref</b> C(16),A,Q	các số tham chiếu khác liên quan đến giao dịch sửa đổi BG. <b>Điện Swift: MT767-F21</b>
<b>Further ID</b> M,Q	Thông tin mô tả mục đích điện Swift sẽ được sinh ra từ giao dịch sửa đổi BG <b>Điện Swift: MT767-F23</b>
<b>Sender to receiver information</b> C(210),A,Q	Các chỉ thị của ngân hàng gửi điện cho ngân hàng nhận điện. Khi sinh ra điện Swift, chỉ thị này sẽ được đưa vào điện Swift. <b>Điện Swift: MT767-F72</b>
<b>Amend details</b> C(650),A,Q	Nhấn nút edit, xuất hiện màn hình nhập các nội dung sửa đổi BG. <b>Điện Swift: MT767-F77C</b>
<b>Account ID</b> C(35),A,Q	Mã tài khoản dùng để thanh toán phí nếu như tài khoản ở một ngân hàng khác.
<b>Account withbank ID/Contact/Name</b> A,Q	Nhập mã ngân hàng, tên ngân hàng, phương thức liên lạc của ngân hàng có tài khoản sử dụng cho việc thanh toán.

## 2.2 Giao dịch đáo hạn BG

Đường dẫn: Bankers Guarantee\Maintenance capture\Expiry

<b>Reference</b> M,Q	Chọn ra số giao dịch của BG cần thực hiện giao dịch đáo hạn.
<b>Product/Subproduct/ Branch/Profit centre Customer/Issuing bank/Adv bank/Enter date/Issue date/Expiry date/Currency/Amount/Paid/Received</b>	Những thông tin ở các trường này được lấy ra từ các giao dịch trước đó liên quan đến BG đã được phát hành do vậy nó sẽ được hiển thị khi số tham chiếu của BG được gọi ra.
<b>Expire date</b> C(10),M,Q	Nhập ngày đáo hạn hiệu lực của BG, có thể nhập ngày tương lai.
<b>Information</b> C(210),A,Q	Bất kỳ thông tin nào liên quan đến giao dịch đáo hạn của BG
<b>Message group</b> A,Q	chọn điện hoặc báo cáo liên quan đến giao dịch đáo hạn BG.
<b>Charges</b> Q	Nếu thu phí cho sự kiện đáo hạn BG thì nhấn edit vào nhập phí cần thu và ấn nút lưu trữ sau đó thoát ra màn hình chính thấy xuất hiện chữ Y

## 2.3 Giao dịch hủy bỏ BG

Đường dẫn: Bankers Guarantee\Maintenance capture\Cancel

<b>Reference</b> M,Q	Chọn ra số giao dịch của BG cần thực hiện giao dịch hủy bỏ.
-------------------------	---

<b>Product/Subproduct/Branch/Profit centre/Cust/Issuing bank/Adv Bank/Enter date/Issue date/Enter date/ CCY/ Amount/Paid/Received</b>	Những thông tin ở các trường này được lấy ra từ các giao dịch trước đó liên quan đến BG đã được phát hành do vậy nó sẽ được hiển thị khi số tham chiếu của BG được chọn ra.
<b>Cancel date</b> C(10),M,Q	Nhập ngày huỷ bỏ hiệu lực của BG, có thể nhập ngày tương lai.
<b>Information</b> C(210),A,Q	Bất kỳ thông tin nào liên quan đến giao dịch hủy BG
<b>Message group</b> M,A,Q	sẽ chọn điện hoặc báo cáo liên quan đến giao dịch hủy BG.
<b>Charges</b> M,Q	Nếu muốn thu phí cho sự kiện hủy BG thì nhấn edit để vào nhập phí cần thu và ấn nút lưu trữ sau đó thoát ra màn hình chính thấy xuất hiện chữ Y

**Lưu ý:** Hệ thống sẽ chỉ chấp nhận hủy BG nếu chưa thực hiện bất kỳ một giao dịch thanh toán tiền nào đối với BG đó.

## 2.4 Giao dịch hồi phục BG

Sau khi BG bị đáo hạn nếu khách hàng yêu cầu khôi phục lại BG, theo đường dẫn: Bankers Guarantee\Maintenance capture\Reactivate.

<b>Reference</b> M,Q	Chọn ra số giao dịch của BG cần phục hồi.
<b>Product/Subproduct/Branch/Profit centre/Cust/Issuing bank/Adv bank/Enter date/Issue date/Enter date/CCY/Amount/Paid/Received</b>	Những thông tin ở các trường này được lấy ra từ các giao dịch trước đó liên quan đến BG đã được phát hành do vậy nó sẽ được hiển thị khi số tham chiếu của BG được chọn ra.
<b>Reactivate date</b> C(10),M,A,Q	Nhập ngày hiệu lực của việc khôi phục BG, có thể nhập ngày tương lai.
<b>New expiry</b> C(10),M,A,Q	Nhập ngày đáo hạn mới của BG



<b>Information</b> C(210),A,Q	Bất kỳ thông tin nào liên quan đến giao dịch khôi phục BG
<b>Message group</b> A,Q	Chọn điện hoặc báo cáo liên quan đến giao dịch khôi phục BG.
<b>Charges</b> Q	Nếu muốn thu phí cho khôi phục BG thì nhấn edit để vào nhập phí cần thu và ấn nút lưu trữ sau đó thoát ra màn hình chính thấy xuất hiện chữ Y

## 2.5 Duyệt giao dịch sửa đổi, đáo hạn, hủy bỏ, khôi phục SG

Đường dẫn: Transaction/Bankers Guarantee/Maintenance Verification/Amendment  
Transaction/ Bankers Guarantee/Maintenance Verification / Expiry  
Transaction/ Bankers Guarantee/Maintenance Verification / Cancel  
Transaction/ Bankers Guarantee/Maintenance Verification / Reactivate

Cách duyệt tương tự như trên.

## X. THU PHÍ VÀ THANH TOÁN PHÍ

### 1. Nhập thông tin về phí

Tất cả các màn hình nhập giao dịch trong phân hệ Trade Finance đều bao gồm màn hình nhập các thông tin về phí phải thu hoặc phải trả và màn hình thu phí, thanh toán phí từ tài khoản khách hàng. Hệ thống sẽ hiển thị các phí mặc định cho một sản phẩm cụ thể gắn với các một sự kiện nhất định. Ngay khi chọn một giao dịch hệ thống sẽ hiển thị các phí mặc định cho sản phẩm. Tuy nhiên người sử dụng có thể xóa các phí không cần thu bằng cách nhấn nút delete hoặc thêm các phí khác vào bằng cách nhấn nút F9 để chọn.

Thanh toán viên	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Nhập và thu/ trả phí</div> <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Kiểm soát</div> <div style="text-align: center;">↓</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">In chứng từ</div>	1. Kiểm tra số dư TK KH 2. Nhập các phí phải thu/ phải trả: Transaction\Charges\Capture 3. Thu/ trả phí (nếu có)
Kiểm soát viên		Kiểm tra và kiểm soát giao dịch
Thanh toán viên		In điện, in advice (nếu có) và lưu trữ

Nếu trong khi thực hiện các giao dịch, người sử dụng quên không thu phí thì có thể truy cập màn hình charge theo đường dẫn sau: Transaction\Charges\Capture.

<b>Reference</b> M,Q	chọn ra giao dịch cần thu phí.
<b>Product/Subproduct/Br/Profitcentre/Issue/CCY/Expiry/Enter/Amount</b>	Những thông tin ở các trường này được lấy ra từ các giao dịch trước đó liên quan đến số tham chiếu được chọn ra.
<b>Charge Seq (Charge Sequence)</b>	Số lần thu phí trên giao dịch đã được chọn. Số lần này sẽ được hiển thị sau khi giao dịch thu phí được duyệt.
<b>Enter Date</b>	Ngày nhập giao dịch thu phí. Hệ thống hiển thị ngày hiện tại của hệ thống.
<b>Attach</b>	Có thể thu phí cùng lúc với việc thực hiện giao dịch hoặc thu phí tách biệt với việc nhập giao dịch qua đường dẫn bên ngoài. Nếu thu phí luôn trong khi thực hiện các giao dịch khác thì ở trường <b>attach</b> sẽ tự động xuất hiện dấu tick ✓. Nếu phí được thu tách biệt bên ngoài thì ở trường <b>attach</b> sẽ được bỏ trống.
<b>Recurred</b>	Nếu loại phí được chọn là phí tuần hoàn, hệ thống sẽ tự động tick ✓ vào trường <b>Recurred</b> .
<b>Event</b> M, Q	Sự kiện gắn với phí được thu (chọn trong LOV).
<b>Seq (Sequence)</b>	Dựa vào sự kiện được chọn, hệ thống sẽ hiển thị số thứ tự của sự kiện.
<b>Iss Dat (Issue Date)</b> C(10),M, Q	Ngày hiệu lực của giao dịch thu phí. Hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống tuy nhiên có thể thay đổi.
<b>Related Charge Seq. (Sequence)</b>	Nếu phí được thu hoặc trả trong khi thực hiện giao dịch, hệ thống sẽ tự động sinh ra số thứ tự tương ứng.
<b>Party Charged</b> M, A,Q	Bên phải thanh toán phí hoặc được thanh toán phí (trong LOV).
<b>CT (Contact)</b> M, A,Q	Thông tin liên lạc với người phải thanh toán phí hoặc được thanh toán phí. Thông tin này sẽ được thể hiện trong giấy báo nợ.
<b>Message Group</b> M, A,Q	Các điện hoặc thông báo mà cần có sau khi duyệt giao dịch.
<b>Currency</b> M, A,Q	Loại tiền tệ của các phí phải thu hoặc phải trả. Hệ thống sẽ hiển thị mặc định loại tiền tệ của giao dịch tuy nhiên có thể thay đổi loại tiền của phí cần thu hoặc cần thanh toán.
<b>Charge Code</b> M, A,Q	Mã phí cần thu/trả (chọn trong LOV).
<b>Details</b>	Mô tả chi tiết phí đã chọn
<b>Pay/Rec (Pay/Receive)</b>	Tùy theo mã phí đã chọn, hệ thống sẽ hiển thị 1 trong 2 giá trị sau: P (pay) - nếu thanh toán phí. R (receipt) - nếu thu phí.
<b>Recur (Recurring)</b>	Tùy theo mã phí đã chọn, hệ thống sẽ hiển thị 1 trong 2 giá trị sau: N (no) - nếu phí không tuần hoàn tức chỉ thu một lần. Y (yes) - Nếu phí là tuần hoàn, tức được thu nhiều lần theo một thời hạn nhất định. Khi chọn giá trị là "Y", nhấn edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình để nhập thời gian tuần hoàn.

<b>Rates</b>	Nếu đồng tiền thu phí với đồng tiền của giao dịch thì hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá quy đổi giữa đồng tiền thu phí và đồng tiền của giao dịch. Đồng thời hệ thống cũng hiển thị tỷ giá là trực tiếp hay gián tiếp (D hay I).
<b>Settlement Details</b> A,Q	Việc thanh toán hoặc thu phí từ tài khoản của khách hàng có thể được thực hiện ngay hoặc thực hiện sau khi kết thúc giao dịch. Để vào màn hình Charge Settlement, nhấn vào nút Edit, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thanh toán hoặc thu phí. (xem chi tiết diễn giải ở phần tiếp theo cho phần Settlement details).

## 2. Thực hiện giao dịch thu phí/ thanh toán phí

Ở màn hình charge capture, người sử dụng mới chỉ nhập thông tin về các phí phải thu/ phải trả. Còn khi nhập vào màn hình Charge settlement, người sử dụng mới thực sự thu/ thanh toán các khoản phí đó từ tài khoản của khách hàng.

Nếu không thực hiện Charge Settlement cùng lúc khi nhập chi tiết phí thì sau đó có thể vào đường dẫn sau để vào thực hiện giao dịch thu phí/ thanh toán phí: Transaction\Charges\Settlement.

<b>Reference</b> M,Q	Số tham chiếu của giao dịch cần thực hiện thu phí/ thanh toán phí.
<b>Product/Branch/Profit centre/ Charge seq/ Event/Enter date/ Pay /ReceiveIssue date partycharged/Charge ccy/Total charge</b>	Những thông tin ở các trường này được lấy ra từ các giao dịch trước đó liên quan đến số tham chiếu được gọi ra.
<b>Attach</b>	Nếu việc thanh toán phí/ thu phí được tiến hành trong khi thực hiện giao dịch thì ở trường <b>Attach</b> , hệ thống sẽ hiển thị dấu tick ✓.
<b>Settle Date</b> C(10),M,Q	nhập ngày thu phí/ thanh toán phí. Ngày này sẽ là ngày hiệu lực cho việc sinh ra bút toán. Hệ thống sẽ hiển thị ngày hiện tại của hệ thống tuy nhiên có thể thay đổi
<b>Message Group</b> M,A,Q	chọn loại điện/ báo cáo cần được in sau khi duyệt giao dịch.
<b>Verified</b>	Trường này sẽ tự động được tick ✓ sau khi giao dịch thu phí/ thanh toán phí được duyệt.
<b>Charge Amount</b> M,A,Q	Nhập phí sẽ được thanh toán/ thu. Tổng các phí được nhập phải bằng tổng phí chưa được thanh toán/ thu. Có thể chia tổng phí ra thành nhiều phần khác nhau, được thu/ thanh toán vào các tài khoản khác nhau bằng các loại tiền tệ khác nhau.

<b>Settle CCY</b> M,A	Loại tiền tệ của phí sẽ được thu/ thanh toán, có thể chọn các loại tiền tệ khác nhau.
<b>I/D rate/Converted amount</b>	Tùy theo loại tiền dùng để thanh toán, hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá quy đổi giữa loại tiền của phí và loại tiền được thu/ thanh toán, tỷ giá trực tiếp hay gián tiếp, số tiền được quy đổi
<b>Account Type</b> M	Loại tài khoản sẽ được sử dụng cho việc thanh toán phí như Internal, Nostro, Retails, Vostro (chọn trong LOV).
<b>Settle Method</b> M	Phương thức thanh toán tương ứng với từng loại tài khoản khác nhau đã được chọn ở trường Account type (chọn trong LOV).

### 3. Duyệt thu phí/ thanh toán phí

Đường dẫn: Transaction\Charges\Verification.

<b>Reference</b>	Số tham chiếu của giao dịch được tiến hành thu phí/ thanh toán phí.
<b>Charge Seq (Charge Sequence)</b>	Số lần thu phí trên giao dịch đó.
<b>Event</b>	Sự kiện gắn với việc thu phí như phát hành, hay sửa đổi.
<b>Issue Date</b>	Ngày hiệu lực của giao dịch nhập thông tin về phí.
<b>P/R (Pay/Receive)</b>	Hệ thống hiển thị việc thu phí hay thanh toán phí bằng các giá trị P-thanh toán, R-receipt.
<b>Party (Party Charged)</b>	Khách hàng bị thu phí hoặc được nhận phí.
<b>Ccy (Charge Currency)</b> M,Q	Loại tiền tệ của phí được thu/ phải trả.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh thực hiện giao dịch.
<b>Profit Centre</b>	Mã trung tâm hưởng lợi
<b>Charges Amount</b>	Tổng phí chưa được thanh toán/ chưa được thu.
<b>Product</b>	Sản phẩm chính và sản phẩm thứ cấp gắn với giao dịch.
<b>Settle Date</b>	Ngày thực hiện việc ghi có/ nợ vào tài khoản. Các bút toán về thu phí hay thanh toán phí sẽ được sinh ra trong ngày này.

#### Cách Duyệt giao dịch:

<b>Input</b>	Đối với giao dịch nhập thông tin về phí (charge capture), chọn các giá trị sau . Y- duyệt giao dịch . N- không duyệt giao dịch
<b>Settlement</b>	Đối với giao dịch thu phí/ thanh toán phí (charge settlement), chọn các giá trị . Y- duyệt giao dịch . N- không duyệt giao dịch

**3. Một số lưu ý khi thu phí (charges)**

**3.1** Các loại phí được cài đặt trong TF không bao gồm VAT, do đó khi khai báo phí người sử dụng phải khai báo thêm VAT (nếu cần).

**3.2** Để in được hóa đơn thu phí VAT, người sử dụng phải nhập đầy đủ các yếu tố sau:

- + Tại trường Msg group trong màn hình thu phí: nhấn F9, chọn mã VAT
- + Sau khi chọn Msg, nhấn vào nút Remark ở phía trên màn hình charge, người sử dụng sẽ nhập nội dung thu phí VAT vào màn hình này. Nội dung này sẽ được thể hiện trong hóa đơn thu phí VAT.

**3.3 Phần ngoại bảng:**

Đối với những LC trả chậm và trả ngay, sau khi LC active, hệ thống sẽ tự động phát sinh bút toán nhập ngoại bảng thích hợp. Tuy nhiên, đối với LC hỗn hợp, hệ thống không thể phân biệt phần trả ngay, trả chậm để hạch toán vào TK ngoại bảng thích hợp mà sẽ chuyển toàn bộ trị giá LC vào GL 601040000. Do đó, sau khi mở LC hỗn hợp, người sử dụng phải vào GL để chuyển ngoại bảng vào TK thích hợp.

Đường dẫn: General Ledger/Transaction/Batch Maintenance/Entry

Nợ TK 592510002 : phần trị giá trả ngay

Nợ TK 592510001: phần trị giá trả chậm

Có TK 601040000: tổng trị giá LC (chọn Client no. là mã KH của Applicant)

Khi tu chỉnh LC hỗn hợp tăng tiền hay giảm tiền, người sử dụng cũng phải thực hiện động tác chuyển TK ngoại bảng như trên.

**3.4 Margin:**

Ở hệ thống Symbol, tiền ký quỹ đã được khai báo ở trường “Margin details” trong các màn hình nhập giao dịch LC NK, bảo lãnh ngân hàng và được hiểu như một loại phí với code là **MAR**. Tuy nhiên, đặc thù của HDBank là phải trả lãi cho số tiền ký quỹ, do đó thao tác của người sử dụng khi thực hiện thu ký quỹ như sau:

\* Nếu KH có nhu cầu mua ngoại tệ ký quỹ, Đơn vị sẽ bán ngoại tệ ký quỹ vào TK đảm bảo thanh toán (loại R) hoặc TK tiền gửi (loại R), sau đó người sử dụng sẽ ghi nợ TK đảm bảo thanh toán hoặc TK tiền gửi số ngoại tệ cần ký quỹ, hệ thống sẽ tự động ghi có số ngoại tệ đó vào code **MAR** (GL loại I : 242720000: TK KQ của TCKT và 242720001: TK KQ của CN, DNTN)

\* Để số ngoại tệ ký quỹ đó được trả lãi, người sử dụng phải sử dụng phân hệ FT chọn trans type FREE để chuyển số ngoại tệ ký quỹ từ TK loại I sang TK ký quỹ loại R của khách hàng, cụ thể như sau:

Nợ 242720000: TK KQ của TCKT

hoặc 242720001: TK KQ của CN, DNTN

Có TK Ký quỹ KH loại R

**3.5 Thanh toán BCT cho Ngân hàng nước ngoài:**

Vì ở màn hình thương lượng chứng từ người sử dụng đã cập nhật tỷ lệ ký quỹ sẽ được dùng cho BCT, do đó trước khi thanh toán BCT, người sử dụng phải vào phân hệ FT để chuyển số ngoại tệ ký quỹ tương đương sang TK loại I như sau:

Nợ: TK KQ loại R

Có: TK I loại I 242720000: TK KQ của TCKT

242720001: TK KQ của CN, DNTN

Sau đó người sử dụng sẽ vào màn hình Receipt ở phân hệ TF thu từ code MAR trị giá ký quỹ tương đương, phần còn lại của BCT người sử dụng sẽ thu từ TK KQ loại R hoặc thu trực tiếp từ TK thanh toán loại R của khách hàng hoặc TK đảm bảo thanh toán loại R.

**3.6 Đối với giao dịch nhận tiền từ NHNN (LC xuất):**

a. Sau khi TTTT nhận MT202 sẽ ghi Có số tiền thực nhận (đã bị NHNN trừ phí) vào TK của P.TTQT (loại R\_ 001840090009594 hoặc 001978090009575).

b. Người sử dụng vào màn hình Export Receipt nhận đúng số tiền của BCT từ TK của P.TTQT, không nhận trực tiếp từ TK Nostro.



- c. Sau đó, người sử dụng vào Charges để trả số phí mà NHNN đã thu, nhập code 099 và nhập vào số tiền mà NHNN đã trừ.
- d. Khi vào màn hình PAYMENT để thanh toán lại cho khách hàng, người sử dụng cũng nhập đúng số tiền của BCT, sau đó nhập các loại phí phải thu và nhập lại cả phần phí trả cho NHNN (code phí 099) một lần nữa trong phần charge.
- e. Khi thu phí dịch vụ, tại màn hình Charges settlement/ retails Receive Instructions thu từ TK thuộc chi nhánh nào, người sử dụng phải chọn settle branch là CN đó.

### 3.7 Chia phí DV TTQT giữa các đơn vị:

Sau khi sử dụng phân hệ TF thu phí DV TTQT, người sử dụng phải vào phân hệ FT để chia phí lại cho các Đơn vị quản lý KH theo tỷ lệ được qui định theo từng giai đoạn.

- . Sử dụng: INTERNAL
- . Trans type: OT01 hoặc FREE
- . Nợ: TK loại I (Client: 000000001 - GL: 480900002)
- . Có: TK loại I (Client: mã CIF Đơn vị – GL: 370900002)
- . Amount: không bao gồm VAT

## VI. XỬ LÝ ĐIỆN VÀ CÁC THÔNG BÁO

### 1. Điện Free Format

Có một số điện tự do như MT799, MT999, MT499 không thể được tạo ra sau khi các giao dịch được phát hành, do vậy màn hình Free format được sử dụng để tạo ra các điện nói trên.

Đường dẫn: Transaction\Free format\Capture.


<b>Reference</b> M,A,Q	chọn số tham chiếu của giao dịch cần tạo điện Free format. <b>Điện Swift: MT799/999/499-F20</b>
<b>Product/ Subproduct/ Br/ Profit centre/ Cust/ Issue date/ Expiry date/ CCY/ Amount</b>	Các giá trị trong các trường trên sẽ tự động hiển thị khi gọi ra số tham chiếu của giao dịch.
<b>Verify</b>	Trường này sẽ được hệ thống tự động tick ✓ vào khi giao dịch Free Format được kiểm soát.
<b>Other Ref.No</b> C(16), A,Q	Số tham chiếu khác liên quan đến giao dịch. Số tham chiếu này sẽ được thể hiện trên điện Free format là nội dung của trường “Their ref. No.” hoặc trường “Related ref. No.”. <b>Điện Swift: MT799/999/499-F21</b>
<b>Event date</b> C(10),M,A,Q	Ngày mà điện Free format được phát sinh. Có thể chọn ngày hiện tại của hệ thống hoặc ngày tương lai.

<b>Narrative</b> C(1784), A,Q	Những thông tin khác muốn đưa vào điện Free Format. <b>Điện Swift: MT799/999/499-F79</b>
<b>Message group</b> M,A,Q	Chọn điện sẽ được phát sinh.
<b>Receiver BIC</b> C(11),M,Q	Chọn BIC code của bên sẽ nhận điện Free Format.

## 2. Duyệt các thông tin điện freeformat

Ngay khi việc nhập Free Format đã được hoàn tất và lưu trữ, hệ thống sẽ chuyển giao dịch vào hàng chờ duyệt.

Đường dẫn: **Transaction\Free Format\Verification.**

Trước khi duyệt giao dịch, người sử dụng có thể ấn vào nút  để xem lại chi tiết giao dịch đã nhập. Màn hình duyệt giao dịch Free Format như sau:

Khi vào màn hình verify, KSV nhấn F8 để hệ thống hiện ra tất cả những giao dịch đang trong hàng chờ duyệt và chọn ra giao dịch cần duyệt để tiến hành duyệt. Hoặc nhấn F7 và đánh số giao dịch cần duyệt vào trường reference sau đó nhấn F8, hệ thống sẽ hiển thị các thông tin cơ bản của giao dịch cần duyệt trên màn hình verify.



Reference	Enter Date	Event Seq	Branch	Product	Profit Centre	Customer Ccy	Amount	Verify ?
051012IDA0012	10/03/2007	132	002	DC2	NHO THU KEM CHUNG TU	USD	84,800.00	<input type="checkbox"/>
051012ULC0055	01/06/2007	112	002	LC2	LC THONG THUONG	USD	60,000.00	<input type="checkbox"/>
0600111100009	04/11/2006	111	001	LC2	LC THONG THUONG	USD	3,060.00	<input type="checkbox"/>
0600111100009	16/12/2006	111	001	LC2	LC THONG THUONG	USD	3,060.00	<input type="checkbox"/>
0600111200002	04/11/2006	112	001	LC2	LC THONG THUONG	USD	22,000.00	<input type="checkbox"/>

<b>Verify</b>	Nếu các thông tin được nhập trong giao dịch Free Format chính xác, người kiểm soát sẽ duyệt bằng cách nhấn dấu tick ✓ vào trường verify.
---------------	--

## 3. Điện và thông báo

### 3.1 Quản lý điện và các thông báo

Màn hình quản lý điện được sử dụng để quản lý các điện và các thông báo được sinh ra tự động bởi hệ thống sau khi phát hành một giao dịch. Hệ thống cho phép lọc các điện và thông báo theo chi nhánh cũng như theo trạng thái là Active, Released, Verified.

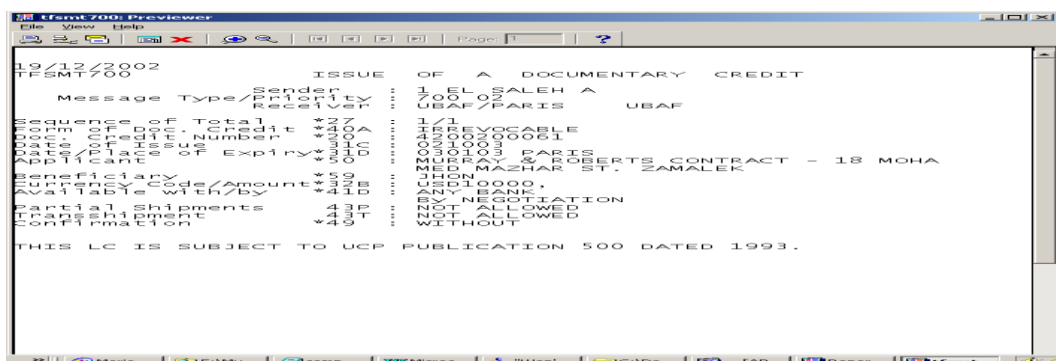
Đường dẫn: **Message\Message control.**



Message Reference	Destination Client	Branch	Print Destination	Msg Type	Msg Format	Media	Route Date / Time	Status	SWIFT File Generated?
051012IDA0012	00005003	001	P SCREEN	REC	TFDA001	POSTAL	14/06/2006 09:06:09	SENDING	N/A
051012IDA0012	00000001	001	P SCREEN	REC	TFDA001	POSTAL	24/04/2007 10:04:03	SENDING	N/A
051012IDA0016	00001388	001	P SCREEN	PAY	FMSMT202	SWIFT	18/10/2006 13:10:25	SENT	Yes

<b>Branch</b>	Mã số của chi nhánh tạo điện (chọn trong LOV).
<b>Status</b>	Trạng thái của điện và thông báo muốn lọc (chọn trong LOV) ACTIVE: giao dịch đã được duyệt DELETED: giao dịch đã được hủy bỏ FAILED: giao dịch bị lỗi RELEASED: giao dịch đã xử lý xong chuẩn bị kết nối với hệ thống bên ngoài SENT: giao dịch đã được chuyển đi SENDING: giao dịch đang được chuyển đi VERIFY: giao dịch đã được kiểm soát
<b>Module</b>	Hệ thống hiển thị phân hệ TTTM.

**Nút View:** Để xem chi tiết điện hoặc báo cáo trước khi gửi hoặc in ra. Điện và thông báo có thể được xem chỉ khi nó đang ở trạng thái là ‘RELEASED’. Nội dung của điện sẽ hiện ra khi người sử dụng nhấn vào nút **VIEW**.



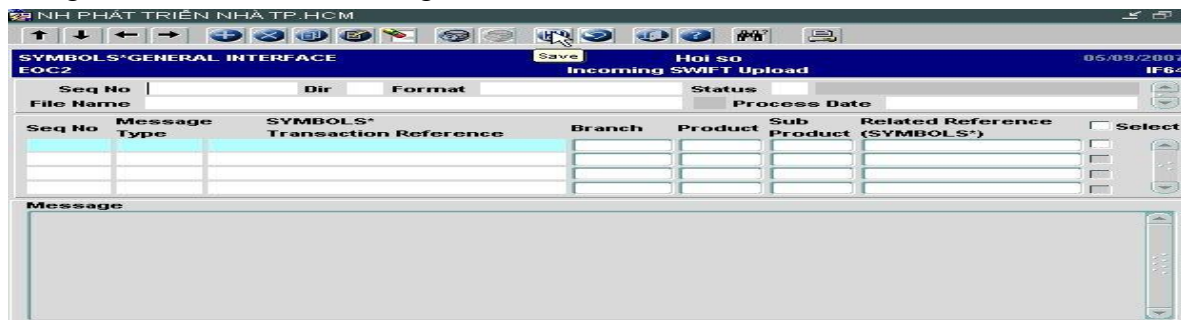
<b>Message Reference</b>	Số tham chiếu của giao dịch sinh ra điện. Trên cùng một số tham chiếu có thể có rất nhiều điện và thông báo.
<b>Destination Client</b>	mã khách hàng sẽ nhận điện hoặc thông báo. Hệ thống cũng sẽ hiển thị tên và địa chỉ của khách hàng.
<b>Print Destination</b>	Phương thức mà điện hoặc thông báo sẽ được gửi tới.
<b>Message Type</b>	Điện hay thông báo thuộc loại: . ADV-thông báo chung . REC-thông báo nhận/thu . PAY-thông báo thanh toán . TRF-thông báo chuyển nhượng.
<b>Format</b>	Dạng điện hoặc thông báo sẽ được hiển thị ở trường này, có thể nhận biết được đâu là điện Swift đâu là thông báo cho khách hàng.
<b>Media</b>	Giá trị của trường này luôn mặc định là REPORT.
<b>Route</b>	Phương thức một điện sinh ra được chuyển tới người nhận cuối cùng. Ví dụ: bằng Swift, Telex, Postal hay gửi trong nội bộ.
<b>Date/Time</b>	ngày và thời gian điện và thông báo được sinh ra trong hệ thống.

<b>Status</b>	Thay đổi trạng thái hiện thời của điện hoặc của thông báo. <i>Ví dụ</i> điện đang ở trạng thái là Released, có thể thay đổi sang Sending và ấn nút lưu trữ, trạng thái sẽ tự động đổi sang Sent, ở trạng thái này có thể chuyển được điện đi.
<b>File Swift generated?</b>	Có phát sinh điện Swift hay không? . N/A: không có . Yes: có

### 3.2 Nhận điện từ SWIFT

Trong phân hệ Trade finance, có thể tiếp nhận được các điện Swift thông qua cổng Interface. Các điện swift này được nhận tự động vào cơ sở dữ liệu chính của hệ thống với format phù hợp. Sau khi điện được kết nối giữa hệ thống bên ngoài và Symbol bằng Interface. Có thể truy cập để nhận điện về theo đường dẫn: **Message/Incoming Swift upload**.

Khi vào màn hình Incoming Swift Upload, nhấn F8 hoặc nút ‘Execute Query’ trên thanh menu, hệ thống sẽ hiển thị tất cả các điện mới được nhận về và các điện đã nhận về nhưng chưa được xử lý. Những điện chưa được xử lý sẽ được nhận biết bởi trạng thái là “V-Active”. Khi điện được nhận vào hệ thống, trạng thái sẽ hiển thị là “P-Processed”. Ngay khi các dữ liệu đã được nhận thành công, hệ thống sẽ tạo số tham chiếu cho giao dịch LC xuất.



<b>Seq No. (Sequence No.)</b>	Số thứ tự của điện được upload trong phân hệ Interface (liên kết giữa SWIFT và SYMBOLS). Số thứ tự này mô tả file sẽ được xử lý. Mỗi file có thể chứa nhiều điện SWIFT.
<b>Direction</b>	Mô tả điện được upload là điện đi hay điện về. Hệ thống sẽ hiển thị giá trị tương ứng tùy thuộc vào trạng thái của mỗi điện được upload. Có hai giá trị có thể được hiển thị: I : đối với điện về. O: đối với điện đi.
<b>Format</b>	Dạng điện được upload, ví dụ như SWIFT.
<b>File Name</b>	Phân hệ Interface sẽ sinh ra một file trung gian. File này cho phép các dữ liệu được trao đổi từ Swift sang Symbols. Mỗi file có thể chứa nhiều điện Swift được upload.
<b>Msg. No. (Message No.)</b>	Một file có thể chứa nhiều điện Swift, do vậy mỗi điện Swift được upload trong file này sẽ được gán một số thứ tự khác nhau.
<b>Type</b>	Mỗi điện sẽ có một mã điện Swift khác nhau, ví dụ như MT700, MT799, ...
<b>Transaction reference</b>	Ngay khi một LC đã được upload thành công, hệ thống SYMBOLS sẽ tạo ra số tham chiếu cho giao dịch LC này.
<b>Branch</b>	Mã chi nhánh của giao dịch. Trường này chỉ sử dụng với điện MT700/710. Khi nhận được điện 700/710, người nhận điện sẽ đọc nội dung điện được hiển thị ở màn hình phía dưới và xác định chi nhánh advise LC. Nhấn F9 để chọn mã chi nhánh thích hợp với giao dịch

<b>Product</b>	Mã sản phẩm phù hợp với giao dịch. Trường này chỉ sử dụng với điện MT700/710. Nhấn F9 để chọn mã sản phẩm phù hợp với nội dung điện.
<b>Sub-product</b>	Mã sản phẩm thứ cấp của giao dịch. Trường này chỉ sử dụng với điện MT700/710. Nhấn F9 để chọn mã sản phẩm thứ cấp phù hợp với giao dịch.
<b>Related Ref</b>	Số tham chiếu liên quan của giao dịch. Trường này sử dụng với tất cả các loại điện còn lại khác MT700/710. Vd: điện 734, chọn số tham chiếu của bộ chứng từ xuất bị từ chối để gắn với điện 734. Nhấn F9 để chọn số tham chiếu thích hợp.
<b>Select?</b>	Sau khi chọn xong các thông tin phù hợp, click vào ô Select và nhấn F10 để ghi nhận giao dịch. Hệ thống sẽ hiển thị số tham chiếu mới của giao dịch vừa được upload trong trường Transaction Reference.
<b>Message</b>	Trường này hiển thị toàn bộ nội dung của điện được upload.

**Lưu ý:** có thể in điện ra bằng cách nhấn vào hình máy in ở phía bên phải góc màn hình phía trên.

#### 4. Truy vấn điện

**4.1 Truy vấn các giao dịch nhập khẩu:** Letter of credit, Negotiation in, Collection in, Shipping Guarantee.


##### 4.1.1 LC nhập khẩu

a. Nếu truy vấn theo khách hàng yêu cầu mở LC thì truy cập theo đường dẫn sau:  
**Enquiries\Imports\ Letters of credit\By applicant.**

Tại trường Applicant, người sử dụng chọn tên khách hàng cần truy vấn, có thể nhấn F9 để lấy trong danh sách. Sau khi chọn được tên khách hàng cần truy vấn, hệ thống sẽ hiển thị tất cả các giao dịch đã được mở cho khách hàng đấy. n có thể tìm giao dịch cần truy vấn bằng cách chọn ra số tham chiếu cần tìm trong toàn bộ các giao dịch được hiển thị bởi hệ thống. Hoặc nhấn F7 sau đó đánh số giao dịch cần tìm và nhấn F8, các thông tin cơ bản của giao dịch đó sẽ được hiển thị.



Original	Trị giá gốc của LC
Drawn + OD	Trị giá của LC đang chờ thanh toán hoặc đã được thanh toán.
Available	Trị giá còn lại (nếu có) của LC sau khi trừ đi trị giá đang chờ thanh toán hoặc đã thanh toán.

Nếu muốn xem chi tiết các sự kiện đã được thực hiện trên giao dịch đấy, nhấn vào nút details , màn hình sẽ xuất hiện chi tiết.



Date	Event Type	Seq	Event Status	Incr	Decr	Ccy	Amount
12/08/2010	STR Starting	0	A Active			USD	2,686,275.00
12/08/2010	ZEN Charges	1	S Settled			USD	268,627.50
12/08/2010	ZEN Charges	2	S Settled			VND	156,006,814.00

Lưu ý: Trong màn hình chi tiết hệ thống sẽ hiển thị ngày của mỗi giao dịch và sự kiện liên quan đến giao dịch cần truy vấn như ngày phát hành, ngày đáo hạn, ngày thanh toán, ... Người sử dụng có thể ấn nút details để có thể xem được màn hình nhập giao dịch của sự kiện đấy.

b. Nếu truy vấn theo số tham chiếu của LC thì truy cập theo đường dẫn sau:

#### **Enquiries\Imports\Letters of credit\By Reference**

Tại trường “Reference” và “To”, chọn số tham chiếu của giao dịch cần truy vấn, có thể nhấn F9 để lấy trong danh sách.

Reference	Applicant	Status	Prod / Sub Type	Branch	Profit Centre	Issue Date	Expiry Date	Ccy	Original Drawn + OD Available
1000111100222	00039150	Active	111 / NOR	001	102	12/08/2010	05/09/2010	USD	2,686,275.00

Nếu muốn xem chi tiết các sự kiện đã được thực hiện trên giao dịch đấy, nhấn vào nút details, màn hình sẽ xuất hiện chi tiết như phần a.

#### **4.1.2 Bill nhập khẩu: Enquiries\Imports\Negotiation in\By applicant/Reference**

Người sử dụng chọn tên khách hàng và số tham chiếu của bill cần truy vấn bằng cách chọn vào các trường “Applicant”, “Bill Reference No.From”, và trường “To”.

Sau khi đã chọn xong, hệ thống sẽ hiển thị tất cả các giao dịch cần truy vấn. Người sử dụng có thể chọn một giao dịch cần truy vấn bằng cách chọn theo số tham chiếu. Hoặc nhấn F7 rồi đánh số tham chiếu sau đấy nhấn F8 hệ thống sẽ hiển thị các thông tin cơ bản của giao dịch đấy.

Bill Ref. No.	LC Ref. No.	Negotiating Bank	Prod / Sub Type	Branch	Profit Centre	Start Date	Maturity Tenor	Bill CCY	LC CCY	Bill Amount
0600112100013	0600111100029	00002598	121 / NNN	001	603	04/11/2006	000 /	USD	USD	5,000.00

Nếu muốn xem chi tiết các sự kiện đã được thực hiện trên giao dịch đấy, nhấn vào nút details, màn hình sẽ xuất hiện chi tiết.

Date	Event Type	Seq	Event Status	Incr	Decr	Ccy	Amount
11/06/2010	STR	0	A	Active		USD	139,223.76
11/06/2010	REC	1	M	Processed		USD	139,223.76
11/06/2010	ZEN	1	S	Settled		USD	13,922.38
11/06/2010	ZEN	2	S	Settled		VND	5,850,235
11/06/2010	PFT	1	Y	Processed		USD	139,223.76
11/06/2010	PAY	1	M	Processed		USD	139,223.76

### 4.1.3 Nhờ thu nhập khẩu, Bảo lãnh nhận hàng, Các giao dịch bảo lãnh thư

Việc truy vấn tương tự như các giao dịch đã nêu trên đối với phần nhập.

### 4.2 Truy vấn các giao dịch xuất khẩu

Truy cập màn hình thông tin cần truy vấn cho các giao dịch xuất khẩu trên theo các đường dẫn thứ tự như sau:

- Enquiries/Exports/Letters /Beneficiary (Reference)
- Enquiries/Exports /Negotiation out/Beneficiary/reference
- Enquiries/Exports /Collection out/Drawer/reference

### 4.3 Truy vấn ký quỹ: Enquiry/Margin.

Chọn tên khách hàng có các giao dịch cần truy vấn ký quỹ. Nhấn F9 để lấy trong danh sách. Sau khi chọn tên khách hàng xong, hệ thống sẽ hiển thị các giao dịch của khách hàng để truy vấn ký quỹ. GDV có thể chọn một giao dịch cần truy vấn bằng cách chọn theo số tham chiếu. Hoặc nhấn F7 rồi đánh số tham chiếu sau đây nhấn F8 hệ thống sẽ hiển thị các thông tin cơ bản của giao dịch đấy.

Ref No	Process Type	Status	Prod / Sub Type	Branch	Issue Date	Mrg% Code	F Cov	Margin in Trans CCY	Amount
1000111100150	LC	Expired	111 / NOR	001	11/06/2010	10.00	USD		100,000.00
						MAR			10,000.00
1000111100158	LC	Active	111 / NOR	001	18/06/2010	10.00	USD		187,200.00
						MAR			18,720.00
1000111100187	LC	Active	111 / NOR	001	14/07/2010	10.00	USD		125,600.00
						MAR			12,560.00

Để biết thêm chi tiết về ký quỹ của giao dịch nào, GDV chọn giao dịch đó rồi chọn nút Details, hệ thống sẽ hiển thị chi tiết số tiền ký quỹ của LC, số ký quỹ đã được sử dụng, số ký quỹ còn lại...

Proc	Event Type	Seq	Ref No	Inc	Col	Dec	Util	Rfnd	Amount	Amount Settled
LC	STR	0	1000111100158	I	C	N			18,720.00	18,720.00
NE	STR	0	1000112100224						13,922.38	13,922.38
NE	STR	0	1000112100234						2,716.58	0.00

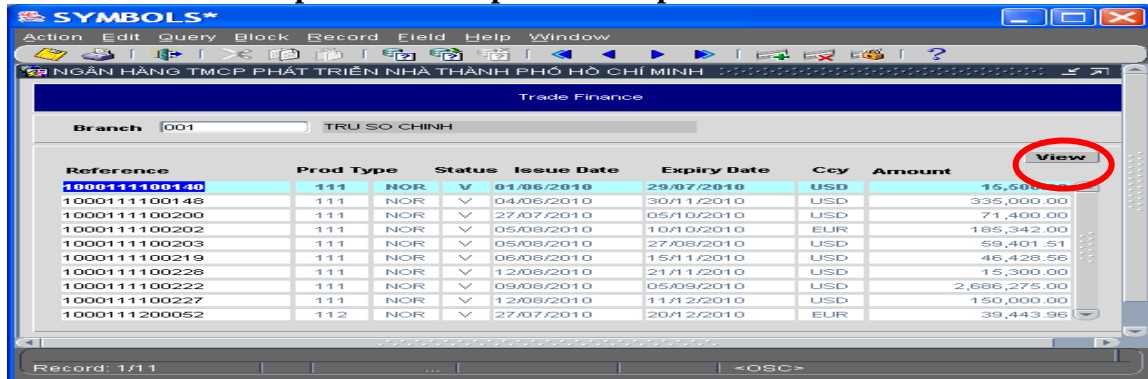
Lưu ý: Phần ký quỹ truy vấn ở phân hệ TF chỉ mang tính tham khảo, để biết ký quỹ thực tế người sử dụng phải kiểm tra sổ dư TK ký quỹ loại R.

## 5. In chứng từ

### 5.1 In LC

Một số trường hợp KH có nhu cầu kiểm tra nội dung LC trước khi chuyển đi nước ngoài, GDV có thể in LC sơ bộ do P.TTQT soạn qua đường dẫn:

**HD Bank/Report online/Reports/TF Report/MT 700 draft**



Chọn branch là 001 (do hiện nay chỉ có P.TTQT\_HO soạn LC nên tất cả LC đều có số tham chiếu là branch 001). Sau đó nhấn F7, đánh số tham chiếu cần in và nhấn F8, hệ thống sẽ hiện thị giao dịch cần in, click vào nút “VIEW”, hệ thống sẽ hiển thị nội dung của LC draft cần in.

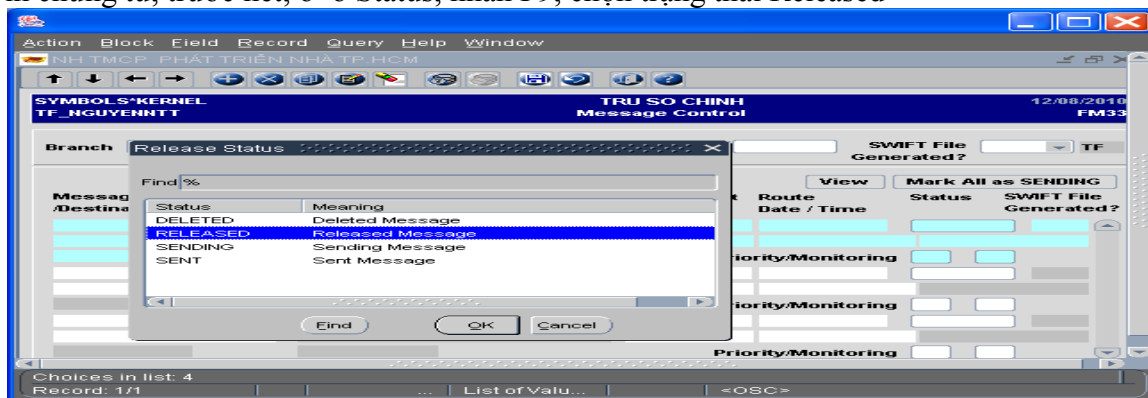
Lưu ý: LC được in ra từ màn hình này chỉ mang tính tham khảo và chỉ trong trường hợp KH có nhu cầu kiểm tra nội dung, LC này không phải là LC gốc. Chỉ những LC được in ra từ hệ thống Swift và có chữ ký của lãnh đạo P.TTQT\_HO mới là LC gốc.

### 5.2 In chứng từ:

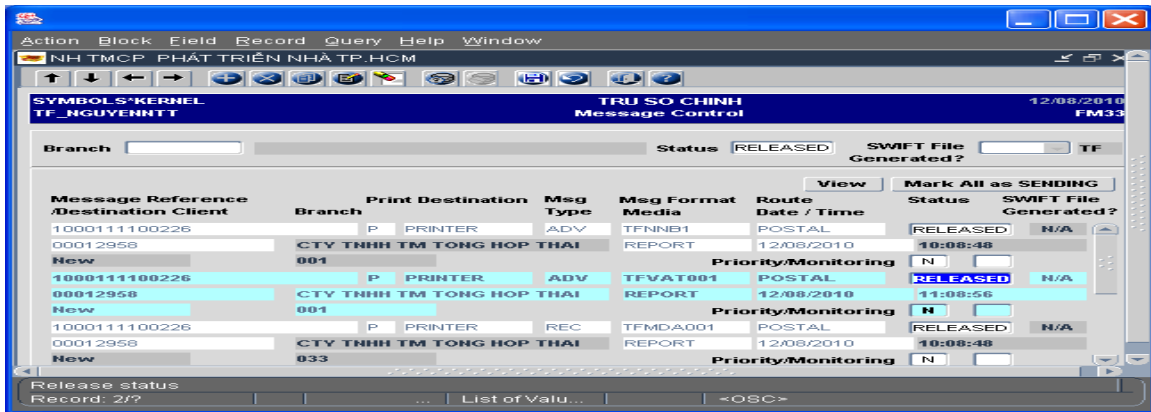
Sau khi P.TTQT\_HO thực hiện hoàn tất các giao dịch như phát hành LC, thu phí, thu ký quỹ ...., người sử dụng vào phân hệ TF in chứng từ để giao cho KH.

Đường dẫn: **Trade Finance/Message/Message Control**

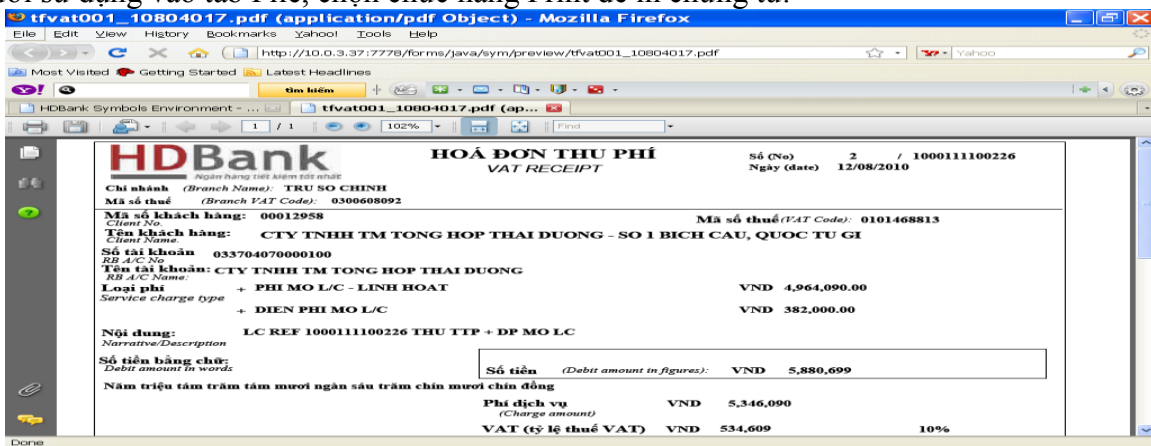
Để in chứng từ, trước hết, ở ô Status, nhấn F9, chọn trạng thái Released



Sau đó nhấn F7, nhập số REF của giao dịch cần in chứng từ rồi nhấn F8



Người sử dụng chọn chứng từ và nhấn vào nút View, màn hình sẽ hiển thị chứng từ cần in. Lúc này, người sử dụng vào tab File, chọn chức năng Print để in chứng từ.



- Lưu ý:**
- In hoá đơn thu phí thì chọn chứng từ có định dạng ở ô Msg Format là TFMCA001
  - In giấy báo nợ thì chọn chứng từ có định dạng ở ô Msg Format là TFMCA002 hoặc TFMCA001
  - In giấy báo có thì chọn chứng từ có định dạng ở ô Msg Format là TFMCA001 hoặc TFMCA002

**PHỤ LỤC****1. Mã sản phẩm**

Mã	Diễn giải
111	LC NK trả ngay
112	LC NK trả chậm
113	LC NK hỗn hợp
114	LC sơ bộ
121	Bộ chứng từ NK trả ngay
122	Bộ chứng từ NK trả chậm
131	Nhờ thu NK trả ngay
132	Nhờ thu NK trả chậm
141	LC NK dự phòng
151	Phát hành Bảo lãnh nhận hàng
152	Ký hậu chứng từ
211	LC xuất khẩu trả ngay
212	LC xuất khẩu trả chậm
213	LC xuất khẩu hỗn hợp
221	Bộ chứng từ XK trả ngay
222	Bộ chứng từ XK trả chậm
223	Bộ chứng từ XK hỗn hợp
231	Nhờ thu xuất trả ngay
232	Nhờ thu xuất trả chậm
241	LC XK dự phòng
311	Phát hành bảo lãnh ngân hàng
411	Nhận được bảo lãnh ngân hàng từ NHNN

**2. Mã sản phẩm thứ cấp**

Mã	Diễn giải
NOR	LC thông thường
CON	LC xác nhận/may add
CLN	Nhờ thu tron
CAD	Nhờ thu kèm chứng từ
NEB	Thương lượng chứng từ
OTH	Khác

**3. Nhóm khách hàng**

Mã	Diễn giải
DCO	Khách hàng doanh nghiệp trong nước
FCO	Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài
DFI	Tổ chức tín dụng trong nước
FFI	Tổ chức tín dụng nước ngoài



DIN	Khách hàng cá nhân trong nước
FIN	Khách hàng cá nhân nước ngoài
GOV	Tổ chức chính phủ
OTH	Các thành phần khác

#### 4. Mã sự kiện

Mã	Diễn giải
STR	Phát hành/khởi tạo
AMD	Sửa đổi
CAN	Hủy
EXP	Tất toán (đối với LC, BG, SG, DC)
MAT	Tất toán (đối với Bill)
RAC	Tái khôi phục
ZEN	Khai báo phí
ZST	Thanh toán phí
ACP	Chấp nhận thanh toán
DCP	Từ chối
ZZZ	Thu phí tự do
DRW	Drawdown
RVC	Thu hồi bảo lãnh
REC	Thu tiền
PAY	Trả tiền

#### 5. Mã trị giá hạch toán

Mã	Diễn giải
AM	Trị giá giao dịch
BA	Trị giá còn lại
DW	Trị giá thanh toán
SC	Trị giá thanh toán phí
SP	Trị giá thanh toán giao dịch
ML	Trị giá ký quỹ tính theo loại tiền LC

#### 6. Ý nghĩa đặc tính các field:

ĐẶC TÍNH	Ý NGHĨA
C	Character - Ký tự
M	Mandatory - Bắt buộc
A	Amendable - Có thể chỉnh sửa được
Q	Query able - Có thể chọn trong LOV

## HƯỚNG DẪN CHỌN MESSAGE GROUP

### 1. Nguyên tắc chọn message group:

Cần in ra chứng từ nào thì chọn message group tương ứng

Nếu không cần in ra chứng từ thì bỏ trống ô message group

### 2. Bảng liệt kê chứng từ phát sinh tương ứng với các message group

Sản phẩm	Sự kiện (Event_type)	Msg group	Chứng từ in ra
LC nhập	Mở LC (STR)	700	Điện 700 + phiếu nhập ngoại bảng
		705	Điện 705
		740	Điện 700 + điện 740 + phiếu nhập ngoại bảng
	Hủy LC (CAN)	OTH	phiếu xuất ngoại bảng
	Khôi phục LC (RAC)	OTH	Phiếu nhập ngoại bảng
	Tu chỉnh LC (AMD)	707	điện 707 + phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
		747	điện 707 + điện 747 + phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
		OTH	điện 707
Bộ chứng từ LC	Khởi tạo BCT (STR)	ISS	Thông báo BCT + phiếu nhập NB 9124 và phiếu xuất NB 9251
	Tu chỉnh BCT (AMD)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Hủy BCT (CAN)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Đáo hạn BCT (MAT)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Khôi phục BCT (RAC)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	BCT bất hợp lệ (DCP)	DIS	giấy thông báo chứng từ bất hợp lệ
		734	giấy thông báo chứng từ bất hợp lệ + điện 734
		752	điện 752
		732	điện 732
		796	điện 796
	Thanh toán BCT (PAY)	756	điện 756 + phiếu xuất ngoại bảng
		OTH	phiếu xuất ngoại bảng
	Chấp nhận BCT trả chậm (ACP)	754	Điện 754
Bộ chứng từ nhờ thu	Khởi tạo BCT (STR)	ISS	Thông báo chứng từ + Phiếu nhập ngoại bảng
		410	Thông báo chứng từ + Phiếu nhập ngoại bảng + điện 410
	Tu chỉnh BCT (AMD)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Hủy BCT (CAN)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Đáo hạn BCT (MAT)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Khôi phục BCT (RAC)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	BCT bất hợp lệ (DCP)	422	điện 422
	Thanh toán BCT (PAY)	400	điện 400 + phiếu xuất ngoại bảng
		OTH	phiếu xuất ngoại bảng
	Chấp nhận BCT trả chậm (ACP)	412	Điện 412
LC xuất	Khởi tạo LC (STR)	ISS	Thông báo LC xuất
		720	Thông báo LC xuất + điện 720 + điện 730
		710	điện 710 + điện 730

Bộ chứng từ LC xuất		OTH	Thông báo LC xuất + điện 730
	Nhận tu chỉnh LC (AMD)	AMD	Thông báo tu chỉnh LC
	Khởi tạo BCT (STR)	OTH	Thông báo tu chỉnh LC + điện 730
		ISS	Cover letter + phiếu nhập ngoại bảng
		742	Cover letter + phiếu nhập ngoại bảng + Điện 742
	Tu chỉnh BCT (AMD)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Hủy BCT (CAN)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Đáo hạn BCT (MAT)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Khôi phục BCT (RAC)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	BCT có bất hợp lệ (DCP)	750	Điện 750
		796	Điện 796
	Nhận tiền từ NHNN (REC)	REC	phiếu xuất ngoại bảng
Bộ chứng từ nhờ thu xuất	Khởi tạo BCT (STR)	ISS	phiếu nhập ngoại bảng + cover letter
		405	điện 405
	Tu chỉnh BCT (AMD)	AMD	phiếu xuất nhập ngoại bảng
		OTH	phiếu xuất nhập ngoại bảng + điện 430
	Hủy BCT (CAN)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Đáo hạn BCT (MAT)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	Khôi phục BCT (RAC)	OTH	phiếu xuất (nhập) ngoại bảng
	BCT có bất hợp lệ (DCP)	420	Điện 420
	Nhận tiền từ NHNN (REC)	REC	phiếu xuất ngoại bảng
	Thu phí (ZEN)	VAT	Hóa đơn VAT